



HỘ ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN



# HỎI - ĐÁP VỀ XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN MINH

(TÁI BẢN CÓ SỬA CHỮA, BỔ SUNG)



NHÀ XUẤT BẢN |  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



# **HỎI - ĐÁP VỀ XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN MINH**

**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN**

**Chủ tịch Hội đồng:**

TS. NGUYỄN THẾ KỲ

**Phó Chủ tịch Hội đồng:**

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

**Thành viên:**

TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

TS. NGUYỄN AN TIÊM

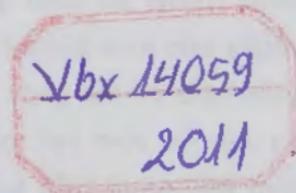
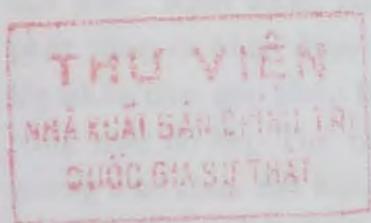
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Mã số: 3.39  
CTQG-2011

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

HỎI - ĐÁP  
VỀ XÂY DỰNG  
NẾP SỐNG VĂN MINH

(TÁI BẢN CÓ SỬA CHỮA, BỔ SUNG)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT  
HÀ NỘI - 2011

**CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN:**

**NGUYỄN ĐẠO TOÁN**

Nguyễn Cục Trưởng Cục Văn hóa cơ sở

**NHÓM BIÊN SOẠN:**

ThS. TRẦN THỊ TUYẾT MAI

ThS. NGUYỄN QUỐC HUY

ThS. NGUYỄN THU TRANG

CN. NGUYỄN DUY KIÊN

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm tới việc xây dựng văn hóa, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Chủ trương đó đã được cụ thể hóa bằng nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định... được ban hành trong những năm qua. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã ban hành Nghị quyết về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Một trong những giải pháp lớn để triển khai Nghị quyết là mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*". Năm 2000, phong trào đã chính thức được phát động và nhận được sự hưởng ứng của nhiều tầng lớp nhân dân, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn cũng như đô thị. Tuy nhiên, tại một số địa phương, phong trào chưa đạt hiệu quả như mong đợi một phần do công tác tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở còn hạn chế, một phần do nhận thức của người dân về vấn đề này chưa đầy đủ.

Để hỗ trợ cho công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tăng cường hiệu quả thực thi các nghị quyết, chỉ

thi thong tu cua Dang va Nha nuoc ve xay dung den  
song van hoa dong thoi giup cho nhan dan can bo xay  
phuong thi tron nam duoc nhung quy dinh co ban cua  
Dang va Nha nuoc trong cong tac van hoa theo tien tai  
xa phuong thi tron. Nha xuat ban Chinh tri quoc gia -  
Suy that phoi hop voi Cuc Van hoa co so, Bo Van hoa.  
**Thể thao và Du lịch** xuất bản cuốn sách *Hội - dapper ve  
xay dựng nếp sống văn minh*

Phần chính của cuốn sách được trình bày dưới  
dạng câu trả lời và tra lời về những nội dung cụ thể  
của việc xay dựng nếp sống văn minh như việc cưới,  
việc tang, việc tổ chức lễ hội, tiêu chí đánh giá gia đình  
văn hóa, làng, bản, tổ dân phố văn hóa... Vì vậy, cuốn  
sách sẽ là **cẩm nang** rất **hữu ích** cho các cán bộ làm  
công tác văn hóa - xã hội ở cơ sở đồng thời giúp cho mọi  
người dân dễ dàng tiếp cận, từ đó thực hiện tốt chủ  
trương của Đảng và Nhà nước.

Mặc dù các tác giả và Nhà xuất bản đã rất cố gắng  
nhưng chắc rằng cuốn sách khó tránh khỏi những  
khiếm khuyết. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp  
của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc

*Hà Nội, tháng 5 năm 2011*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

## LỜI GIỚI THIỆU

Công tác xây dựng nếp sống văn hoá là một nội dung quan trọng luôn được Đảng và Bác Hồ quan tâm chỉ đạo. Tháng 3 năm 1947, trong tác phẩm "*Đời sống mới*", dưới bút danh Tân Sinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Người là gốc của làng nước. Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường".

Nội dung công tác xây dựng nếp sống văn hoá rất phong phú và đa dạng, trong đó vấn đề xây dựng gia đình văn hoá, làng (thôn, ấp, bản...), tổ dân phố văn hoá; việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và xây dựng nếp sống văn minh trong công sở là những nội dung quan trọng đòi hỏi sự quan tâm thực hiện của mọi công dân, của các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế, xã hội nhằm xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nhằm góp phần làm cho mọi người hiểu rõ hơn về công tác xây dựng đời sống văn hoá, đặc biệt là cán bộ đang làm công tác văn hoá - xã hội ở cơ sở tiếp cận, nghiên cứu vận dụng thực hiện trong công tác của ngành, Cục Văn hoá cơ sở - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch biên soạn cuốn sách "*Hỏi - đáp về xây dựng nếp sống văn minh*".

Nội dung cuốn sách gồm 3 phần:

*Phân thư nhất*: Tác phẩm "Đời song mờ" của Chủ tịch Hồ Chí Minh

*Phân thư hai*: Hồi và đáp về thực hiện nếp sống văn minh

*Phân thư ba*: Một số văn bản của Đảng và Nhà nước về nếp sống văn hóa

Trong khuôn khổ cơ bản của cuốn sách, chỉ trình bày giới hạn trong một số vấn đề về nếp sống văn minh trong cưới, tang, lễ hội và văn minh công sở. Một số vấn đề khác về nếp sống văn minh, cuốn sách chưa đề cập.

Cuốn sách được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản và phát hành đến xã (phường, thị trấn..)

Trong quá trình biên soạn (có sử dụng tài liệu tham khảo của đồng nghiệp), sẽ có tranh khơi sơ suất, mong nhận được sự quan tâm, góp ý của bạn đọc.

CỤC VĂN HÓA CƠ SỞ

Phần thứ nhất

**TÁC PHẨM "ĐỜI SỐNG MỚI" CỦA  
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**



## **ĐỜI SỐNG MỚI**

### **TƯA**

*Trong lúc kháng chiến cứu quốc chúng ta phải đồng thời kiến quốc. Thực hành đời sống mới là một điều cần kíp cho công cuộc cứu quốc và kiến quốc.*

Anh TÂN SINH viết quyển "Đời sống mới" một cách ngắn tắt, rõ ràng, thiết thực, dễ hiểu. Đó là một quyển sách nhỏ, chỉ rõ bước đường đời sống mới.

*Tôi mong đồng bào ta mỗi người có một quyển "Đời sống mới" để xem, để hiểu, để thực hành đời sống mới.*

*Như thế, chúng ta nhất định sẽ tiến bộ lớn.*

**HỒ CHÍ MINH**

---

\* Tác phẩm được viết xong ngày 20-3-1947. Ký tên Tân Sinh do Ủy ban Trung ương vận động "Đời sống mới" xuất bản năm 1947. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.5, tr.91-110.

# I

**Hỏi:** Trong lúc này, người thì lo đánh giặc, người thì lo phá hoại, người thì lo tan cư, toàn dân ai cũng khóc nhọc vật vã. Kêu gọi thực hành đời sống mới, chẳng không hợp thời sao?

**Dáp:** Hợp thời lắm. Chính trong lúc này càng phải thực hành đời sống mới là Cần, Kiêm, Liêm, Chính.

Quân đội phải siêng tập, siêng đánh. Nhân dân tăng gia sản xuất, phải siêng làm, thi kháng chiến chắc chắn thắng lợi, thế cho nên phải Cần.

Binh sĩ phải tiết kiệm đạn dược, mỗi viên đạn một tên thù. Nhân dân phải tiết kiệm vật liệu, mới giúp được bộ đội và đồng bào tan cư. Thế cho nên phải Kiêm.

Mọi người đều trong sạch, không tham lam, không đem của công dùng vào việc tư, thì mọi việc mới chạy. Cho nên ai cũng phải Liêm.

Mỗi người quốc dân đều phải vì nước quên nhà, hăng hái ủng hộ kháng chiến, ra sức tăng gia sản xuất, trừ diệt bọn bán nước hại dân quyết làm cho Tổ quốc thống nhất độc lập. Thế là Chính. Do đó thì biết, đời sống mới lúc này rất hợp thời.

## II.

**Hỏi:** Sao gọi là đời sống mới?

**Đáp:** Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũ cũng làm mới.

Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam.

Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: Đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi.

Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Thí dụ: Ta phải tương thân tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước.

Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm. Thí dụ: Ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp.

Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích đời sống mới.

## III.

**Hỏi:** Đời sống mới việc đầu hết<sup>1</sup> là gì?

**Đáp:** Bất kỳ ai, muốn sống thì phải có bốn điều<sup>2</sup> ăn, mặc, ở, đi lại.

Muốn có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, đường đi, thì

---

1. Việc trước tiên (B.T).

2. Ở các trang sau, tác giả nói năm điều: ăn, mặc, ở, đi lại và làm việc (B.T).

**phản lam** Từ trước đến giờ, ta vẫn có làm, vẫn cũn  
tâm, ao, nhà, đường sá. Nhưng ví làm chưa hợp  
lý cho nên số đông dân ta ăn đói, mặc rách, nhâ  
của chật hẹp, đường sá gập ghềnh.

Người nghèo khổ thì nhiều, người no ấm thì  
ít. Đời sống mới không phải cao xa gì, cũng không  
phải khó khăn gì. Nó không bao ai phải hy sinh  
chút gì.

Nó chỉ sửa đổi những việc rất cần thiết, rất  
phổ thông, trong đời sống của mọi người, tức là  
**sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách di lui,**  
**cách làm việc.**

Sửa đổi được **nhiều** điều đó, thì mọi người  
đều được hưởng hạnh phúc. Mà chắc sửa đổi  
được, **vì nó không có gì là gay go, khó làm.**

#### IV.

**Hỏi:** Những người giàu, dà săn sung  
sướng không cần làm đời sống mới. Những  
người nghèo, không tiền, không cua, thì làm  
dời sống mới thế nào?

**Dáp:** Không phải như vậy, càng giàu có,  
càng cần làm đời sống mới. Nếu một mình no  
ấm, mà nỡ để đồng bào xung quanh đói rét, đến  
khi giàe cười lung tung, thì dù giàu cũng không  
hương được. Lại thí dụ: Nếu người giàu không  
giúp cho dân nghèo ăn ở đúng vệ sinh, đến khi  
có bệnh dịch thì người giàu cũng khó sống.

Nghèo mà làm đời sống mới thì có ngày trở nên đầy đủ. Tục ngữ nói: "Tay siêng làm, thì hàm có nhai". *Siêng làm* là một trong bốn điều đời sống mới.

Vì có làm thì nhất định có ăn. Tục ngữ lại nói: "Đói cho sạch, rách cho thơm", mình dù nghèo, ai cấm mình ăn ở sạch sẽ? Sạch sẽ tức là một phần đời sống mới. Sạch sẽ thì ít đau ốm. Sức khỏe thì làm được việc, làm được việc thì có ăn. Xem đó thì biết rằng ai cũng nên làm đời sống mới.

## V.

**Hỏi: Khẩu hiệu đời sống mới ra một năm nay đã có kết quả chưa?**

**Đáp:** Đã có kết quả. Trong nhiều làng, các cụ phụ lão đã giảm bớt việc cúng tế; đem tiền đó hoặc giúp bình dân học vụ, hoặc làm việc ích chung. Dân ta phải biết ơn các cụ đã hăng hái làm gương như thế.

Nhiều nơi, chị em phụ nữ đã sửa đổi cách ăn mặc gọn gàng, đã biết chung nhau nuôi gà, nuôi lợn.

Nhiều nơi, thói cờ bạc, say xưa, hút xách, trộm cắp giảm bớt rất nhiều.

Đó là những kết quả đầu. Tuy vậy kết quả như thế chưa đủ. Còn thiếu nhiều lắm. Mỗi đồng bào, bất kỳ già trẻ, gái trai, giàu nghèo, cần phải cố gắng, làm cho đời sống mới lan khắp cả nước.

Lúc đó mới có thể nói rằng: Chúng ta đã thực hành đời sống mới.

## VI.

### Hỏi: Đời sống mới có mấy thứ?

**Đáp:** Nói chung, thì đời sống mới có thể chia làm hai thứ. Một là đời sống mới riêng, từng người. Hai là đời sống mới chung, từng nhóm người, như các bộ đội, các nhà máy, các trường học, các công sở, v.v..

Mỗi người, mỗi đoàn thể lại phải theo công việc, nghề nghiệp của mình, mà làm đời sống mới cho hợp với hoàn cảnh. Nhưng bất kỳ người nào, đoàn thể nào, cũng không ngoài năm việc là: ăn, mặc, ở, đi, làm.

Thí dụ: Một em nhi đồng, khi ở nhà thì siêng giúp đỡ cha mẹ, anh em, ăn ở sạch sẽ, không gắp đâu nambi dó, không gắp gì ăn này, không ỉa bậy, đái bậy.

Lúc đến trường, thì siêng học, giữ kỷ luật, biết tiết kiệm giấy bút, yêu anh em.

Lúc ra đường thì biết giúp đỡ gia đình các chiến sĩ, an ủi đồng bào tản cư, biết giữ bí mật, biết chú ý những kẻ lạ mặt, để phòng Việt gian. Những việc đó không có gì là khó, em bé nào cũng có thể làm. Mà đó tức là đời sống mới của các em nhi đồng.

## VII.

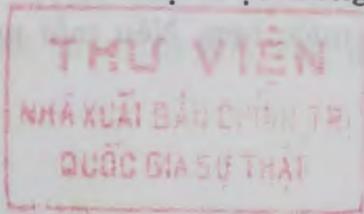
**Hỏi: Trẻ em như thế còn người lớn thì sao?**

**Đáp:** Lúc này đang kháng chiến, cái gì cũng hiếm. Kháng chiến thắng lợi rồi, thì phải kiến thiết. Lúc kháng chiến cũng như khi kiến quốc, dân ta cần phải tiết kiệm, những cái gì không cần thiết làm thì phải bớt đi, bỏ đi, mới có thể tự cấp, tự túc.

Thí dụ: Đàn ông không có cổ cồn, ca vát cũng không hại gì. Đàn bà không có son phấn, xuyến vòng cũng vẫn sống được. Vậy thì những thứ đó và các thứ xa xỉ khác ta phải bỏ đi.

Lại thí dụ: Phụ nữ ta mặc rất dài. Đi, chạy hoặc làm việc đã khó, lại tốn nhiều vải. Hai cái áo dài có thể làm thành ba cái áo vắn. Nước ta cả già lẫn trẻ có 10 triệu phụ nữ. Tính đổ đồng cần đến 25 triệu thước vải may áo. Theo thời giá, 25 triệu thước vải đồng lầm lúc này cũng đến 1.000 triệu đồng. Nếu phụ nữ ta không ham mặc áo dài như bây giờ thì tự mình đi đứng làm việc đã tiện, lại sén được 200 triệu đồng để giúp việc kiến quốc. Vì vậy, phụ nữ ta bỏ cách ăn mặc lượt thượt, tức là làm đời sống mới.

Việc nói trên chẳng khó gì. Phụ nữ ai cũng làm được. Mà đó tức là một việc trong đời sống mới của phụ nữ.



### VIII.

**Hỏi:** Đời sống mới với việc tăng gia sản xuất, quan hệ với nhau thế nào?

**Đáp:** Việc tăng gia sản xuất cũng như mọi việc khác, đều rất quan hệ với đời sống mới.

Tăng gia sản xuất tức là một bộ phận trong đời sống mới. Có tinh thần đời sống mới, thì tăng gia sản xuất mới chóng thành công. Mà tăng gia sản xuất có thành công, thì đời sống mới dễ thực hiện. Muốn tăng gia sản xuất, mọi người phải *Cần*, phải *Kiệm*. *Không Cần*, thì phí thời giờ nhiều mà sản xuất được ít. *Không Kiệm* thì làm được bao nhiêu, dùng hết bấy nhiêu, rút cục cũng như sản xuất ít. Tăng gia sản xuất ích riêng cho mình mà cũng ích chung cho cả nước. Nếu không có tinh thần *Liêm* và *Chính*, nếu tham lam ích kỷ, thì không thể phát đạt việc tăng gia sản xuất. Vì vậy, tăng gia sản xuất và đời sống mới phải đi đôi với nhau, không thể lìa nhau.

### IX.

**Hỏi:** Riêng một người mà nói, thì đời sống mới là thế nào?

**Đáp:** Do nhiều người nhóm lại mà thành làng. Do nhiều làng nhóm lại mà thành nước. Nếu người này cũng xấu, người kia cũng xấu, thì thành làng xấu, nước hèn. Nếu mỗi người đều tốt, thì

thành làng tốt, nước mạnh. Người là gốc của làng nước. Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường.

Bây giờ lấy một người *chung* mà nói, nghĩa là một người quốc dân Việt Nam, không kỳ giàu hay nghèo, già hay trẻ, gái hay trai, thì đời sống mới đại khái gồm mấy điểm sau này:

Về *tinh thần*, một là sốt sắng yêu Tổ quốc. Việc gì lợi cho nước, phải ra sức làm. Việc gì hại đến nước, phải hết sức tránh.

Hai là *sắn lòng công ích*. Bất kỳ việc to việc nhỏ, có ích chung thì phải hăng hái làm. Thí dụ: Thấy một nhành gai nằm giữa đường, ta lấy vứt đi, cho người khác khỏi dẫm phải. Thế cũng là công ích. Hy sinh tài sản giúp kháng chiến, đồng bào tản cư, di cư, cũng là công ích.

Ba là mình hơn người thì chớ kiêu căng.

Người hơn mình, thì chớ nịnh hót.

Thấy của người thì chớ tham lam. Đổi của mình thì chớ bùn xỉn.

Cách *ăn mặc*, phải sạch sẽ, giản đơn, chất phác, chớ lượt thượt, xa xỉ, loè loẹt.

Cách *làm việc*, phải siêng năng, có ngăn nắp, có tinh thần phụ trách, đã làm việc gì, thì làm cho kỹ dược, làm đến nơi đến chốn. Chớ làm dối.

Cách *cư xử*, đối với đồng bào thì nên thành thực, thân ái, săn lòng giúp đỡ.

Biết *ham học*. Trước hết là học chữ, học làm tính. Biết chữ, biết tính, thì làm việc gì cũng dễ

dàng hơn. Một người không biết chữ, biết tính thì như nửa mù nửa quáng. Biết rồi, ta học thêm.

Ngoài ra, còn biết bao nhiêu điều cần học. Việc thế giới rất nhiều, học không bao giờ hết. Người có học mới có tiến bộ. Càng học càng tiến bộ.

Đó là đời sống mới của một người. Thủ hỏi có gì cao xa, khó khăn không? Không có gì là khó. Không cần thông minh tài trí, miễn là mình muốn làm, có chí làm thì nhất định làm được. Ai cũng làm như thế, thì tự nhiên nước Việt Nam ta trở nên một nước mới, một nước văn minh.

## X.

**Hỏi: Đời sống mới trong một nhà nên thế nào?**

**Đáp:** Mỗi người làm đúng theo đời sống mới thì đời sống mới trong một nhà cũng dễ dàng thôi. Cũng như mỗi viên đá trơn tru vững chắc, thì chỉ cần một ít vôi là đắp thành một bức tường tốt.

Về tinh thần, thì phải trên thuận, dưới hoà, không thiên tư, thiên ái. Bỏ thói mẹ chồng hành hạ nàng dâu, dì ghẻ ghét bỏ con chồng.

Về vật chất, từ ăn mặc đến việc làm, phải ăn đều, tiêu sòng. Có kế hoạch, có ngăn nắp.

Cưới hỏi, giỗ Tết nên giản đơn, tiết kiệm.

Trong nhà ngoài vườn, luôn luôn sạch sẽ gọn gàng.

Đối với xóm giềng, phải thân mật và săn lòng

giúp đỡ. Đối với việc làng việc nước, phải hăng hái làm gương.

Người trong nhà ai cũng biết chữ.

Luôn luôn cố gắng, làm cho nhà mình thành một nhà kiểu mẫu trong làng.

Đời sống mới trong nhà, đại khái là như thế. Đó cũng không có gì là khó, không cần tốn tiền, tốn công. Có chí làm là làm được. Mà một nhà như thế, nhất định phải phát đạt.

## XI.

**Hỏi: Đời sống mới trong một làng nên thế nào?**

**Đáp:** Trong một làng, nhà thì có nhà giàu, nhà vừa, nhà nghèo. Người thì có người tốt, người vừa, người kém. Học thì có kẻ thông, kẻ vừa, kẻ dốt. Hai hạng trên phải tìm cách giúp đỡ, cảm hoá hạng thứ ba.

Công việc làm ăn thì có nghề làm ruộng, nghề thủ công và nghề buôn bán. Phải tìm cách giúp đỡ lẫn nhau. Tốt nhất là tổ chức hợp tác xã, thì nghề nào cũng dễ tăng gia sản xuất. Vì nhiều người đồng sức, thì tốn thì giờ ít, mà kết quả nhanh hơn, nhiều hơn.

Về văn hoá, phải làm cho cả làng đều biết chữ, biết đạo đức và trách nhiệm của công dân.

Về phong tục, phải cấm hẵn say sưa, cờ bạc, hút xách, bợm bã, trộm cắp. Phải tìm cách làm

cho không có đánh chửi nhau, kiện cáo nhau. Làm cho làng mìn thành một làng "phong thuần túc mỹ".

Về vệ sinh, đường sá phải sạch sẽ. Ao tắm giặt, giếng nước uống phải phân biệt và săn sóc cẩn thận. Những ao hồ không cần thì lấp đi, cho đỡ muỗi.

Phải có cầu xia chung, hoặc cầu xia riêng từng nhà. Đã khỏi hôi thối, ruồi nhặng, lại có phân tốt.

Trong lúc kháng chiến làng mìn có tiểu đội du kích, phải ra sức giúp việc phá hoại để ngăn địch. Phải cẩn thận đề phòng Việt gian, giúp đỡ bộ đội, giúp đỡ đồng bào tản cư, di cư.

Phải tổ chức những hội quần chúng, những hội Cứu quốc, hội Liên hiệp quốc dân.

Nói tóm lại, về tổ chức, về sản xuất, về vệ sinh, về văn hoá, về kháng chiến, việc gì làng mìn cũng có thể làm kiểu mẫu cho các làng xung quanh.

Muốn như thế, một cách tốt nhất là tổ chức thi đua. Người này thi đua với người khác. Nhà này thi đua với nhà khác. Làng này thi đua với làng khác. Ai hơn thì được nhân dân kính trọng và Chính phủ khen thưởng. Như vậy, ai cũng hăng hái. Cán bộ của làng phải là người trong sạch, công bình, thạo việc, có thể làm gương cho dân làng; có thể hy sinh lợi ích riêng cho lợi ích chung. Trong nước Việt Nam

Dân chủ Cộng hoà, dân có quyền lựa chọn những cán bộ như thế.

## XII.

**Hỏi: Thế nào là đời sống mới trong một trường học?**

**Đáp:** Trong một trường học, các thầy nên thi nhau tìm cách dạy sao cho dễ hiểu, dễ nhớ, nhanh chóng và thiết thực.

Các trò nên đua nhau học. Đồng thời, biết tiết kiệm giấy bút, biết giữ kỷ luật.

Từ tiểu học, trung học, cho đến đại học, là nơi rèn luyện nhân đồng và thanh niên. Óc những người tuổi trẻ trong sạch như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ. Vì vậy sự học tập ở trong trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên, và tương lai của thanh niên tức là tương lai của nước nhà.

Vì vậy, cốt nhất là phải dạy cho học trò biết yêu nước, thương nòi. Phải dạy cho họ có chí tự lập, tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ.

Phải dùng những lời lẽ giản đơn, những thí dụ thiết thực mà giải thích: Dân chủ là gì, tự do là gì, thuộc địa là gì. Vì sao ta phải kháng chiến. Họ có thể làm những việc gì để giúp đỡ kháng chiến. Nên giữ bí mật thế nào, để phòng Việt gian thế

nào. Nên giúp đồng bào tản cư thế nào. Nên giúp bình dân học vụ thế nào, v.v..

Cố nhiên, trong lúc dạy, chớ nên làm cho học trò có tư tưởng vị quốc như bọn phátxít, vị quốc nghĩa là chỉ biết yêu trọng nước mình mà khinh ghét nước người. Cũng phải tránh cách nói vu vơ, như có người nói chuyện với các em nhi đồng, mà đem "tân dân chủ" và "cựu dân chủ" ra mà nói.

Nói tóm lại: Trong chương trình học, phải trọng về môn tinh thần và đạo đức. Phải tẩy sạch óc kiêu ngạo, tự phụ, mà giáo dục thực dân còn để lại.

Hơn nữa, phải khuyên học trò tham gia việc tăng gia sản xuất. Điều này cũng quan trọng lắm. Một là làm cho họ biết kính trọng sự cần lao. Hai là tập cho họ quen khổ. Ba là cho họ cái chí khí tự thực kỷ lực (làm lấy mà ăn), không ăn bám xã hội. Bốn là có ích cho sức khỏe của họ. Đại khái đời sống mới của một trường học là như thế. Lớp này nên thi đua với lớp khác, trường này với trường khác, làm cho học trò thêm hăng hái.

### XIII.

**Hỏi: Đời sống mới trong bộ đội nên thế nào?**

**Đáp:** Bộ đội là một đoàn thể tổ chức nghiêm ngặt đă săn, càng dễ thực hành đời sống mới.

Một là kỷ luật phải cực kỳ nghiêm.

Hai là siêng tập luyện.

Ba là làm cho trong bộ đội ai cũng biết chữ.

Trong các bộ đội ta, ít nhất là một phần nửa binh sĩ đã biết chữ. Những người chỉ huy phải tổ chức cho khéo, ngoài những lớp học, giao cho mỗi một người biết chữ phụ trách dạy cho một hay hai người chưa biết, thì trong vài ba tháng, tất cả binh sĩ đều biết chữ.

Bốn là mỗi người binh sĩ phải biết chính trị ít nhiều. Họ đem xương máu ra giữ gìn Tổ quốc, thì chẳng những họ phải hiểu vì sao mà hy sinh, họ lại phải có thể nói cho người khác biết vì sao phải yêu nước.

Năm là bộ đội cũng phải tăng gia sản xuất. Cố nhiên những bộ đội ở trước mặt trận, phải luôn luôn lo việc đánh giặc, không có thì giờ đâu mà làm việc khác. Song những bộ đội ở hậu phương thì cần làm, và quyết làm được. Tuỳ theo hoàn cảnh mỗi bộ đội, hoặc làm vườn, nuôi lợn, hoặc làm giúp dân. Có lúc bộ đội chia phiên nhau, lớp đánh giặc, lớp làm ruộng làm vườn, để tự cấp tự túc, không phiền đến dân cả mọi việc.

Sáu là tiết kiệm. Tiết kiệm thuốc đạn, bắn cho đúng, không bắn phí đạn. Nhờ thế mà bớt được nguyên liệu, bớt được công khó rèn đúc, công khó vận tải, đem tài liệu và công phu đó làm việc khác.

Tiết kiệm lương thực và vải vóc, chớ nghĩ rằng cơm ăn áo mặc đã có Chính phủ lo, đã có đồng bào giúp, thì ta không cần tiết kiệm. Bộ đội có hàng mẩy vạn người. Nếu mỗi người tiết kiệm

một chút, sản xuất một chút, góp lại sẽ thành một số rất to.

Bảy là vệ sinh. Bộ đội đồng người ăn chung, ở chung, nếu có bệnh càng dễ lây cho nhau. Cho nên càng phải rất chú ý việc vệ sinh.

Tám là ăn ở cho được dân tin, dân phục, dân yêu. Hay giúp đỡ dân, giữ đúng kỷ luật thì được như thế.

Chín là đánh được nhiều giặc, lấy được nhiều súng. Bộ đội này thi đua với bộ đội khác làm đời sống mới.

#### XIV.

**Hỏi: Đời sống mới trong các công sở nên thế nào?**

**Đáp:** Từ Chủ tịch Chính phủ cho đến người chạy giấy, người quét dọn trong một cơ quan nhỏ, đều là những người ăn lương của dân, làm việc cho dân, phải được dân tin cậy. Vì vậy, những người làm trong các công sở càng phải làm gương đời sống mới cho dân bắt chước.

Những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân.

1. *Cần* - Làm việc phải đến đúng giờ, chờ đến trễ, về sớm. Làm cho chóng, cho chu đáo. Việc ngày nào, nên làm xong ngày ấy, chờ để chờ ngày

mai. Phải nhớ rằng: dân đã lấy tiền mồ hôi nước mắt để trả lương cho ta trong những thời giờ đó. Ai lười biếng tức là lừa gạt dân.

2. *Kiệm* - Giấy bút, vật liệu, đều tổn tiên của Chính phủ, tức là của dân; ta cần phải tiết kiệm. Nếu một miếng giấy nhỏ đủ viết, thì chớ dùng một tờ to. Một cái phong bì có thể dùng hai ba lần. Mỗi ngày, công sở cả nước dùng hàng vạn tờ giấy và phong bì. Nơi nào cũng tiết kiệm một chút, thì trong một năm đã được hàng vạn tấn giấy, tức là hàng triệu đồng bạc. Các vật liệu khác cũng vậy. Nhờ các công sở tiết kiệm, mà lợi cho dân rất nhiều.

3. *Liêm* - Những người ở các công sở, từ làng cho đến Chính phủ trung ương, đều dễ tìm dịp phát tài, hoặc xoay tiền của Chính phủ, hoặc khoét đục nhân dân. Đến khi lộ ra, bị phạt, thì mất hết cả danh giá, mà của phi nghĩa đó cũng không được hưởng. Vì vậy, những người trong công sở phải lấy chữ *Liêm* làm đầu.

4. *Chính* - Mình là người làm việc công, phải có công tâm, công đức. Chớ đem của công dùng vào việc tư. Chớ đem người tư làm việc công. Việc gì cũng phải công bình, chính trực, không nên vì tư ân, tư huệ, hoặc tư thù, tư oán. Mình có quyền dùng người thì phải dùng những người có tài năng, làm được việc. Chớ vì bà con bầu bạn, mà kéo vào chức nọ chức kia. Chớ vì sợ mất địa vị mà

dùm những kẻ có tài năng hơn mình. Phải trung thành với Chính phủ, với đồng bào. Chớ lên mặt làm quan cách mệnh.

## XV.

**Hỏi:** Trong một xưởng máy có thể làm đời sống mới không?

**Đáp:** Có lầm chứ! Trong một xưởng máy, một bên là *chủ*, một bên là *thợ*. Từ trước đến nay, chủ bao giờ cũng muốn lời nhiều, mà trả công ít. Thợ thì muốn làm việc ít mà được tiền công nhiều. Vì thế sinh xích mích, không lợi cho cả hai bên.

Nếu làm theo đời sống mới thì lợi cho cả chủ lẫn thợ.

Chủ phải hiểu rằng: nếu công nhân đủ ăn, đủ mặc, thì họ mới đủ sức; đủ sức thì làm được việc. Một con ngựa ăn no mới chạy nhanh. Một cái máy đủ dầu mỡ mới quay đều. Người ta cũng thế.

Nếu công nhân biết rằng: họ chẳng những làm lợi cho chủ, mà họ cũng có một phần lợi, thì họ sẽ hăng hái làm.

Vì vậy, chủ muốn được việc, thì đổi với lương bổng, nhà ở, vệ sinh và cách đối đãi công nhân, cần phải rộng rãi tử tế.

Lại nên có những lớp học cho thợ, và con thợ. Thợ học cho tinh xảo hơn. Con thợ học sẽ dễ thế cho những người thợ già về hưu.

Nên mở hợp tác xã cho công nhân mua các thứ cần dùng được rẻ hơn. Phí tổn làm những việc đó, không mất mát đi đâu. Thợ vui vẻ làm việc thì chủ sẽ lợi gấp 5 gấp 10 số phí tổn đó.

Một khi chủ đã cư xử như thế, thì thợ phải cố gắng làm. Làm nhanh hơn, khéo hơn. Tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm vật liệu. Vì lợi cho chủ tức là lợi cho mình một phần.

Chủ và thợ hợp tác chặt chẽ, thì hai bên đều có lợi. Vì hợp tác chặt chẽ, mới thực hiện được tăng gia sản xuất và tăng gia sản xuất càng có kết quả thì chủ và thợ càng được lợi.

Chủ và thợ đều phải nhớ rằng: tăng gia sản xuất chẳng những lợi riêng cho chủ và thợ, mà còn lợi chung cho nền kinh tế của Tổ quốc, lợi chung cho toàn thể đồng bào. Bởi vậy, các nhà máy cần phải làm theo đời sống mới.

## XVI.

**Hỏi: Thực hành đời sống mới dễ hay là khó?**

**Đáp:** Nói dễ thì dễ. Nói khó thì khó. Tục ngữ có câu: "Việc đời không gì khó, chỉ sợ chí không bền".

**DỄ** là vì:

a) Người ta ai cũng muốn sung sướng mạnh khoẻ, ai cũng muốn nhà cửa sạch sẽ, con cái tốt tươi. Mục đích đời sống mới là làm cho mọi người thoả lòng mong muốn đó. Cho nên ai cũng tán thành đời sống mới, không ai phản đối.

b) Đời sống mới lợi nhiều chứ không hại. Lợi cho toàn thể, mà không hại đến cá nhân. Không có gì cao xa khó khăn, làm thì thấy kết quả ngay trước mắt.

c) Không tốn công, tốn của cũng làm được. Những việc đời sống mới to tát, như đào kênh, đắp đường, tuy có tốn công, tốn của một lần, nhưng về sau sẽ có lợi gấp 100 gấp 1.000 công của mình bỏ ra khi làm.

Vì vậy có quyết tâm thì đời sống mới rất dễ làm.

**KHÓ** là vì:

a) Việc dễ mای nhưng không quyết chí bền gan thì cũng không bao giờ làm được. Một hòn núi, ta cố xuyên mãi, lâu ngày xuyên cũng thông. Một cái cành cây khô, ta không chịu khó bẻ, thì không bao giờ bẻ gãy.

b) Thói quen rất khó đổi. Cái tốt mà lạ, người ta có thể cho là xấu. Cái xấu mà quen người ta cho là thường. Một vài thí dụ:

Chồng đánh chửi vợ, cha mẹ đánh chửi con, là điều rất dã man. Nhưng vì ta quen thấy, nên ta cho là việc thường.

Dàn bà để tóc dài, thường có chấy, do bẩn. Nếu có sốt định kỳ thì lại dễ lây, dễ chết. Cái hại đó ai cũng biết. Nếu hớt tóc ngắn thì sạch sẽ gọn gàng. Không sợ dịch sốt. Lợi và hại rất rõ ràng. Nhưng vì thói quen, dàn bà ít người muốn hớt tóc.

c) Ta có tính gấp sao hay vậy. Thà chịu khát chứ không muốn đào giếng. Nói tóm lại là tính

lười. Vả lại, bất kỳ việc gì, bước đầu cũng khó. Việc đời sống mới cũng vậy.

## XVII.

**Hỏi: Thế thì nên làm thế nào?**

**Đáp:** Trước hết, phải tuyên truyền, giải thích và làm gương.

Phải chịu khó nói rõ cho mọi người hiểu đời sống mới có ích thế nào, cách thi hành đời sống mới thế nào.

Nói một lần họ chưa hiểu thì nói nhiều lần. Nói đi, nói lại, bao giờ người ta hiểu, người ta làm mới thôi.

Nói thì phải nói một cách giản đơn, thiết thực với hoàn cảnh mỗi người; nói sao cho người ta nghe rồi làm được ngay. Việc dễ, việc nhỏ làm được rồi, sẽ nói đến việc to, việc khó.

Có người tuyên truyền đời sống mới mà đem náo "khách quan, chủ quan", náo "tích cực, tiêu cực", náo "khoa học hoá" và gì gì hoá. Nghe thì hay thật, nhưng chẳng mấy người hiểu là nói cái gì. Mà người nào hiểu thì có cảm tưởng rằng đời sống mới là một điều cao xa, oanh liệt, khó làm.

Tốt nhất là miệng nói, tay làm, *làm gương* cho người khác bắt chước. Một cái thí dụ:

Mấy trăm năm trước, vài người Hà Lan lấy giống khoai bên Tàu về, khuyên đồng bào họ trồng. Ban đầu chẳng những không ai chịu trồng,

mà cũng không ai dám ăn. May người đó tự trồng lấy khoai, rồi nấu lên ăn với nhau. Người xung quanh thấy vậy, mới bắt chước trồng. Chẳng mấy lâu khắp cả nước Hà Lan ai cũng trồng khoai.

Phân hoá học là một thứ phân rất tốt. Nhưng lúc đầu cũng không ai chịu dùng. Sau có vài người dùng, trồng cây lên rất tốt. Lúc bấy giờ thấy kết quả, ai cũng đua nhau dùng.

Đời sống mới cũng cần có những người làm gương, những nhà làm gương, những làng làm gương. Khi trông thấy hiệu quả tốt tươi, thì chắc những nơi khác sẽ hăng hái làm theo. Nếu miệng thì tuyên truyền bảo người ta siêng làm, mà tự mình thì ăn trưa, ngủ trễ; bảo người ta tiết kiệm, mà tự mình thì xa xỉ, lung tung, thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích.

### XVIII:

**Hỏi: Có nên bắt buộc người ta làm đời sống mới không?**

**Đáp:** Lúc số đông quốc dân chưa hiểu, chưa làm đời sống mới, thì tuyệt đối không nên bắt buộc. Thí dụ: Nếu tôi không muốn ăn thịt, không ai có quyền ép tôi phải ăn.

Đến khi đại đa số đồng bào đã theo đời sống mới, chỉ còn số rất ít không theo, khuyên mãi cũng không được, lúc đó có thể dùng cách cưỡng bức, bắt họ phải theo. Thí dụ: trong làng nhiều

ao, nhiều muỗi, thường có đau ốm. Người làng biết vậy, ai cũng băng lòng lấp ao của mình. Chỉ một hai người không chịu theo, để người làng vẫn vì muỗi mà đau ốm liên miên. Vì vệ sinh chung làng có quyền buộc một hai người kia phải lấp ao.

Sẵn đây xin nhắc lại vài ba việc sai lầm của những người tuyên truyền đời sống mới, vì *hăng quá* mà làm hỏng việc.

Một làng nọ, các chị em phụ nữ hớt tóc ngắn, mặc áo cụt. Tốt lắm. Nhưng các chị em lại muốn ép cả các bà cụ già cũng làm như mình. Rút cục, các bà cụ phản đối kịch liệt, và phong trào phụ nữ hớt tóc và áo cụt cũng thất bại.

Mấy anh em thanh niên tuyên truyền giảm bớt giỗ Tết. Nhưng đến khi ra chợ, gặp ai mua đồ mā thì giụt lấy đốt hết. Như thế là ngốc. Không biết rằng tuyên truyền thì phải dần dần nói cho người ta hiểu, để người ta vui lòng làm, chứ không có quyền ép người ta. Không biết rằng đom đóm cũng là một phong tục đã lâu đời, không phải một ngày một bữa mà bỏ được. Không biết rằng người ta đã mất tiền mua, mình giụt đốt đi, thì ai cũng tức giận.

Có nơi tìm mọi cách để khuyên dân học quốc ngữ. Tốt lắm. Nhưng vì *hăng quá*, phạt tiền hoặc đem mực vẽ miệng những người qua đường không biết chữ. Như thế là "tếu". Làm như vậy, chỉ được người ta oán ghét, chứ không ích gì.

Tuyên truyền đời sống mới cũng như tuyên

truyền việc khác, phải hăng hái, bền gan, chịu khó, đồng thời phải cẩn thận, khôn khéo, mềm mỏng.

## XIX.

**Hỏi: Đời sống mới có thể thực hành khắp nước không?**

**Đáp:** Rất có thể thực hành khắp nước. Trong 80 năm sống dưới chế độ thực dân Pháp, trong năm năm sống dưới chế độ phátxít Pháp và Nhật, dân ta bị bóc lột đè nén, chẳng những dân cùng, tài tật, đời sống tiêu điều, mà cả tinh thần tâm lý cũng bị áp chế. Tuy vậy, dân ta còn đủ chí khí quật cường, nổi lên chống Nhật, chống Pháp, tranh lại quyền độc lập, tự do. Nay dân ta đem tinh thần và lực lượng đó mà kháng chiến và kiến quốc, mà làm đời sống mới, thì nhất định thành công.

Và lại, nước ta người khá đông, đất khá rộng; ruộng khá tốt, của khá nhiều. Đồng bào ta lại có tính chịu khổ, chịu khó, biết việc phải thì vui lòng theo. Thế là những điều kiện để làm đời sống mới đã đủ rồi. Cũng như gạo, nước, củi đều sẵn sàng, chỉ cần nhen lửa thì có cơm ăn.

Nêu cao và thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính tức là nhen lửa cho đời sống mới.

Chúng ta thực hành đời sống mới trong ba năm thì về việc ăn, mặc, ở, đi lại, chúng ta quyết có thể tự cấp, tự túc. Đem tiền của chúng ta tiết kiệm, tích trữ được, mà mua máy móc toát, để

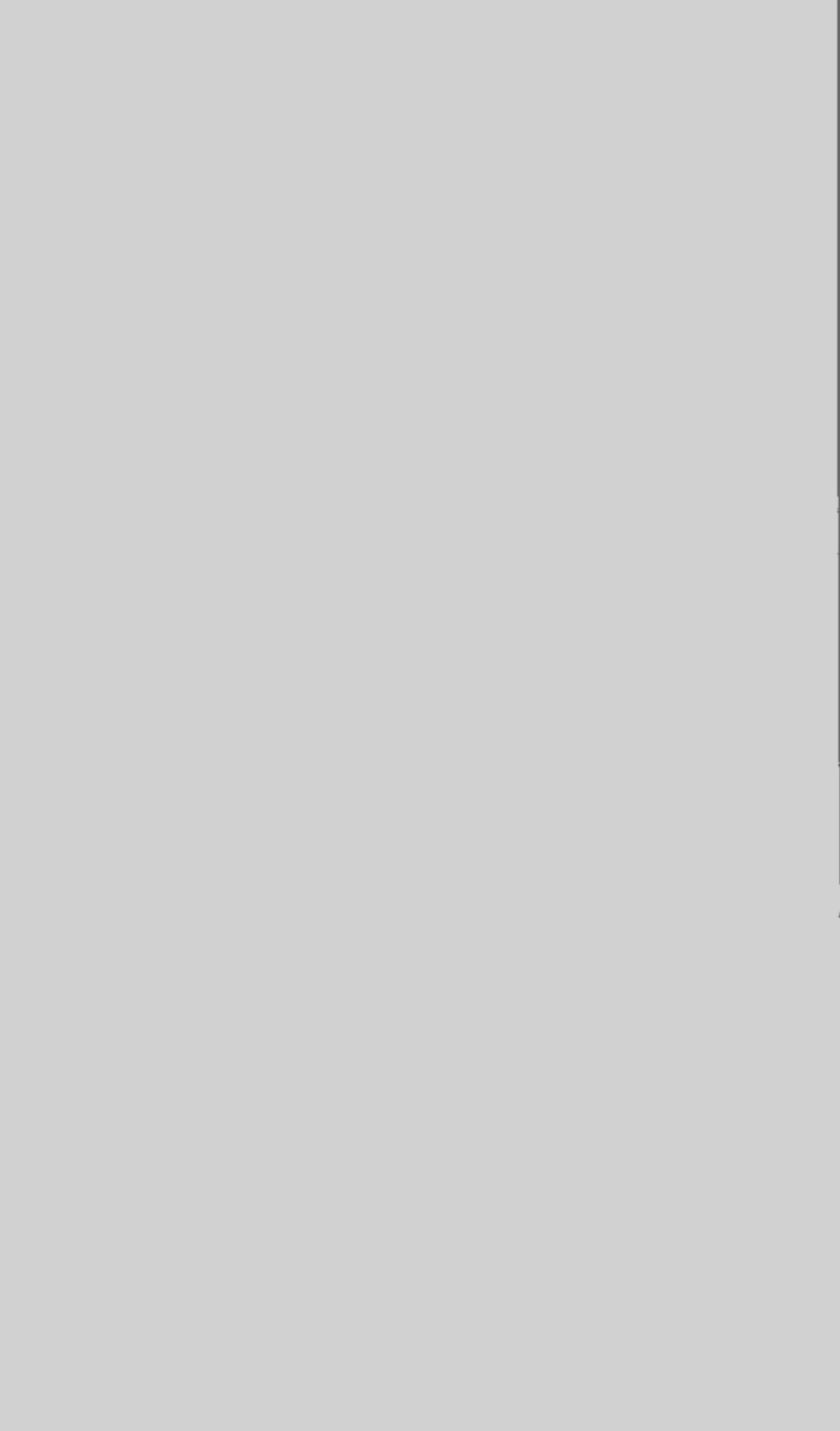
sửa đổi thêm nghệ làm ruộng và mở mang công nghệ, thì trong năm, bảy năm, đời sống toàn thể đồng bào ta có thể phong lưu, đổi dào.

Chính phủ đề xướng đời sống mới, ra sức chỉ bảo khuyến khích giúp đỡ cho dân làm, nhà nào, làng nào, vùng nào làm được tốt hơn hết, sẽ được khen thưởng.

Các cơ quan, các bộ đội, các đoàn thể phải hăng hái thi đua nhau mà làm.

Các cán bộ từ làng đến tỉnh và kỳ phải hăng hái tuyên truyền cổ động và định kế hoạch cho thích hợp với địa phương mình. Nhất là phải cố gắng làm kiểu mẫu. Chúng ta đồng tâm mà làm, quyết tâm mà làm thì đời sống mới nhất định thực hiện được. Mong toàn thể đồng bào gắng sức theo đời sống mới, xây dựng một nước Việt Nam mới phu cường.

*Ngày 20 tháng 3 năm 1947*



## Phần thứ hai

HỎI - ĐÁP

# VỀ THỰC HIỆN NẾP SỐNG VĂN MINH



# Câu 1. Cho biết khái niệm về phong hoá, phong tục, tập quán, đạo đức, lối sống, nếp sống?

## Trả lời

\* **Phong hoá:** Phong tục, tập quán và nếp sống của một xã hội (nói tổng quát). Trong đó *phong* là phong tục và *hoá* là giáo hoá.

- **Phong tục:** Thói quen đã ăn sâu vào đời sống xã hội, được mọi người công nhận và làm theo.

Trong đó *phong* là phong nhã, là vẻ đẹp; *phong* là cốt lõi, là nếp hình thành có thể kéo dài theo thời gian. Nó là tổng thể mang những đặc trưng tiêu biểu của một cộng đồng nhất định (nhà có gia phong, làng có hương phong, nước có quốc phong...).

*Tục* là thói quen được tôn trọng, được tuân theo và được giữ gìn chung trong cuộc sống của mỗi cộng đồng nhất định (tục lệ, tập tục).

- **Hoá** trong phong hoá, cũng như trong giáo hoá, trong văn hoá, vừa có ý nghĩa giáo dục, vừa có nghĩa đồng hoá.

Thực chất phong hoá là giáo hoá phong tục.

- **Tập quán:** Tập quán là một hành vi, một công việc được lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen đã thành nếp trong đời sống xã hội, trong sản xuất và sinh hoạt thường ngày, được mọi người công nhận và làm theo.

- **Tập quán xã hội:** Bao gồm luật tục, hương ước, chuẩn mực đạo đức, nghi lễ và các phong tục khác.

### \* Phong tục tập quán:

Phong tục là những nét tốt đẹp của đời sống xã hội, là lề lối và thói quen lâu đời của một địa phương, của một dân tộc, hay một quốc gia như một luật bất thành văn, nhưng có sức mạnh và sức sống lâu bền. Ví dụ: Phong tục thờ cúng tổ tiên, phong tục làm (gói) bánh chưng ngày Tết của nhân dân ta.

Mỗi quốc gia có phong tục tập quán riêng, và trong một quốc gia ngoài những phong tục chung của toàn quốc cũng có những phong tục riêng và trong một địa phương mỗi nhóm người lại có những phong tục riêng. Bất cứ một phong tục nào ra đời cũng đều xuất phát từ lợi ích chung của cộng đồng, nhằm cố kết cộng đồng ngày càng chặt chẽ nhằm đảm bảo sức mạnh và sự trường tồn của toàn thể cộng đồng.

Những thái độ hành vi nào được lặp đi lặp lại nhiều lần, ăn sâu vào tiềm thức, tâm lý trở thành thói quen ổn định tương đối lâu dài trong nếp sống của một cá nhân, hoặc của một cộng đồng dân cư trong một địa phương, một dân tộc hoặc của nhiều dân tộc thường gọi là tập quán - tức thói quen. Thói quen được truyền lại từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Những tập quán có tính xã hội được nêu thành nghi thức, có tiêu chuẩn bắt buộc, truyền miệng hay thành văn, được dư luận xã hội thừa nhận, ủng hộ, bảo vệ

và yêu cầu mọi người tuân theo, không theo thì bị lên án, thường gọi là tục lệ hay phong tục.

Phong tục tập quán là một phạm trù rộng lớn, nó bao hàm mọi khía cạnh trong đời sống của con người.

Là sản phẩm của xã hội, phong tục tập quán được sinh ra từ các mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên. Từ các mối quan hệ đó, con người rút ra những kinh nghiệm để sống, để hoà hợp với tự nhiên nhằm tồn tại và phát triển.

Có thể nói phong tục tập quán có mặt ở hầu khắp các lĩnh vực của đời sống con người. Từ các tập tục, lễ tiết vòng đời của mỗi cá nhân. Từ sinh nhật, việc cưới, việc tang, từ lễ hội cổ truyền đến ngày hội văn hoá mới, từ hội làng, hội vùng đến lễ hội có phạm vi cả nước; từ những nghi lễ thờ cúng thành hoàng làng, các nhân vật lịch sử, thờ Mẫu cho đến thờ cúng tổ tiên...

### \* Đạo đức

Đạo đức là hình thái ý thức xã hội, đạo đức gồm những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi cho phù hợp với lợi ích của mình và sự tiến bộ xã hội trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân với xã hội.

Đạo đức là một bộ phận không thể tách rời của văn hoá. Tiến bộ đạo đức trở thành tiêu chí quan

trọng nhất của tiến bộ văn hoá, vì tiến bộ đạo đức là tiêu chuẩn căn bản của sự phát triển toàn diện của nhân cách, của tiến bộ xã hội.

### \* Lối sống

Là hoạt động của con người trên mọi phương diện: Lao động, sinh hoạt, các hoạt động chính trị - xã hội, hoạt động văn hóa, giáo dục, thể thao, giới tính... Về bản chất, lối sống gắn liền với giá trị văn hóa tinh thần của con người, chịu sự tác động của phong thức sản xuất, ý thức xã hội, trở thành những quy tắc mang ước tính xã hội.

Như vậy: Lối sống là một khái niệm có tính tổng hợp và đồng bộ, bao gồm các mối quan hệ kinh tế, xã hội, tư tưởng, tâm lý, đạo đức, văn hóa và các mối quan hệ khác của con người được hình thành từ một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Nói một cách khác, lối sống là tổng hòa những đặc trưng hoạt động của con người trong điều kiện của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Ví dụ: Lối sống đẹp: "*Bán anh em xa, mua láng giềng gần*", "*Lá lành đùm lá rách*", "*Bầu ơi thương lấy bí cùng...*", "*Mình vì mọi người, mọi người vì mình*"...

Lối sống chưa đẹp: "*Đèn nhà ai, rạng nhà ấy*", "*Ngồi mát ăn bát vàng*", "*Tham vàng bỏ ngã*", "*Tiền hậu bất nhất*"...

## \* Nếp sống

Có ý nghĩa hẹp hơn, nếp sống bao gồm những cách thức, hành động và suy nghĩ, những quy ước được lặp đi lặp lại hằng ngày thành thói quen như: tập quán sản xuất, sinh hoạt, trong phong tục, lễ nghi, trong hành vi đạo đức, pháp luật.

Nói một cách khác, nếp sống là cách thức sống, sinh hoạt, ứng xử... của con người, của cộng đồng, được lặp đi lặp lại nhiều lần. Nếp sống mang tính nhân văn sâu sắc, ăn sâu bám rễ vào tiềm thức con người.

Nếu so sánh lối sống và nếp sống ta thấy: Lối sống nói lên tính định hướng, định tính. Xã hội nào thì có lối sống ấy. Còn nếp sống, nói lên tính định hình và định lượng.

Ví dụ: Nếp sống tốt: Ngăn nắp, trật tự vệ sinh, đi làm, đi họp đúng giờ, ăn trông nồi, ngồi trông hướng...

Nếp sống chưa tốt: *Chen lấn xô đẩy, nói tục, chửi thề...*

**Câu 2. Nội dung chủ yếu của nếp sống văn hoá là gì?**

### Trả lời

Nội dung của công tác xây dựng nếp sống văn hoá ở cơ sở tập trung vào 3 vấn đề sau đây:

- Nếp sống cá nhân.
- Nếp sống gia đình.
- Nếp sống xã hội.

Bác Hồ nói: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa" và Người cho rằng quan tâm đến gia đình là đúng vì nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội. Xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình...

Gia đình là đơn vị xã hội nhỏ nhất của xã hội, mặc dù có những biến động lớn nhỏ, mặc dù tan rã có khi cả một tập thể cộng đồng rộng lớn, gia đình vẫn tồn tại.

Xây dựng nếp sống gia đình, nếp sống xã hội cũng chính là xây dựng con người mới. Con người mới là sản phẩm của xã hội, vừa là chủ thể có ý thức của xã hội. Nhưng con người mới không thể hình thành một cách tự phát, mà phải trải qua quá trình xây dựng một cách tích cực và chủ động. Con người mới cũng phải được tu dưỡng trong môi trường gia đình và môi trường xã hội.

Nếp sống văn hoá của mỗi con người, ngoài biểu hiện trong lao động sáng tạo, trong làm ăn sinh sống, trong học tập và rèn luyện, trong đạo đức và nhân cách, trong giao tiếp và ứng xử; còn được biểu hiện trong phong tục.

- Nếp sống gia đình, thực chất là xây dựng gia đình có nếp sống văn hoá - gọi tắt là gia đình văn hoá.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.10, tr.310.

- Nếp sống xã hội bao gồm nếp sống cộng đồng - đó là nếp sống ở làng, bản, ấp, nếp sống ở trường học, cơ quan, bệnh viện, xí nghiệp, khu phố, tổ dân phố...

Trong nếp sống xã hội, phải đặc biệt chú ý đến nếp sống nơi công cộng. Nếp sống văn minh nơi công cộng chính là bộ mặt của xã hội. Xây dựng cho mỗi người có hiểu biết và tôn trọng luật pháp, các quy tắc trật tự, vệ sinh, an toàn giao thông...

### Câu 3. Khái niệm văn hóa, văn minh được hiểu như thế nào, vì sao phải thực hiện nếp sống văn minh?

#### Trả lời

*Văn hóa:* Trong từ điển tiếng Việt định nghĩa về văn hóa: "văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử". Như vậy, văn hóa có nghĩa là trở thành đẹp, thành có giá trị. Văn hóa chỉ chứa cái đẹp, cái giá trị: Giá trị sử dụng (chân), giá trị đạo đức (thiện), giá trị thẩm mỹ (mỹ). Do gắn với con người và hoạt động của con người trong xã hội, văn hóa đã trở thành công cụ giao tiếp vô cùng quan trọng.

Văn hóa có vai trò quan trọng trong đời sống con người, là nhu cầu thiết yếu trong đời sống tinh thần xã hội, thể hiện trình độ phát triển chung của một đất nước, một thời đại. Văn hóa thể hiện khát vọng sống của con người hướng về chân - thiện - mỹ.

Văn hoá và văn minh giống nhau một điều là đều do con người sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử, nhưng khác nhau ở ba điểm sau:

*Một*, văn hóa là độ dày quá khứ, văn minh là cắt ngang đồng đại.

*Hai*, văn hóa bao gồm cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần, văn minh chỉ là giá trị vật chất nhưng nghiêng sang yếu tố khoa học kỹ thuật.

*Ba*, văn hóa mang tính quốc gia, dân tộc riêng biệt (*National*), còn văn minh mang tính toàn cầu, toàn nhân loại (*Intenational*).

Văn hoá là ứng xử, văn minh là phương tiện, văn là vẻ đẹp, minh là ánh sáng. Văn minh được hiểu là tia sáng của đạo đức biểu hiện của chính trị, văn học, nghệ thuật. Đó là sự thể hiện trong cuộc sống những gì là đẹp đẽ nhất, sáng sủa nhất trong mỗi quan hệ giữa con người với con người. Con người văn minh là thành quả cao siêu nhất, vĩ đại nhất của quá trình tiến hoá của xã hội loài người. Trái với văn minh là dã man. Nói đến văn hóa là độ dày quá khứ vì nói đến một nền văn hóa là nói đến năm tháng, đến nhiều thế kỷ, triều đại, vương triều... lăng đọng lại. Theo thống kê của Liên hợp quốc, trên thế giới hiện nay có trên 200 quốc gia nhưng chỉ có 34 nền văn hóa được coi là tồn tại độc lập, có bản sắc riêng trong đó có Việt Nam. Nói văn minh là lát cắt ngang đồng đại nghĩa là có những phát minh tức thời trong tiến trình phát triển của nhân loại mà không cần có độ dày thời gian, giúp con người có điều kiện sống tốt hơn, chất lượng sống cao hơn.

Văn minh có thể hiểu là sự tiên tiến và phát triển của xã hội (trong đó thiên về các giá trị vật chất, kỹ thuật). Văn minh chỉ cho ta thấy trình độ phát triển nhất định của văn hoá, nó là đặc trưng của một thời đại.

Từ cách hiểu trên cho thấy, việc xây dựng nếp sống văn minh, kỷ cương xã hội, sống và làm việc theo pháp luật là cần thiết. Xây dựng nếp sống văn minh sẽ tạo cho ta một tác phong công nghiệp, làm việc có kỷ luật, thực hiện tốt các nội quy, hương ước, quy ước của làng, xã... sống và làm việc theo pháp luật.

## I.

# VỀ THỰC HIỆN NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG VIỆC CƯỚI, VIỆC TANG VÀ LỄ HỘI

## VIỆC CƯỚI

**Câu 4. Thế nào là tổ chức cưới trang trọng và tiết kiệm?**

### Trả lời

Tổ chức cưới bảo đảm lễ thức văn minh, trang trọng và tiết kiệm phải thực hiện một số nội dung sau:

- Tổ chức việc cưới phải bảo lưu và phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc; tiếp thu có chọn lọc những nét đẹp văn hoá trong việc cưới của nước ngoài.

- Bảo đảm đúng Luật hôn nhân và gia đình mà Nhà nước đã ban hành. Hôn nhân phải mang tính tự nguyện, một vợ một chồng, cấm tảo hôn và ép buộc hôn nhân.

- Việc đăng ký, trao giấy kết hôn phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

- Tổ chức việc cưới phải phù hợp với điều kiện kinh tế của gia đình, tránh xa hoa lãng phí gây tổn kém (cả về thời gian, công sức và tiền bạc). Không tổ chức cưới dài ngày, mời khách dự quá đông; khi tổ chức tiệc mặn phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Trang trí lễ cưới và trang phục cô dâu, chú rể phải lịch sự, phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc và điều kiện kinh tế gia đình.

- Âm nhạc trong đám cưới phải lành mạnh, vui tươi.

- Cô dâu, chú rể mặc trang phục truyền thống hoặc trang phục của chính dân tộc mình trong ngày cưới.

- Tổ chức lễ cưới và đưa đón dâu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông và trật tự an toàn công cộng.

## Câu 5. Lễ thức cơ bản trong tổ chức lễ cưới hiện nay?

### Trả lời

Quy trình hôn lễ ngày nay bao gồm 4 lễ thức cơ bản như sau:

\* Lễ chạm ngõ: Lễ chạm ngõ là lễ tiếp xúc đầu tiên giữa hai gia đình nhà trai và nhà gái sau khi đôi nam, nữ đã tìm hiểu và báo với gia đình và quyết định đi tới hôn nhân. Trong lễ chạm ngõ, ngoài việc thăm hỏi, tìm hiểu để có cách ứng xử phù hợp; hai gia đình còn bàn đến các bước tiếp theo của hôn nhân; lễ vật trong lễ chạm ngõ thường rất đơn giản chỉ là trầu và cau.

\* Lễ ăn hỏi: Lễ ăn hỏi tổ chức sau lễ chạm ngõ, **vật phẩm** của lễ ăn hỏi thường là: chè, mứt sen, bánh phu thê (xu xê), bánh cối, trầu, cau... (thuốc lá rất có hại cho sức khỏe con người, ngày nay chúng ta vận động nhân dân không nên dùng). Thông thường lễ ăn hỏi phải có 3 lễ: lễ bên nội, lễ bên ngoại và lễ tại gia.

\* Lễ trao giấy chứng nhận kết hôn: Trước khi tổ chức lễ cưới, đôi nam nữ phải tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân cấp xã, **phường**, thị trấn nơi cư trú (của một trong hai người). Đây cũng là thủ tục bắt buộc có tính pháp lý, thể hiện ý thức "sống và làm việc theo pháp luật **của công dân**", biểu hiện của một xã hội phát triển văn minh. Ngày giờ tổ chức lễ trao giấy chứng nhận kết hôn tuỳ thuộc vào sự thống nhất giữa chính **quyền** cơ sở và đôi nam, nữ. Địa điểm tổ chức trao giấy chứng nhận phải được tổ chức tại nơi trang trọng và có sự chứng kiến của chính quyền và đại diện hai gia đình (nếu có).

\* Lễ cưới: Lễ cưới thường có những phần chính là:

- Lễ xin dâu,

- Lễ dón và đưa dâu,
- Tổ chức liên hoan tiệc cưới.

Tiệc cưới là dịp vui họp mặt của cô dâu, chú rể cùng gia đình, bè bạn đôi bên mừng hạnh phúc. Tuỳ vào điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình, mà tổ chức lễ cưới cho phù hợp, tránh xa hoa, lãng phí không cần thiết.

**Câu 6. Một số điều cần lưu ý trong tổ chức cưới hiện nay: về biểu trưng, trang phục cô dâu và chú rể, âm nhạc trong đám cưới, phương tiện di lại, chụp hình và ghi hình trong đám cưới.**

### Trả lời

\* Về biểu trưng: Hiện nay chúng ta có rất nhiều biểu trưng khác nhau cho lễ cưới như: đôi chim bồ câu, đèn lồng, trái tim, chữ lồng, đôi nam nữ đứng hôn nhau... nhưng biểu trưng đôi chữ "Song hỷ" vẫn được coi là phù hợp nhất hiện nay. Bởi, khi nhìn vào biểu trưng này có thể là người không hiểu chữ Hán cũng biết đây là đám cưới. Chữ "Song hỷ" đã được đúc kết hoàn thiện và chọn lọc qua nhiều thế hệ và đạt đến độ toàn mỹ và được xã hội chấp nhận.

\* Về trang phục cô dâu, chú rể: Đây là vấn đề đang được xã hội quan tâm, chúng ta chủ trương không kỳ thị trang phục có tính thời trang, tiếp thu các kiểu thời trang trên thế giới. Tuy nhiên để phù hợp với truyền thống văn hoá và bản sắc dân

tộc chúng ta cần phải lựa chọn để làm sao phù hợp với vóc dáng, hình thể, điều kiện kinh tế gia đình. Khuyến khích cô dâu, chú rể mặc trang phục dân tộc vì đây cũng là nét đẹp văn hóa truyền thống và rất phù hợp với vóc dáng con người và đặc điểm văn hóa Việt Nam.

\* Về âm nhạc trong lễ cưới: Âm nhạc trong lễ cưới nên sử dụng các bản nhạc, các ca khúc nội dung lành mạnh ca ngợi tình yêu đôi lứa, tình yêu quê hương đất nước... âm lượng vừa đủ nghe.

\* Phương tiện di lại: Phù hợp với thực tế điều kiện hoàn cảnh gia đình, môi trường chung ở địa phương, không bày đặt và coi đây là một hình thức để phô trương. Ví dụ: Giữa hai nhà gái và trai khoảng cách không quá xa, nơi tổ chức chỉ vài bước chân nhưng lúc đón dâu cũng thuê xe ô tô: xe con, xe lớn đi lòng vòng, gây lãng phí.

\* Quay phim, chụp ảnh (ghi hình) trong đám cưới: Việc ghi lại hình ảnh trong ngày cưới là việc nên làm, nhưng cần phải xuất phát từ điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình. Chỉ nên chụp một số hình ảnh mang tính chất tượng trưng cần thiết, chân thực để làm kỷ niệm ngày cưới.

## Câu 7. Một số hình thức liên hoan cưới mới hiện nay cần tham khảo.

### Trả lời

Thực tế xã hội hiện nay có một số hình thức cưới mới đang được nhiều gia đình áp dụng có thể cùng tham khảo như sau:

#### \* Tiệc trà:

Việc tổ chức tiệc trà có ưu điểm là tổ chức đơn giản, tiết kiệm nhưng vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu sắc và trang trọng trong ngày cưới của đôi nam, nữ. Việc tổ chức như vậy vẫn có thể mời được đại diện hai gia đình, bè bạn, cô dâu và chú rể tại một địa điểm nhất định để cùng mời khách và chúc mừng. Cũng có thể mời tiếp khách ngay tại nhà theo giờ. Đối với trường hợp này, khách dự cưới nên trao quà (phong bì) vào lúc này là tốt nhất. Đây là cách thể hiện văn minh, lịch sự, thể hiện được thành ý tốt đẹp và tránh được dư luận xã hội cho là "trả tiền bữa ăn".

\* Tiệc mặn: Tổ chức tiệc mặn nên chỉ mời đại diện và số lượng vừa phải như: Họ tộc đôi bên (có thể tổ chức từng bên), bè bạn thân thiết hay đồng sự, đồng nghiệp của cô dâu, chú rể. Địa điểm có thể là tại nhà, tại hội trường nhà khách, nhà ăn hay nhà văn hoá xã, thôn, bản... có đủ điều kiện thuận lợi để phục vụ việc đón tiếp khách thuận tiện và chu đáo. Nên có hộp đựng tiền mừng bằng giấy dán đẹp để làm nơi cho mọi người chủ động mừng quà (phong bì), tránh hình thức mừng tiền trực tiếp cho cô dâu, chú rể hay bố, mẹ họ vì việc này nhìn không được đẹp mắt dễ gây ấn tượng thu tiền "ăn cỗ cưới giá cao".

#### \* Tiệc mặn kết hợp với báo hỷ:

Tổ chức tiệc cưới hình thức này thường chỉ mời những người trong gia đình, họ tộc, khách ở quê hay ở xa đến, bè bạn, đồng sự... thật thân

thiết và gắn bó. Tiệc mặn có thể tổ chức theo hai hình thức: ngồi theo mâm hoặc hình thức tiệc đứng. Ưu điểm của việc tổ chức tiệc đứng là tiết kiệm và việc giao lưu thuận tiện.

Còn đối với người quen như: cơ quan, có quan hệ công tác, bạn bè không thân thiết lắm của cả cô dâu, chú rể và cả gia đình thì sử dụng hình thức thiếp báo hỷ (báo tin vui). Thực hiện được như vậy sẽ giảm được số lượng khách mời ăn trong lễ cưới, vẫn đảm bảo văn minh và tiết kiệm. Thực hiện hình thức này gia đình sẽ tránh mang tiếng "kinh doanh đám cưới".

### **Câu 8. Hủ tục là gì, vì sao phải bài trừ hủ tục trong việc cưới?**

#### **Trả lời**

Hủ tục là những tập tục, tập quán, phong tục (lề lối thói quen lâu đời) ở một địa phương, một dân tộc hay của một đất nước mà ở thời điểm hiện tại không còn phù hợp. Có dân tộc còn tục tảo hôn, ép gả, mua bán và thách cưới cao, tổ chức cưới dài ngày; có dân tộc còn tư tưởng trọng nam khinh nữ, em dâu, con dâu không được ngồi ăn cơm chung mâm với anh chồng, bố chồng; có dân tộc dựng vợ, gả chồng cho con gái từ năm 12, 13 tuổi, cô nào đến 16 tuổi mà chưa cưới thì bị coi là ế chồng, v.v.. Từ những tập tục, tập quán và suy nghĩ lạc hậu như vậy đã để lại nhiều hậu quả xấu trong xã hội, mà thể hiện ở sự bất bình đẳng, bất công, trái với quy định của pháp luật, chính vì thế mà chúng ta phải

bài trừ thật triệt để những tập tục, tập quán lạc hậu như vậy. Tuy nhiên, đây là một việc khó đòi hỏi phải có thời gian và sự kiên trì không chỉ từ phía chính quyền các cấp mà phải có sự đóng góp tích cực từ phía quần chúng nhân dân. Việc bảo lưu, gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống là việc nên làm, tuy vậy chúng ta phải biết gạn lọc, khơi trong, cái gì cũ nhưng còn phù hợp thì phải gìn giữ và phát huy, phát triển nó cho phù hợp hiện tại, cái gì là cũ, lạc hậu thì phải bài trừ triệt để.

### **Câu 9. Để việc cưới đi vào nền nếp, chúng ta phải thực hiện như thế nào?**

#### **Trả lời**

Để việc cưới đi vào nền nếp, trong thời gian tới, trước mắt chúng ta phải nghiêm túc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới theo tinh thần Chỉ thị số 27/CT-TW ngày 12-01-1998 của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 14/1998/CT-TTg ngày 28-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25-11-2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21-01-2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Nghiên cứu, xây dựng hệ thống văn bản quản lý nhà nước chặt chẽ và phù hợp, hướng dẫn và

định hướng cho quần chúng nhân dân các mô hình cưới mới phù hợp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới.

Biểu dương những điển hình tiên tiến trong việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới cả ở gia đình và cộng đồng.

Chính quyền các cấp, các tổ chức đoàn thể phải quan tâm và có sự phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ và đặc biệt là đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể như: Thanh niên, Phụ nữ... để việc tuyên truyền, vận động tích cực và hiệu quả hơn.

## VIỆC TANG

**Câu 10. Thế nào là tổ chức việc tang chu đáo, trang nghiêm, gọn nhẹ và tiết kiệm?**

**Trả lời**

Để tổ chức việc tang đảm bảo chu đáo, trang nghiêm, gọn nhẹ và tiết kiệm cần phải thực hiện những nội dung sau:

- Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về hộ tịch, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông và trật tự an toàn công cộng.

- Hạn chế việc rắc vàng mã, tiền âm phủ, không rải tiền Việt Nam và các loại tiền của nước ngoài trên đường đưa tang.

- Việc quàn thi hài, chôn cất, hoả táng, điện táng, bốc mộ phải thực hiện theo nội dung Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25-3-2008 của Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang; Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26-5-2009 của Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hoả táng.

- Chính quyền địa phương các cấp xây dựng kế hoạch và có sự đầu tư kinh phí, từng bước cho việc xây dựng các nghĩa trang cũng như các hạng mục công trình phục vụ tang lễ ở địa phương.

- Chuẩn bị áo quan (quan tài); việc khâm liệm; nhập quan; tổ chức lễ phát tang; lập Ban tang lễ (nếu cần); quàn linh cữu, thi hài và đặt ban thờ; chuẩn trang phục tang (màu trắng hoặc đen theo phong tục địa phương) và thuê phuруг bát âm (khuyến khích sử dụng băng đĩa nhạc tang); tổ chức phúng viếng và đưa tang.

- Việc tổ chức ăn uống chỉ mời những người thân trong gia đình, bà con thân thiết ở xa về phúng viếng, không tổ chức ăn uống tràn lan, phô trương hình thức.

### Câu 11. Một số thủ tục cơ bản trong tổ chức lễ tang hiện nay.

#### Trả lời

Về cơ bản, việc tang hiện nay gồm những lề thói sau:

a) Những công việc chuẩn bị cho người sắp từ trần bao gồm các công việc:

- *Lập di chúc*: Đây là lời dặn dò, giao cho con cháu thực hiện những việc, nguyện vọng mà khi còn sống họ chưa thực hiện được. Cũng có thể là việc phân chia tài sản được viết thành văn bản và có sự chứng kiến của một người khác, nếu người qua đời chưa làm di chúc thì gia đình, con cháu phải thực hiện ghi chép cẩn thận những lời trăng trôi. Việc ghi lại lời trăng trôi có nhiều hình thức như viết, ghi âm.

- *Đáp ứng những nguyện vọng của người sắp từ trần*: Những người sắp qua đời thường đều có những nguyện vọng, chính vì vậy việc đáp ứng nguyện vọng này là một trong những điều cần thiết phải thực hiện; đây cũng là sự thể hiện đạo hiếu của người Việt Nam "nghĩa tử là nghĩa tận".

- *Khi người bệnh sắp tắt thở*: sau khi đã hết lòng cứu chữa nhưng người bệnh không qua khỏi: nếu ở bệnh viện thì đã có bệnh viện lo liệu; Còn ở gia đình cần phải làm các thủ tục cần thiết như sau: chuyển người bệnh lên nhà chính; chuẩn bị lau rửa cho người bệnh bằng nước thơm (ngũ vị); thay quần áo sạch.

- *Khi người bệnh tắt thở*:

Thử nghiệm để xác định người bệnh đã thật sự tắt thở chưa: Để sợi bông nhẹ (hay lông gà) trước mũi. Khi xác định đúng là người bệnh đã tắt thở thì lần lượt làm các việc:

+ Vuốt mi mắt kín lại.

- + Nắn vuốt miệng kín lại, không để méo mó.
- + Dùng bông nhét vào lỗ mũi, lỗ tai và hậu môn để tà khí không xông ra ngoài.
- + Giữ chân tay, thi thể ngay ngắn (có thể dùng vải làm dây to bắn buộc ngang bắp tay ở phía dưới bả vai để hai nách khép lại, dùng một dây khác buộc ngang đùi để thi thể thẳng).
- + Báo tử tại Ủy ban nhân dân xã, phường để vào sổ khai tử.
- *Chuẩn bị áo quan (hay quan tài) và các thứ cần thiết cho việc khâm liệm, nhập quan:* Tuỳ theo điều kiện gia đình mà có thể sử dụng loại áo quan cho phù hợp.

b) Những việc chuẩn bị cho người đã từ trần:

- *Khâm liệm:* Trong tang lễ việc tổ chức khâm liệm được các gia đình tang chủ hết sức coi trọng, nên thường bố trí những người thân trong gia đình trực tiếp làm. Nhân dân ta luôn có quan niệm rằng, khâm thì đặt trên giường, liệm thì đặt dưới đất. Khâm thì để vải dọc mà liệm thì để vải ngang.

- *Nhập quan:* Khi đặt thi hài vào quan tài, cần dự phòng một số vật liệu để kê, đệm, lót cho ngay ngắn, phòng khi vận chuyển bị xê lệch. Đặc biệt là kê lót phía đầu quan tài. Sau khi nhập quan thì dậy nắp và chuyển linh cữu vào gian giữa của nhà chính. Trên nắp quan tài, nhân dân ta thường cúng bát cơm, quả trứng, đôi đũa bông. Đây là lễ thức có từ ngày xưa. Bát cơm đom đầy

(có mũ lênh) tượng trưng cho âm, đôi đũa vót có lúa tua (gọi là đũa bông) tượng trưng cho dương, quả trứng tượng trưng cho sự sống. Hình tượng bát cơm, quả trứng, đôi đũa bông có ý nghĩa: Có âm, có dương mới tạo ra sự sống.

- *Lễ phát tang*: Mọi người thân trong gia đình tập trung lại bên linh cữu người quá cố và khi đó người có quyền cao nhất trong gia đình làm thủ tục lễ phát tang. Khi phát tang xong thì con cháu mới được than khóc. Theo tập quán dân tộc thì chỉ sau khi phát tang mới chính thức báo tang và khi đó mọi người mới đến để phúng viếng đồng thời con cháu, gia đình mới được mặc đồ tang.

- *Lập Ban tang lễ*: Trong trường hợp cần thiết phải lập Ban tang lễ. Ban tang lễ gồm đại diện gia đình, chính quyền, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, đại diện cơ quan chủ quản, Hội người Cao tuổi... Ban tang lễ có nhiệm vụ điều hành từ đầu đến cuối để tổ chức tang cho chu đáo.

#### c) Quàn linh cữu và đặt ban thờ

Việc quàn linh cữu (quan tài) phải thực hiện đầy đủ, đây cũng là quan niệm và nét văn hóa truyền thống của dân tộc ta. Việc đặt ban thờ tưởng niệm tạm thời được đặt ở ngay bên linh cữu (quan tài). Trên ban thờ đặt ảnh chân dung, phía trước là bát hương, hai bên là hoa quả (không đặt cỗ mặn).

#### d) Sử dụng nhạc tang và tang phục

- *Nhạc tang*: Ở nhiều dân tộc khác nhau với những quan niệm khác nhau, do đó việc sử dụng

nhạc tang cũng khác nhau. Sử dụng nhạc tang là một nhu cầu không thể thiếu, đây còn là nét đẹp phong tục tập quán của từng dân tộc. Việc sử dụng âm nhạc trong tang lễ làm cho không gian bớt trống trải và u sầu, có thể sử dụng phuờng bát âm hoặc băng đĩa nhạc phát qua đài quay băng.

- Về *tang phục*: Tang phục biểu hiện sự đa dạng văn hoá của mỗi dân tộc, và thường sử dụng hai màu đen và trắng; ở nước ta thường sử dụng tang phục màu trắng (đây là màu truyền thống) để phân biệt người trong gia đình với khách đến phúng viếng. Đối với khách đưa tang có thể mặc đồ đen hoặc cài miếng vải băng đen phía trên ngực áo.

#### d) Phúng viếng và đưa tang

Ban tang lễ thống nhất với tang chủ về thời gian phúng viếng và giờ đưa tang và thông báo nội dung trên. Đúng giờ viếng, Ban tang lễ mời người thân của gia đình vào viếng trước và sau đó là thứ tự các đoàn đại biểu theo đăng ký. Khi phúng viếng xong, khách đi vòng quanh linh cữu để nhìn mặt người quá cố lần cuối và bày tỏ chia buồn với tang chủ, ghi sổ tang (có thể là bè bạn thân thiết, đại diện đoàn).

Hiện nay, việc phúng viếng chủ yếu bằng tiền mặt (với ý nghĩa giúp đỡ tang chủ lúc khó khăn) hay phúng viếng bằng đối, trường với dòng chữ ngắn gọn xúc tích như: "Nghĩa trọng tình thâm", "Thiên thu vĩnh biệt". Tuyệt đối không dùng thức

ăn chín như: thịt lợn, gà... để phúng viếng và không bày mâm cúng trước linh cữu (quan tài) hay ăn uống cạnh linh cữu.

Về đưa tang, đúng giờ quy định, Ban tang lễ mời thân nhân và khách tập trung trước linh cữu để làm thủ tục truy điệu và đưa tang. Đoàn đưa tang là những người thân thiết trong gia đình, bè bạn thân hữu, cơ quan, đoàn thể.

#### e) Điều văn

Ban tang lễ đề nghị thân nhân và khách viếng tang ngừng khóc (im lặng) để đọc điều văn (hoặc lời điếu).

Nội dung điều văn hoặc lời điếu phải nói lên được tình cảm thương tiếc của những người đang sống với người qua đời. Tùy theo công trạng và đóng góp của người quá cố đối với đất nước, với quê hương, với bà con, để soạn điều văn cho sát hợp. Nội dung điều văn chỉ nêu những nét chủ yếu trong đời người quá cố, để con cháu tự hào và mọi người lấy đó làm tấm gương cho cuộc sống hàng ngày (không nêu khuyết điểm). Trình tự điều văn như sau:

- Họ tên (Bí danh) người quá cố.
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Quê quán.
- Quá trình trưởng thành và những cống hiến cho quê hương, đất nước.
- Tình cảm và uy tín của người quá cố với gia đình, họ hàng, bà con làng xóm, cơ quan, đồng đội...

- Tình trạng lâm bệnh và đã được hết lòng cứu chữa.
- Ngày, giờ từ trần, tuổi thọ của người quá cố.
- Bày tỏ tình cảm vô cùng thương tiếc và sự tổn thất lớn lao của những người đang sống.
- Lời hứa của những người đang sống trước anh linh của người quá cố, trước giờ vĩnh biệt.

Người thay mặt Ban lễ tang đọc điếu văn (hoặc lời điếu), mọi người nghiêm trang đứng nghe. Dứt lời điếu, mọi người mặc niệm một phút trước giờ vĩnh biệt và nhạc tang tiếp tục cử hành.

#### g) Hạ huyệt và đắp mộ

Khi chuyển linh cữu ra tới huyệt, Ban tang lễ chờ mọi người đến đông đủ, ổn định vị trí và cúi đầu vĩnh biệt người quá cố. Các thủ tục, thao tác phải được thực hiện theo chỉ dẫn của người điều hành. Khi lấp đất, đắp mộ, cần lưu ý làm cho đất thật chặt, kết dính với nhau tránh tình trạng xụt lở. Đối với đám tang theo nghi lễ Phật giáo thì các Phật tử chờ khi lấp đất xong, mỗi người cầm một nén nhang tụng kinh, niệm Phật, đi vòng xung quanh ngôi mộ. Việc đặt bia được thực hiện sau khi đã hoàn tất đắp mộ và được đặt ở phía chân mộ và sau cùng là trang trí, xếp đặt vòng hoa viếng cho ngôi mộ sao cho thật gọn gàng và đẹp. Các bức trướng mang về treo ở bàn thờ người mới qua đời. Khi đã hoàn tất, Ban tang lễ (hoặc tang chủ) nói lời cảm ơn cuối cùng.

#### h) Về ứng xử của người sống với người chết

Khi gia đình có người thân qua đời, con cháu, họ hàng, xóm giềng phải tỏ lòng thương tiếc, hiếu thảo và chu tất đối với người đã khuất. Đối với bè bạn, đồng nghiệp... nên sắp xếp thời gian để chia sẻ, phúng viếng và đưa tang. Khi đến viếng đám tang phải có thái độ nghiêm túc, ăn mặc gọn gàng, tránh tình trạng ăn nói bỗ bã và thái độ khiếm nhã như cười, đùa không nghiêm túc.

### Câu 12. Hung táng, hoả táng, điện táng, cát táng là gì, vì sao chúng ta khuyến khích nhân dân sử dụng hình thức hoả táng, điện táng?

#### Trả lời

- Hung táng là hình thức mai táng thi hài trong một khoảng thời gian nhất định (thường là ba năm) sau đó cải táng (hình thức này phổ biến ở các tỉnh khu vực đồng bằng Bắc bộ).

- Hoả táng/diện táng là thực hiện đốt thi hài hoặc hài cốt ở nhiệt độ cao (bằng điện, gas và củi) đến khi thành tro.

- Cát táng là hình thức mai táng hài cốt sau khi được cải táng (bốc mộ).

Từ những hiệu quả thiết thực trong hoả táng/điện táng đem lại như: thủ tục đơn giản, đảm bảo vệ sinh môi trường, tiết kiệm quỹ đất... bởi vậy, trong thời gian qua chúng ta luôn vận động nhân dân thực hiện hình thức hoả táng, điện táng và coi đây là tập quán mới trong mai táng hiện nay.

**Câu 13. Cho biết một số khái niệm có liên quan đến việc tang, mai táng và hỏa táng?**

**Trả lời**

- a) *Thi hài* là xác người chết hoặc phần cơ thể còn lại của người chết;
- b) *Hài cốt* là xương của người chết sau cải táng;
- c) *Quàn ướp* là thực hiện việc lưu giữ thi hài, hài cốt trước khi mai táng hoặc hỏa táng;
- d) *Khâm liệm* là thực hiện việc bao bọc thi hài bằng vải hoặc các vật liệu khác trong thời gian quàn ướp trước khi đặt vào quan tài;
- e) *Mai táng* là thực hiện việc lưu giữ thi hài hoặc hài cốt dưới mặt đất;
- f) *Mai táng một lần* là hình thức lưu giữ thi hài vĩnh viễn trong đất;
- g) *Cải táng (bốc mộ)* là thực hiện việc chuyển xương cốt từ mộ hung táng sang mộ cát táng hoặc để hỏa táng;
- h) *Nghĩa trang* là nơi mai táng tập trung theo các hình thức khác nhau và được quản lý, xây dựng theo quy hoạch;
- i) *Nhà hỏa táng* là nơi thiêu đốt thi hài, hài cốt bao gồm lò đốt và các khu phụ trợ khác.

**Câu 14. Nguyên tắc chung về vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng là gì?**

**Trả lời**

- a) Bảo đảm không ảnh hưởng đến sức khỏe con người;

- b) Bảo đảm không làm ô nhiễm môi trường;
- c) Tôn trọng các quyền tự do tín ngưỡng, phong tục tập quán nhưng phải phù hợp với các quy định vệ sinh;
- d) Tuân thủ các quy định liên quan khác của pháp luật.

### Câu 15. Thời gian quàn ướp thi hài được quy định như thế nào?

#### Trả lời

a) Đối với người chết do nguyên nhân thông thường.

- Trong điều kiện thường không có bảo quản lạnh: Thời gian quàn ướp thi hài không quá 48 giờ, kể từ khi chết;

- Trong điều kiện bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 2°C đến 4°C hoặc thấp hơn: Thời gian quàn ướp thi hài không quá 07 ngày, kể từ khi chết;

b) Đối với người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A và một số bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B (trong danh mục các bệnh truyền nhiễm bắt buộc phải cách ly theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế): Thời gian quàn ướp thi hài không quá 24 giờ, kể từ khi chết;

c) Đối với thi hài khi được phát hiện đã bị thối rữa: Thời gian quàn ướp tối đa không quá 12 giờ, kể từ khi tìm thấy thi hài. Trường hợp phải quàn ướp thi hài lâu hơn để nhận dạng hoặc xác định nguyên nhân chết thì người đề nghị gia hạn thời

gian quàn ướp phải liên hệ với cơ quan y tế địa phương nơi gần nhất để được hướng dẫn các biện pháp quàn ướp, cách ly tránh gây ô nhiễm môi trường và phát sinh dịch bệnh;

d) Đối với trường hợp có nhiều người chết do thiên tai, thảm họa: Thời gian quàn ướp các thi hài sẽ do người đứng đầu tổ chức có trách nhiệm khắc phục thiên tai thảm họa đó quyết định nhưng không quá 48 giờ, tính từ khi chết hoặc 12 giờ tính từ khi tìm thấy thi hài. Trường hợp phải quàn ướp lâu hơn để nhận dạng thì thực hiện theo quy định tại điểm c trên đây.

#### Câu 16. Nơi quàn ướp thi hài phải đảm bảo các điều kiện như thế nào?

##### Trả lời

a) Tại các hộ gia đình: Thi hài phải được quàn ướp tại nơi thông thoáng ở trong nhà, được phủ kín bằng chăn hoặc vải và phải có người trông coi thường xuyên để bảo vệ thi hài tránh côn trùng, súc vật xâm nhập;

b) Tại nhà tang lễ hoặc nhà xác của bệnh viện: Thi hài phải được quàn ướp tại phòng quàn ướp. Không được quàn ướp tại phòng tổ chức tang lễ ngoại trừ thời gian tiến hành tổ chức tang lễ.

c) Trường hợp người chết mà không được đưa vào trong nhà ở, nhà tang lễ hoặc nhà xác bệnh viện thì phải tiến hành quàn ướp tại nơi bảo đảm

thông thoáng; không bị mưa, nắng, côn trùng, súc vật xâm nhập để tránh gây ô nhiễm môi trường và phát sinh dịch bệnh.

### Câu 17. Vệ sinh trong khâm liệm thi hài được thực hiện như thế nào?

#### Trả lời

##### 1. Đối với người chết do nguyên nhân thông thường:

a) Thời gian khâm liệm thi hài: Không quá 12 giờ đối với trường hợp thi hài không được bảo quản lạnh và không quá 07 ngày đối với trường hợp thi hài được bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 2°C đến 4°C hoặc thấp hơn, kể từ khi chết;

b) Quan tài phải được trát kín bằng các vật liệu như: keo, sơn ta, đất sét để bảo đảm không rò rỉ;

c) Khi khâm liệm, tùy theo phong tục tập quán có thể dùng bông để nút kín các hốc tự nhiên của thi hài và cho vào quan tài một số vật liệu có khả năng thấm nước, hút mùi như: chè khô, bông thấm nước, bông ngô, gạo rang, giấy bẩn.

2. Đối với người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A và một số bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B (trong danh mục các bệnh truyền nhiễm bắt buộc phải cách ly theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế) hoặc khi được phát hiện đã bị thối rữa, ngoài việc thực hiện các quy định như trên, việc khâm liệm thi hài phải tuân thủ các quy định sau đây:

- a) Phải khâm liệm trong vòng 06 giờ, kể từ khi chết hoặc khi phát hiện thi hài;
- b) Thi hài phải được xử lý trước khi khâm liệm bằng các hoá chất diệt khuẩn thuộc danh mục các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được đăng ký lưu hành. Nếu dùng hoá chất là Cloramin B thì xử lý như sau: Dùng bông tẩm dung dịch Cloramin B nồng độ 5% để nút kín các hốc tự nhiên của thi hài sau đó phun dung dịch Cloramin B nồng độ 5% lên toàn bộ thi hài hoặc dùng vải liệm được tẩm dung dịch Cloramin B nồng độ 5% để quấn kín toàn bộ thi hài;
- c) Thi hài phải được bọc kín bằng vật liệu không thấm nước trước khi cho vào quan tài;
- d) Phải được xử lý phần nền nhà, khu đất, tường xung quanh nơi đặt thi hài và các vật dụng có tiếp xúc với thi hài, bằng các hoá chất diệt khuẩn thuộc danh mục các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được đăng ký lưu hành ngay sau khi khâm liệm. Nếu dùng hoá chất là Cloramin B thì xử lý như sau: Lau hoặc phun phủ kín lên toàn bộ bề mặt của nền nhà, khu đất, tường xung quanh nơi đặt thi hài hoặc các vật dụng có tiếp xúc với thi hài bằng dung dịch Cloramin B nồng độ 5% và duy trì thời gian tiếp xúc của hoá chất với nền nhà, tường xung quanh hoặc các vật dụng tối thiểu là 30 phút.

## Câu 18. Khi vận chuyển hài cốt phải làm gì?

Trả lời

a) Khi vận chuyển hài cốt phải đựng hài cốt trong các vật dụng kín, không thấm nước.

b) Khi vận chuyển hài cốt qua biên giới phải bọc kín hài cốt trong hai lớp, lớp trong là vật liệu không thấm nước, lớp ngoài là quách bằng gỗ hoặc bằng sành, sứ.

## Câu 19. Vệ sinh trong mai táng, hỏa táng được thực hiện như thế nào?

Trả lời

1. Thi hài, hài cốt khi mai táng phải được mai táng trong các nghĩa trang theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25-3-2008 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

2. Trường hợp mai táng người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A và một số bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B (trong danh mục các bệnh truyền nhiễm bắt buộc phải cách ly theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế) hoặc thi hài đã bị thối rữa phải xử lý như sau:

a) Trước khi đặt quan tài xuống huyệt, phải phun dung dịch hoá chất diệt khuẩn thuộc danh mục các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được đăng ký lưu hành như dung dịch Cloramin B

nồng độ 5% hoặc rắc một lớp vôi bột xung quanh thành huyệt và đáy huyệt.

b) Trước khi lấp đất, phải phun dung dịch hoá chất diệt khuẩn thuộc danh mục các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được đăng ký lưu hành như dung dịch Cloramin B nồng độ 5% hoặc rắc một lớp vôi bột ở xung quanh và trên mặt quan tài.

3. Trường hợp mai táng người chết trong khi ngập lụt phải chọn nghĩa trang hoặc nơi gò đất cao không có nguy cơ ngập nước để mai táng.

4. Trường hợp có người chết với số lượng lớn mà không có điều kiện mai táng theo mộ riêng biệt, có thể tiến hành mai táng theo các mộ tập thể nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Chỉ được tiến hành mai táng các thi hài trong mộ tập thể tại các nghĩa trang hoặc những vị trí đáp ứng được các quy định trong quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng nghĩa trang do Bộ Xây dựng ban hành;

b) Khoảng cách giữa hai thi hài liền nhau trong mộ tập thể tối thiểu là 50 cm;

c) Nếu sắp xếp các thi hài theo nhiều tầng thì khoảng cách giữa các tầng là 50 cm và phải bố trí các thi hài xen kẽ giữa tầng trên và tầng dưới. Tầng thi hài trên cùng cách mặt đất tối thiểu là 100 cm, đáy huyệt mộ cách mực nước ngầm tối thiểu là 120 cm hoặc 150 cm đối với vùng đất cát;

d) Phải có hệ thống thông khí, hệ thống thu gom và xử lý nước rỉ thoát ra từ mộ tập thể.

5. Thi hài, hài cốt khi hỏa táng phải được hỏa táng tại các nhà hỏa táng đáp ứng đủ các điều kiện quy định của Bộ Y tế.

**Câu 20. Vệ sinh đối với người tham gia hoạt động mai táng, hỏa táng phải đáp ứng những yêu cầu như thế nào?**

### Trả lời

1. Người trực tiếp tham gia khâm liệm, quàn ướp, mai táng, hỏa táng người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A và một số bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B (trong danh mục các bệnh truyền nhiễm bắt buộc phải cách ly theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế) hoặc thi hài đã bị thối rữa phải:

a) Sử dụng các trang bị bảo hộ cá nhân như mũ, kính mắt, khẩu trang, quần áo, ủng, găng tay trong suốt quá trình thực hiện công việc;

b) Khử khuẩn tay bằng dung dịch Cloramin B 2% hoặc bằng các hóa chất diệt khuẩn thuộc danh mục các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được đăng ký lưu hành và thực hiện các hoạt động vệ sinh cá nhân khác sau khi công việc kết thúc.

2. Người làm nghề mai táng, hỏa táng, cải táng chuyên nghiệp phải được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 06 tháng 01 lần.

**3.** Người trực tiếp cải táng phải sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân như khẩu trang, găng tay trong suốt quá trình thực hiện công việc.

**4.** Người trực tiếp tham gia khâm liệm, quàn ướp, mai táng, hỏa táng người chết do các nguyên nhân thông thường: Khuyến khích sử dụng các trang bị bảo hộ cá nhân như khẩu trang, găng tay trong suốt quá trình thực hiện công việc. Sau khi công việc kết thúc phải rửa tay bằng xà phòng hoặc khử khuẩn tay bằng Cloramin B nồng độ 2% hoặc bằng các hóa chất diệt khuẩn thuộc danh mục các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được đăng ký lưu hành.

### **Câu 21. Nhà tang lễ phải bảo đảm các yêu cầu vệ sinh như thế nào?**

#### **Trả lời**

**1.** Phải tách biệt với khu dân cư xung quanh và có tường ngăn bao quanh. Trường hợp nhà tang lễ đồng thời là nhà xác của bệnh viện thì vị trí của nhà tang lễ phải được bố trí tách biệt với các khoa, phòng khác của bệnh viện.

**2.** Phải có các phòng riêng biệt để thực hiện việc tổ chức tang lễ và quàn ướp thi hài.

**3.** Phòng quàn ướp thi hài phải bảo đảm không để các côn trùng, súc vật xâm nhập.

**4.** Nền nhà và đường đi phải được lát xi măng hoặc lát gạch men hoặc bằng các vật liệu khác bảo đảm không thấm nước và dễ làm sạch.

**5.** Phải có hệ thống chiếu sáng, cấp nước, thoát nước và thông gió đảm bảo vệ sinh.

**6.** Phải có khu vực vệ sinh.

**7.** Phải được làm vệ sinh sạch sẽ ngay sau mỗi lần tổ chức tang lễ. Trường hợp tổ chức tang lễ cho người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A và một số bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B (trong danh mục các bệnh truyền nhiễm bắt buộc phải cách ly theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế) hoặc thi hài đã bị thối rữa thì sau khi tang lễ kết thúc, nền nhà, tường xung quanh nơi đặt thi hài và các vật dụng có tiếp xúc với thi hài phải được xử lý bằng các hóa chất diệt khuẩn thuộc danh mục các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được đăng ký lưu hành. Nếu dùng hóa chất là Cloramin B để xử lý thì tiến hành như sau: Lau hoặc phun phủ kín lên toàn bộ bề mặt của nền nhà, tường xung quanh nơi đặt thi hài và các vật dụng có tiếp xúc với thi hài bằng dung dịch Cloramin B nồng độ 5% và duy trì thời gian tiếp xúc của hóa chất với nền nhà, tường xung quanh và các vật dụng tối thiểu là 30 phút.

**8.** Phải có hồ sơ sổ sách ghi chép các thông tin: Họ tên, địa chỉ, nguyên nhân chết, thời gian vận chuyển đến, thời gian vận chuyển đi, ký hiệu (mã số) của thi hài; họ tên, địa chỉ của thân nhân thi hài; xác nhận của bên giao và bên nhận thi hài. Hồ sơ sổ sách phải được đơn vị quản lý nhà tang lễ

ghi chép cập nhật thường xuyên và lưu trữ theo các quy định của pháp luật về lưu trữ quốc gia.

### **Câu 22. Thời gian cải táng được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời**

Tuỳ theo điều kiện chất đất, phong tục tập quán và tín ngưỡng của từng vùng mà thời gian cải táng có thể khác nhau nhưng thời gian từ khi chôn đến khi cải táng không dưới 36 tháng. Phần đất nơi huyệt mộ sau cải táng phải để tối thiểu là 12 tháng mới được sử dụng vào mục đích mai táng.

### **Câu 23. Thời gian lưu xác tại nhà hỏa táng được quy định như thế nào?**

#### **Trả lời**

a) Trường hợp người chết do nguyên nhân thông thường.

- Không quá 06 giờ đối với nhà hỏa táng không có phòng lạnh bảo quản thi hài.

- Không quá 24 giờ đối với nhà hỏa táng có phòng lạnh bảo quản thi hài.

b) Trường hợp người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A và một số bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B (trong danh mục các bệnh truyền nhiễm bắt buộc phải cách ly theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế) hoặc thi hài đã bị thối

rửa phải tiến hành hỏa táng trong vòng 03 giờ kể từ khi thi hài được chuyển đến nhà hỏa táng.

**Câu 24. Một số hình thức khuyến khích trong việc tang và tiến tới thực hiện hỏa táng là gì?**

### Trả lời

\* *Một số hình thức khuyến khích trong việc tang hiện nay:* Để đảm bảo việc tổ chức tang lễ chu đáo, gọn nhẹ và tiết kiệm cần phải khuyến khích một số hình thức sau:

- Về âm nhạc, khuyến khích sử dụng băng đĩa nhạc thay cho phuơng bát âm. Trong đám tang hạn chế mang vòng hoa, đối, trường nhiều để thực hiện tiết kiệm, tránh lãng phí không cần thiết.
- Thực hiện hình thức hỏa táng, điện táng thay cho hình thức hung táng vì hung táng rất mất vệ sinh và phức tạp.
- Các tuần tiết trong lễ tang như cúng 03 ngày, 07 ngày, 49 ngày hay cải táng, nếu tổ chức thì chỉ nên tổ chức trong phạm vi gia đình, nội tộc thân thích.
- Không mời khách ăn uống (ăn cỗ) trong tang lễ và không sử dụng thuốc lá, rượu, bia.

\* *Về việc tiến tới thực hiện hỏa táng:* Theo truyền thống cũ chúng ta có tập quán mai táng theo giai đoạn, sau 03 năm rồi cải táng (bốc mộ). Hình thức này có nhiều điểm không còn phù hợp với hiện nay vì không đảm bảo vệ sinh, tốn nhiều diện tích đất để làm nghĩa địa; tốn gỗ để làm quan

tài và nhiều nghi thức phiền toái cùng nhiều hủ tục, mê tín dị đoan.

Về hoả táng, điện táng, trong thời gian qua Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã nghiên cứu tham mưu, đề xuất với Chính phủ về hình thức hoả táng, điện táng. Qua nhiều năm áp dụng hình thức này, với những ưu thế nổi trội như thủ tục đơn giản, đảm bảo vệ sinh môi trường, tiết kiệm quỹ đất..., hình thức này đã và đang được đông đảo nhân dân lựa chọn (đặc biệt là khu vực thành thị).

### Câu 25. Quy hoạch và sử dụng nghĩa trang có hiệu quả phải thực hiện những gì?

#### Trả lời

- Quy hoạch nghĩa trang là một trong những nội dung quan trọng của việc quy hoạch xây dựng vùng, khu đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn. Việc quy hoạch về địa điểm xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa trang phải đảm bảo tiêu chí sau:

Phù hợp với các điều kiện địa hình, địa chất và khả năng khai thác quỹ đất hiệu quả. Phù hợp với tổ chức phân bố dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật. Đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm vệ sinh môi trường. Các nghĩa trang xây dựng mới hoặc mở rộng đều phải lập quy hoạch và xác định cụ thể vị trí, quy mô, ranh giới của các nghĩa trang; xác định hình thức táng phù hợp; xác định các chỉ tiêu về kỹ thuật; phân khu chức năng, phân lô mộ

táng, hàng mộ, khoảng cách giữa các ngôi mộ, kích thước các ngôi mộ, bia mộ đảm bảo thuận tiện và phù hợp thẩm mỹ với điều kiện kinh tế - xã hội và thuận tiện cho thực hiện nghi lễ mai táng. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật; các công trình nhà hỏa táng, điện táng, nhà lưu giữ tro cốt (nếu có) và các công trình khác liên quan phải được xây dựng đồng bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Về sử dụng nghĩa trang theo Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang phải đảm bảo các yêu cầu sau: Định kỳ chăm sóc, bảo quản, gìn giữ phần mộ, tro cốt tại các nhà lưu giữ, duy tu bảo dưỡng các công trình trong nghĩa trang. Đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường trong nghĩa trang. Lập và lưu giữ hồ sơ nghĩa trang, quy định chỉ dẫn khách thăm viếng, tưởng niệm và quản lý các hoạt động trong nghĩa trang.

**Câu 26. Hủ tục là gì, vì sao phải bài trừ hủ tục trong việc tang?**

### Trả lời

Hủ tục là những tập tục, tập quán, phong tục không còn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế, xã hội hiện tại; hủ tục còn là trở ngại, đôi khi đi ngược lại những lợi ích kinh tế, văn hoá - xã hội. Trong việc tang, hủ tục thường biểu hiện ở một số điểm như: khóc thuê, khóc mướn, lăn

đường, yểm bùa, trừ tà ma hay các hình thức mê tín dị đoan như: gọi hồn, lên đồng, bói toán, xem giờ... Một số địa phương còn đua nhau xây dựng những ngôi mộ như những tòa lâu đài, cung điện để phô trương thanh thế mà thực tế không phải để dành cho người chết.

Đây là những hủ tục không những không đem lại những lợi ích về kinh tế, văn hoá, xã hội mà còn gây thiệt hại cho nhân dân cả về tinh thần và vật chất. Chính vì vậy chúng ta phải kiên trì, bền bỉ và quyết tâm từng bước bài trừ những hủ tục mê tín dị đoan đó.

## LỄ HỘI

### Câu 27. Lễ hội là gì?

#### Trả lời

Lễ hội là một loại hình sinh hoạt văn hoá cộng đồng phổ biến và mang đậm bản sắc dân tộc, là tài sản vô giá trong kho tàng di sản văn hoá phi vật thể, làm giàu và phát huy giá trị nền văn hoá dân tộc. Lễ hội là hoạt động tập trung biểu thị các giá trị văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần của cộng đồng hướng vào việc tưởng niệm, tôn vinh các nhân vật được sùng bái nhằm thỏa mãn khát vọng trở về cội nguồn, sinh hoạt tín ngưỡng, cân bằng đời sống tâm linh và hưởng thụ, sáng tạo văn hoá của nhân dân.

## Câu 28. Nội dung cơ bản phần lễ, hội được thực hiện như thế nào?

### Trả lời

Lễ là hệ thống nghi lễ, nghi thức, thờ cúng (tế, lễ, rước...) thần thánh, tổ tông. Lễ mang tính thiêng, lễ bao quát mọi nghi thức ứng xử của một xã hội.

Hội "là đám vui đông người" được tổ chức nhân dịp kỷ niệm một sự kiện liên quan mật thiết đến một cộng đồng xã hội, nhỏ nhất cũng là làng. Hội được tổ chức nhằm phục vụ lợi ích tinh thần của mọi thành viên cộng đồng, tức là mang tính cộng đồng cả về tư cách tổ chức cũng như mục đích ý nghĩa.

Lễ là phép ứng xử giữa con người với thần linh, hội là một phần không thể thiếu được của lễ. Lễ linh thiêng thành kính bao nhiêu thì hội vui tươi thoải mái bấy nhiêu. Lễ bao hàm niềm tin thiêng liêng và các nghi thức đặc thù của từng tôn giáo cụ thể. Còn hội là phần tiếp theo của lễ, gồm các trò chơi, trò diễn, các cuộc đua tài mang tính cộng đồng, thế tục và có ý nghĩa giáo dục nhiều mặt. Ví dụ những hình thức sinh hoạt vui chơi giải trí, các trò chơi dân gian diễn ra trong phần hội như: nấu cơm thi, cờ người, ném còi, hát đối đáp...

Tất cả các lễ hội, kể cả lễ hội sơ khai, cổ truyền và hiện đại đều mang những nét bản chất chung: đó là tính chất thiêng của toàn bộ lễ hội, là

sự sùng bái nhân vật (lịch sử - văn hóa) suy tôn những biểu tượng được phụng thờ; là nhu cầu trở về cội nguồn tự nhiên xa xưa để khẳng định nguồn gốc cộng đồng và bản sắc văn hóa; là sự giải thiêng trong tâm thức, tâm lý sinh hoạt cộng đồng (hoạt động vui chơi, ăn uống cộng cảm). Tất cả những bản chất này được biểu hiện ở tất cả các hiện tượng thuộc về lễ hội.

### Câu 29. Để tổ chức lễ hội lành mạnh phải thực hiện như thế nào?

#### Trả lời

Để tổ chức lễ hội lành mạnh, phải bảo đảm các yếu tố sau:

- Đối với cá nhân, đơn vị tổ chức lễ hội: Phải tuyên truyền ý nghĩa tốt đẹp của ngày lễ, ngày kỷ niệm. Giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc về lịch sử văn hóa, nghệ thuật, bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tình cảm cộng đồng. Tưởng nhớ công đức của ông cha, ghi nhận công lao của các bậc tiền bối trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Tìm hiểu, giới thiệu các di tích lịch sử, danh thắng, các công trình văn hóa, nghệ thuật; giữ gìn, phát huy vốn văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Vui chơi, giải trí lành mạnh; giữ gìn an ninh trật tự; không xâm hại di tích. Thực hiện đúng quy chế lễ hội ban hành theo Quyết định số 308/2008/QĐ-TTg ngày 25-11-2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế

thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

- Đối với người tham gia lễ hội: phải có tâm nguyễn trong sáng, hướng thiện, ứng xử đúng mực, thể hiện lời ăn tiếng nói có ý thức, có văn hóa, ăn mặc gọn gàng, dâng lễ, thấp hương đúng nghi lễ trang trọng thành kính, giữ gìn an ninh, trật tự, có ý thức bảo vệ cảnh quan môi trường. Có như vậy, người đi lễ mới thấy thánh thơi, hòa nhịp với sinh hoạt cộng đồng để được hưởng thụ và sáng tạo văn hóa.

**Câu 30. Các loại hình lễ hội được quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06-11-2009 của Chính phủ bao gồm những lễ hội nào?**

### Trả lời

Những lễ hội được quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06-11-2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa gồm những lễ hội sau:

a. *Lễ hội dân gian*: Lễ hội dân gian là loại hình sinh hoạt văn hóa, sản phẩm tinh thần của người dân được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử. Người Việt Nam từ hàng ngàn đời nay có truyền thống "Uống nước nhớ nguồn". Lễ hội là sự kiện thể hiện truyền thống quý báu đó của cộng đồng, tôn vinh những hình tượng thiêng, hội tụ được những phẩm chất cao đẹp của con người.

*b. Lễ hội Tôn giáo:* Là hình thức hoạt động tôn giáo có tổ chức, do tổ chức Giáo hội hoặc chức sắc chủ trì. Lễ hội tôn giáo thể hiện sự tôn thờ, tưởng niệm những người đứng đầu tôn giáo, người có công với việc gây dựng giáo phái, có công với đất nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*c. Lễ hội Lịch sử Cách mạng:* Là lễ hội kỷ niệm nhằm tôn vinh những nhân vật lịch sử, sự kiện cách mạng, các anh hùng, liệt sĩ của đất nước từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1930) đến nay.

*d. Lễ hội Văn hóa - Thể thao - Du lịch:* Là lễ hội được tổ chức để quảng bá và phát triển văn hóa, thể thao, du lịch bao gồm: Festival, liên hoan văn hóa, thể thao, du lịch, tuần văn hóa, thể thao, du lịch, tuần văn hóa - du lịch - thương mại.

*e. Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài vào Việt Nam:* Là lễ hội có nguồn gốc nước ngoài do người Việt Nam hay người nước ngoài đang sinh sống hợp pháp ở Việt Nam tổ chức nhân sự kiện chính trị, văn hóa, phong tục của nước ngoài không trái với luật pháp của Việt Nam.

### Câu 31. Phân cấp quản lý, tổ chức lễ hội như thế nào?

#### Trả lời

Việc phân cấp quản lý và tổ chức lễ hội được thực hiện như sau:

a) Lễ hội do cấp xã tổ chức phải báo cáo với Phòng Văn hóa - Thông tin huyện;

b) Lễ hội do cấp huyện tổ chức phải báo cáo với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

c) Lễ hội do cấp tỉnh tổ chức phải báo cáo với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**Câu 32. Những lễ hội nào khi tổ chức không phải xin cấp giấy phép?**

### Trả lời

Những lễ hội sau đây khi tổ chức không phải xin cấp phép, nhưng phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa - thể thao - du lịch:

a) Lễ hội dân gian đã được tổ chức thường xuyên, liên tục, định kỳ;

b) Lễ hội Lịch sử Cách mạng tiêu biểu có ý nghĩa giáo dục truyền thống.

**Câu 33. Những lễ hội nào khi tổ chức phải được phép của Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương?**

### Trả lời

Những lễ hội sau đây khi tổ chức phải được phép của Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Lễ hội được tổ chức lần đầu;

- Lễ hội lần đầu được khôi phục lại sau nhiều năm gián đoạn;

- Lễ hội đã được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm so với truyền thống;

- Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài vào Việt Nam do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức Việt Nam tổ chức;

- Những lễ hội mà kéo dài quá 03 ngày (trừ lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ), lễ hội Chùa Hương (Hà Nội), lễ hội Phủ Dầy (Nam Định), lễ hội Xuân núi Bà Đen (Tây Ninh), lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam (An Giang));

- Lễ hội tôn giáo vượt ra ngoài khuôn viên cơ sở thờ tự hoặc ở trong khuôn viên cơ sở thờ tự nhưng chưa đăng ký tổ chức hằng năm theo quy định tại Pháp lệnh số 21/2004/PLUBTVQH11 ngày 18-6-2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01-3-2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo.

#### **Câu 34. Quy định về thủ tục, hồ sơ cấp phép tổ chức lễ hội?**

##### **Trả lời**

Thủ tục, hồ sơ xin phép tổ chức lễ hội phải đảm bảo các nội dung sau:

###### **a) Thủ tục:**

Cơ quan, tổ chức muốn tổ chức lễ hội phải gửi hồ sơ đề nghị cấp phép tới Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi tổ chức lễ hội trước ngày dự định khai mạc lễ hội ít nhất 30 ngày làm việc.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du

lịch có trách nhiệm trình Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, có trách nhiệm cấp giấy phép tổ chức lễ hội; trường hợp Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp giấy phép trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

b) Hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép tổ chức lễ hội (ghi rõ nội dung lễ hội hoặc nội dung thay đổi so với truyền thống, thời gian, địa điểm tổ chức, dự định thành lập Ban tổ chức lễ hội và các điều kiện cần thiết để đảm bảo an ninh, trật tự trong lễ hội);

- Bản cam kết khi tổ chức lễ hội không vi phạm các quy định cấm tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06-11-2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.

**Câu 35. Nhiệm vụ chính của Ban tổ chức lễ hội là gì?**

**Trả lời**

Ban tổ chức lễ hội được thành lập theo quyết định của chính quyền cấp tổ chức lễ hội. Đại diện chính quyền làm trưởng ban, thành viên gồm đại

diện các ngành: Văn hóa, Công an, Tôn giáo, Mặt trận Tổ quốc, Y tế, đại diện ngành đoàn thể hoặc cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức lễ hội.

Những nhiệm vụ chính của Ban tổ chức:

- Quản lý, điều hành lễ hội theo đúng chương trình (các nghi thức, lễ thức, tổ chức các trò vui, văn hóa văn nghệ);

- Hướng dẫn tham quan di tích lịch sử văn hóa, các công trình văn hóa;

- Sắp xếp và tổ chức dịch vụ trong lễ hội;

- Tổ chức giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường;

- Bảo vệ tốt di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Quản lý việc thu, chi trong lễ hội;

- Tổng kết, rút kinh nghiệm, báo cáo với cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép mở hội.

**Câu 36. Quy hoạch dịch vụ và xây dựng nếp sống văn hóa kinh doanh dịch vụ trong lễ hội như thế nào?**

**Trả lời**

Tổ chức quy hoạch dịch vụ với mục đích xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội. Quy hoạch dịch vụ trong các lễ hội gồm:

1. Dịch vụ ăn nghỉ (quán ăn, giải khát, nhà trọ, nhà hàng, khách sạn... trông giữ xe máy, xe đạp, ô tô...).

2. Phương tiện đi lại: Xe, xuồng, đò...

3. Dịch vụ vệ sinh môi trường.

4. Dịch vụ văn hóa thông tin: Điện thoại, chụp ảnh, các trò chơi, xem nghệ thuật, sách, báo và các loại văn hóa phẩm...

Dịch vụ và dịch vụ văn hóa trong lễ hội trước hết là để phục vụ nhu cầu của nhân dân đến hội, khác với khuynh hướng kinh doanh đơn thuần làm kinh tế vì lợi nhuận. Các dịch vụ ăn, nghỉ trọ, phương tiện đi lại, dịch vụ tín ngưỡng, phải được phép của Ban tổ chức lễ hội mới được kinh doanh; phải đảm bảo phục vụ đúng giá quy định và chất lượng phục vụ; phải có tổ chức hoặc ban kiểm tra để tránh tình trạng tùy tiện nâng giá, bắt chẹt khách.

Đối với các dịch vụ như phim ảnh, chụp ảnh, các trò chơi, biểu diễn nghệ thuật... phải được ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phép hoặc cấp giấy phép, mới được tổ chức. Không lưu hành những ấn phẩm nhập lậu, ấn phẩm không rõ nơi xuất bản và chỉ chiếu những băng, đĩa hình đã được cơ quan quản lý nhà nước dán tem, nhãn kiểm soát theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Câu 37. Việc bảo đảm an ninh an toàn lễ hội, vệ sinh, cảnh quan môi trường như thế nào?**

**Trả lời**

Tổ chức quy hoạch, sắp xếp hợp lý các điểm vui chơi và dịch vụ để đảm bảo tính tôn nghiêm

của khu vực hành lễ, trông giữ xe đúng quy định, tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm các hoạt động mê tín dị đoan, tuần tra bảo vệ di tích phòng chống trộm cắp cổ vật, phòng chống cháy nổ.

- Tổ chức lễ hội thiết thực, khoa học, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nêu bật ý nghĩa và giá trị đặc sắc của từng lễ hội. Tránh làm biến dạng lễ hội dân gian trong việc khai thác lễ hội phục vụ du lịch.

- Củng cố, kiện toàn các Ban tổ chức lễ hội, thực hiện đúng quy trình, thủ tục cấp phép đối với lễ hội phải xin phép tổ chức và báo cáo bằng văn bản đối với lễ hội không phải xin phép tổ chức.

- Kết hợp hài hoà các biện pháp xây và chống trong việc thực hiện nếp sống văn minh, có biện pháp để ngăn chặn và loại bỏ những biểu hiện thu phí không đúng quy định, lừa gạt khách tham quan, truyền đạo trái phép, hoạt động mê tín dị đoan, đánh bạc. Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý vi phạm theo Nghị định số 75/2010/NĐ-CP ngày 12-7-2010 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong hoạt động văn hóa.

**Câu 38. Công đức là gì, sử dụng nguồn công đức thế nào là đúng và hiệu quả?**

### **Trả lời**

Công đức là sự hảo tâm tự nguyện của một cá nhân hay một tổ chức đóng góp một khoản tiền

hoặc hiện vật vào việc tu bổ di tích, đền chùa, miếu, nơi thờ tự với mục đích hướng thiện. Đó là nghĩa cử cao đẹp "uống nước nhớ nguồn" của người Việt Nam hướng về tổ tiên, nhớ ơn những người đã có công với đất nước.

Để sử dụng nguồn thu từ công đức, từ thiện, tài trợ và các nguồn thu khác đúng và hiệu quả phải đảm bảo các nội dung sau: Nguồn thu từ công đức phải được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; không được sử dụng tiền công đức vào những việc riêng, cá nhân và phải tái đầu tư cho di tích với mục đích là tôn tạo, tu bổ và các công việc phục vụ cho hoạt động của di tích.

## II.

### VỀ PHONG TRÀO "TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA"

PHONG TRÀO "TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA"

Câu 39. Cho biết xuất xứ của phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*"?

#### Trả lời

Từ những năm đầu thành lập nước, năm 1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết cuốn sách "*Đời sống mới*", mục đích kêu gọi toàn dân đoàn kết xóa bỏ những hủ tục lạc hậu, những tàn dư của chế độ

phong kiến, thực dân để lại, xây dựng và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng tình làng nghĩa xóm, lá lành đùm lá rách, cần, kiệm, liêm, chính... Qua các giai đoạn lịch sử của cách mạng, Đảng, Nhà nước ta đều có văn kiện, nghị quyết, chỉ thị xây dựng một nền văn hóa Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày 16-7-1998, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nghị quyết nêu ra 5 quan điểm chỉ đạo, 10 nhiệm vụ cụ thể và 4 nhóm giải pháp lớn, trong đó nhóm giải pháp số 1 là: Mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", huy động mọi lực lượng nhân dân và cả hệ thống chính trị từ trên xuống, từ trong Đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể ra ngoài xã hội tích cực tham gia phong trào.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII), ngày 23-12-1999 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 235/1999/QĐ-TTg về việc thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" với 20 bộ, ngành thành viên (Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân vận, Viện Thi đua khen thưởng (nay là Ban

Thi đua khen thưởng Trung ương), Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Ủy ban toàn quốc về Văn học nghệ thuật (nay là Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam), Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn (nay là Viện Khoa học xã hội Việt Nam), Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban Thể dục Thể thao (nay là Tổng cục Thể dục Thể thao thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Ngày 21-4-2000, tại tỉnh Quảng Nam, Ban chỉ đạo Trung ương phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*" đã ra mắt. Thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã trực tiếp chỉ đạo và thay mặt Chính phủ chính thức phát động phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*" trong toàn quốc. Phong trào này kế thừa những thành tựu, kinh nghiệm, kết quả đạt được từ các phong trào "*Đời sống mới*" (năm 1961), xây dựng "*gia đình văn hoá*", "*làng văn hoá*" (năm 1991) và phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*" (năm 1995). Phong trào là sợi dây đan kết các phong trào hiện có về xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở. Mục tiêu chung của phong trào là:

- Đoàn kết xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống tốt đẹp.
- Đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá phong phú, lành mạnh, đẩy lùi tệ nạn xã hội.

**Câu 40. Cho biết nội dung chủ yếu của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"?**

### Trả lời

Nội dung của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" gồm năm nội dung cơ bản là:

- Phát triển kinh tế giúp nhau làm giàu chính đáng, xoá đói giảm nghèo;
- Xây dựng tư tưởng chính trị lành mạnh;
- Xây dựng nếp sống văn minh, kỷ cương xã hội; sống và làm việc theo pháp luật;
- Xây dựng môi trường văn hoá sạch - đẹp - an toàn;
- Xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - thể thao cơ sở.

**Câu 41. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" bao gồm các phong trào cụ thể nào?**

### Trả lời

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" bao gồm bảy phong trào cụ thể là:

- Phong trào Xây dựng người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến;
- Phong trào Xây dựng gia đình văn hoá;
- Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư;
- Phong trào Xây dựng làng, bản, ấp, khu phố văn hoá;
- Phong trào Xây dựng công sở, doanh nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang... có nếp sống văn hoá;
- Phong trào Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại;
- Đẩy mạnh phong trào học tập, lao động sáng tạo.

## XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HÓA

**Câu 42. Thế nào là một gia đình văn hoá?**

### **Trả lời**

Một gia đình văn hóa có những tiêu chí cơ bản sau:

a) Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương:

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, không vi phạm pháp luật Nhà nước và quy ước, hương ước cộng đồng;

- Giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; vệ sinh môi trường; nếp sống văn hóa nơi công cộng;

- Không sử dụng văn hóa phẩm thuộc loại cấm lưu hành; không mắc các tệ nạn xã hội; không vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội;

- Tham gia thực hiện đầy đủ các phong trào thi đua, các sinh hoạt, hội họp ở cộng đồng và bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan của địa phương.

b) Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng:

- Vợ chồng bình đẳng, thương yêu giúp đỡ nhau, có trách nhiệm nuôi dạy con cái; con cháu hiếu thảo với bố mẹ, ông bà;

- Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học trở lên;

- Mỗi cặp vợ chồng có một hoặc hai con, không sinh con thứ ba;

- Giữ gìn vệ sinh phòng bệnh, ăn ở sạch sẽ, có nhà tắm, hố xí hợp vệ sinh và sử dụng nước sạch. Các thành viên trong gia đình có nếp sống lành mạnh, thường xuyên luyện tập thể dục thể thao;

- Đoàn kết xóm giềng, tham gia các hoạt động: hòa giải, tương trợ giúp đỡ nhau trong lao động, sản xuất, khi khó khăn, hoạn nạn, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện ở cộng đồng.

c) Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả:

- Kinh tế gia đình ổn định, tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm, có kế hoạch phát triển kinh tế gia đình,

nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho các thành viên;

- Các thành viên trong gia đình đều hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập.

### **Câu 43. Mục tiêu của xây dựng gia đình văn hóa hiện nay là gì?**

#### **Trả lời**

a) Giúp cho mọi người, mọi ngành, giới, đoàn thể nhận thức đúng đắn vai trò, vị trí, chức năng của gia đình trong xã hội; từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm về gia đình cho các thành viên trong việc giữ gìn, xây dựng và bảo vệ phát triển cả về vật chất, tinh thần, làm động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Góp phần xây dựng, phát triển và củng cố văn hóa gia đình mang bản sắc dân tộc Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn minh hiện đại.

c) Góp phần phòng chống tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong quan hệ giữa người với người và các quan hệ xã hội khác.

### **Câu 44. Công tác xây dựng gia đình văn hóa cần phải thực hiện như thế nào để đạt hiệu quả?**

#### **Trả lời**

Để tiến hành công tác xây dựng gia đình văn hóa có kết quả cần có những điều kiện sau:

a) Lãnh đạo: Cấp ủy và chính quyền các cấp phải có nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tác dụng của công tác xây dựng gia đình văn hóa, có kế hoạch tổ chức công tác này rõ ràng, cụ thể, khoa học, có đầu tư kinh phí đúng mức, có cán bộ tích cực, gương mẫu. Các ban, ngành, đoàn thể phải là lực lượng đi đầu, phối hợp liên kết chỉ đạo công tác này một cách toàn diện.

b) Biện pháp tiến hành phong phú, sáng tạo, kết hợp nhiều hình thức sôi động, lôi cuốn được đông đảo quần chúng tham dự.

c) Công tác xây dựng gia đình văn hóa phải có sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm hằng năm, có động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân, gia đình, tập thể làm tốt.

d) Nhân dân có ý thức, hưởng ứng công tác này, cán bộ, đảng viên, công nhân viên phải là lực lượng đi đầu trong công tác xây dựng gia đình văn hóa.

e) Từng bước nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho mỗi gia đình. Vì thế, mỗi gia đình phải tự nỗ lực lao động sản xuất, xây dựng nếp sống gia đình tốt đẹp.

**Câu 45. Để hưởng ứng công tác này, mỗi gia đình cần thực hiện những gì?**

### Trả lời

Đây là công tác "ích nước, lợi nhà" vì thế mỗi gia đình cần có ý thức tham gia và hưởng ứng tích cực nhằm thực hiện tốt các việc sau:

- Đิ họp thôn, xóm, tổ dân phố, miền dân cư đầy đủ.
- Nắm vững mục tiêu công tác và các nội dung tiêu chuẩn gia đình văn hóa, đọc sách báo có nội dung gia đình và giáo dục con tốt.
- Đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, vận động các gia đình khác cùng làm; tham gia sinh hoạt câu lạc bộ gia đình văn hóa.
- Tích cực tham gia các buổi bình xét sơ kết, tổng kết công tác gia đình văn hóa cơ sở.

**Câu 46. Tác động từ hiệu quả công tác xây dựng gia đình văn hóa đối với xã hội như thế nào?**

### Trả lời

Nếu làm tốt công tác xây dựng gia đình văn hóa sẽ có tác dụng rất lớn cho sự phát triển của đất nước như:

a) Xây dựng gia đình thành tế bào xã hội lành mạnh, giúp các cá nhân tự hoàn thiện nhân cách, xây dựng các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình tốt đẹp, giúp cho quan hệ giữa người với người trong xã hội lành mạnh, văn minh, gia đình tốt xã hội sẽ tốt.

b) Góp phần hạn chế các tệ nạn xã hội. Thực hiện việc cưới, việc tang, lễ hội lành mạnh, văn minh.

c) Tạo điều kiện tốt để thực hiện các chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước, các cuộc vận động xã hội khác.

d) Gia đình phát triển có văn hóa là cơ sở để thực hiện mục tiêu phát triển của đất nước "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

### CÔNG TÁC XÂY DỰNG LÀNG (THÔN, BẢN, ẤP...), TỔ DÂN PHỐ VĂN HÓA

**Câu 47. Thế nào là làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hóa?**

#### Trả lời

Làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hóa là khối dân cư ở nông thôn và thành thị, làm thành một đơn vị có đời sống riêng về mọi mặt và là đơn vị cấu thành đơn vị hành chính cấp xã.

Xây dựng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hóa là xây dựng một cộng đồng dân cư có đời sống kinh tế và văn hóa tinh thần phát triển lành mạnh, phong phú. Vì vậy làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hóa là danh hiệu vinh dự của những cộng đồng dân cư ở nông thôn và thành thị phấn đấu đạt được các yêu cầu trên. Tùy theo kết cấu dân cư truyền thống của địa phương, có thể gọi là làng văn hóa, ấp văn hóa, bản văn hóa, tổ dân phố văn hóa, phum văn hóa, sóc văn hóa...

**Câu 48. Vì sao phải xây dựng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hóa?**

#### Trả lời

Hiện nay ở nước ta, đặc biệt là trong khu vực

sản xuất nông nghiệp, mỗi người dân, mỗi gia đình đã tự chủ trong sản xuất và sinh hoạt văn hóa - xã hội. Mọi vấn đề như: sản xuất, đi lại, ở, hoạt động văn hóa, tập quán... đều được giải quyết phù hợp với yêu cầu của mỗi người dân, gia đình, dòng họ trong làng (thôn, bản, ấp...). Vì vậy, xây dựng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hóa là nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của người dân, gia đình trong sản xuất, tổ chức sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa, đáp ứng yêu cầu thiết thực của nhân dân, phù hợp với sự đổi mới về cơ chế tổ chức và quản lý kinh tế, chính trị, xã hội ở nông thôn.

Mặt khác, xây dựng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hóa là thực hiện các nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới, ~~thực hiện~~ công nghiệp hóa nông nghiệp nhằm tạo dựng một môi trường văn hóa lành mạnh, để mỗi người dân, gia đình, dòng họ có điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa; bảo vệ, giữ gìn và phát huy các phong tục tập quán tốt đẹp; loại bỏ các hiện tượng dị đoan, cờ bạc, rượu chè... Công tác xây dựng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hóa là nội dung thiết thực xây dựng phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*".

**Câu 49. Để đạt danh hiệu "Làng văn hóa" cần phải đạt những tiêu chuẩn gì?**

**Trả lời**

\* Đối với vùng đồng bằng (cận đô thị) thực

hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi đua, khen thưởng, với những nội dung cụ thể như sau:

a. *Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển:*

- Có từ 85% hộ trở lên có đời sống kinh tế ổn định; nhiều hộ sản xuất, kinh doanh giỏi; dưới 5% hộ nghèo, không có hộ đói;
- Có từ 80% hộ trở lên có nhà xây mái bằng hoặc lợp ngói, xóa nhà tranh tre dột nát;
- Trên 85% đường làng, ngõ xóm được đổ bêtông, lát gạch hoặc làm bằng vật liệu cứng;
- Trên 90% số hộ được sử dụng điện.

b. *Đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú:*

- Có các thiết chế văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, giáo dục, y tế phù hợp, hoạt động thường xuyên;
- Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng;
- Không có người mắc tệ nạn xã hội, tàng trữ và sử dụng văn hóa phẩm thuộc loại cấm lưu hành;
- Có từ 75% trở lên số hộ được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa"; khu dân cư hoặc trên 70% số khu dân cư được công nhận danh hiệu "Khu dân cư tiên tiến" 03 năm liên tục trở lên;
- 100% trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học trở lên; không có người mù chữ;
- Không có dịch bệnh; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người; giảm hằng năm 1,5% tỷ lệ

suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 05 tuổi; trên 90% trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ theo quy định, phụ nữ có thai được khám thai định kỳ.

c. *Môi trường cảnh quan sạch đẹp:*

- Đường làng, ngõ xóm phong quang, sạch sẽ; rác thải phải được thu gom xử lý;
- Có từ 85% hộ trở lên được sử dụng nước sạch, có nhà tắm, hố xí hợp vệ sinh;
- Tôn tạo, bảo vệ, phát huy các di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.

d. *Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước:*

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân;
- Thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và thực hiện tốt quy ước, hương ước cộng đồng;
- Đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; ~~thực hiện~~ tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; không có khiếu kiện tập thể vượt cấp kéo dài;
- Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể được xếp loại khá trở lên;
- Chăm lo các đối tượng chính sách, đảm bảo có mức sống trung bình trở lên ở cộng đồng;
- Không có trọng án hình sự.

d. *Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng:*

- Hoạt động hòa giải có hiệu quả; những mâu thuẫn, bất hòa được giải quyết tại cộng đồng;

- Có phong trào giúp nhau làm kinh tế, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện.

\* Đối với vùng miền núi (vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo) thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi đua, khen thưởng, với những nội dung cụ thể như sau:

*a. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển:*

- Đã định canh, định cư; có từ 60% số hộ trở lên có đời sống kinh tế ổn định, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên hằng năm, không có hộ đói;

- Có từ 60% số hộ trở lên có nhà ở được xây dựng hoặc làm bền vững, giảm tỷ lệ nhà tạm từ 5% trở lên hằng năm;

- Có từ 50% số hộ trở lên được sử dụng điện;

- Đường làng, ngõ xóm được tu bổ, nâng cấp hằng năm.

*b. Đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú:*

- Có tụ điểm sinh hoạt văn hóa - văn nghệ - thể dục thể thao, vui chơi giải trí ở cộng đồng; duy trì các sinh hoạt văn hóa - thể thao truyền thống của dân tộc;

- Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng phù hợp với thuần phong, mĩ tục của dân tộc;

- Không có tệ nạn xã hội phát sinh; không trộm, buôn bán và sử dụng thuốc phiện; không

tàng trữ và sử dụng văn hóa phẩm thuộc loại cấm lưu hành;

- Có từ 60% số hộ trở lên được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa"; khu dân cư hoặc trên 70% số khu dân cư được công nhận danh hiệu "Khu dân cư tiên tiến" liên tục 02 năm trở lên;

- Có từ 70% trở lên số trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường, không có người mù chữ;

- Không có dịch bệnh; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người; thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 01 tuổi; phụ nữ có thai được khám định kỳ.

c. *Môi trường cảnh quan sạch đẹp:*

- Đường làng, ngõ xóm, nơi sinh hoạt cộng đồng sạch sẽ; bảo vệ nguồn nước sạch;

- Có từ 60% số hộ trở lên được sử dụng nước hợp vệ sinh, có nhà tắm, hố xí hợp vệ sinh, đưa chuồng trại chăn nuôi cách xa nhà ở;

- Bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan thiên nhiên của địa phương.

d. *Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước:*

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân;

- Thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và thực hiện tốt quy ước, hương ước cộng đồng;

- Đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; không có khiếu kiện tập thể vượt cấp;

- Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể được xếp loại khá trở lên;
- Chăm lo các đối tượng chính sách, đảm bảo có mức sống trung bình trở lên ở cộng đồng;
- Không có trọng án hình sự.

**Câu 50. Để đạt danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa" cần phải đạt những tiêu chuẩn gì?**

### Trả lời

Tiêu chuẩn công nhận danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa" thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi đua, khen thưởng, với những nội dung cụ thể như sau:

a. *Có đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển:*

- Có từ 90% hộ trở lên có đời sống kinh tế ổn định; nhiều hộ giàu, dưới 5% hộ nghèo, không có hộ đói;
- Có từ 80% hộ trở lên có nhà ở được xây bền vững, xóa nhà tranh tre dột nát.

b. *Có đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú:*

- Có các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế; có điểm sinh hoạt văn hóa vui chơi giải trí; có hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên;
- Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; không có tệ nạn xã hội; không tàng trữ và sử dụng văn hóa phẩm cấm lưu hành;

- Có từ 80% hộ trở lên được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa"; khu dân cư hoặc trên 70% số khu dân cư được công nhận danh hiệu "Khu dân cư tiên tiến" liên tục 03 năm trở lên;
- Không có dịch bệnh; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người; giảm hằng năm 1,5% tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 05 tuổi; trên 90% trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ theo quy định, phụ nữ có thai được khám thai định kỳ.

c. *Có môi trường cảnh quan sạch đẹp:*

- Đường giao thông được trải nhựa hoặc bêtông; có hệ thống đèn chiếu sáng; đường phố, nơi sinh hoạt công cộng sạch đẹp; thực hiện tốt pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đô thị;
- Có 100% số hộ được sử dụng nước sạch; vệ sinh môi trường được đảm bảo;
- Tôn tạo, bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ở địa phương.

d. *Thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước:*

- Thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện tốt nếp sống văn minh đô thị và Quy chế dân chủ ở cơ sở;
- Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể được xếp loại khá trở lên;
- 100% trẻ em đang độ tuổi đi học đều được đến trường; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở trở lên;

- Có phong trào đền ơn đáp nghĩa và hoạt động từ thiện có hiệu quả.

**Câu 51. Công tác xây dựng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hoá cần phải thực hiện như thế nào để có hiệu quả?**

### Trả lời

Khi tổ chức xây dựng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hoá trong thời gian tới, để thực hiện có hiệu quả, cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Thực hiện nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, vận động nhân dân đoàn kết xây dựng quê hương.

- Làm thường xuyên, liên tục, kiên trì vận động, thuyết phục mỗi gia đình, dòng họ, người dân tham gia, không áp đặt, hình thức.

- Những vấn đề nêu ra trong mục tiêu phấn đấu để nhân dân thực hiện về kinh tế - xã hội ở địa phương phải phù hợp điều kiện của từng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố để mọi người cùng tự giác tham gia thực hiện, nhằm phục vụ quyền lợi thiết thực cho mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng. Cần thấy rõ xây dựng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hoá là vì dân, của dân, do dân, không chạy theo thành tích, duy ý chí.

- Vào thời gian thích hợp cần sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để tiếp tục nâng cao hiệu quả của công tác xây dựng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hoá;

- Xây dựng làng (thôn, bản, ấp...), tổ dân phố văn hoá phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và

quản lý của chính quyền cấp cơ sở, với sự tham gia phối hợp của các ngành, các giới ở địa phương.

## VỀ XÂY DỰNG HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC VĂN HÓA

**Câu 52. Nội dung cơ bản của hương ước, quy ước văn hóa là gì?**

### Trả lời

Hương ước, quy ước là những thoả thuận của cộng đồng kế thừa truyền thống lập hương ước của cha ông trước đây, theo đó người dân sẽ tự giác thực hiện những thoả thuận để xây dựng làng, thôn, ấp, bản có đời sống kinh tế, văn hoá tinh thần ổn định và phát triển. Nội dung của hương ước, quy ước gồm những vấn đề sau đây:

- Đảm bảo giữ gìn và phát huy thuần phong, mỹ tục, thực hiện các hành vi ứng xử văn minh trong giao tiếp, ăn, ở, đi lại... xoá bỏ hủ tục. Phát triển các hình thức hoạt động văn hoá lành mạnh, phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư.

- Đề ra các biện pháp góp phần bảo vệ tài sản công cộng và tài sản của công dân, bảo vệ môi trường sống, bảo vệ rừng, biển, sông, hồ, danh lam thắng cảnh, đền chùa, miếu mạo, các nguồn nước, đê điều, đập nước, kênh mương, kè cống. Xây dựng và phát triển đường làng, ngõ xóm, trồng cây xanh, chống ô nhiễm các nguồn nước... ở địa phương;

- Đề ra các biện pháp bảo vệ thuần phong mĩ tục, bài trừ các hủ tục trong ma chay, cưới hỏi, thờ phụng, lễ hội... ở địa phương;
- Góp phần xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, đề ra những tiêu chuẩn gia đình văn hoá, các quy tắc đạo đức mới, giúp đỡ nhau tìm ra các biện pháp xử lý tốt các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình;
- Xây dựng tình đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng, vận động các thành viên trong gia đình, họ tộc, xóm làng đoàn kết để xoá đói giảm nghèo, phát triển sản xuất, nâng cao mức sống, khuyến học, khuyến nghề... ở địa phương;
- Đề ra các biện pháp thích hợp góp phần bảo vệ trật tự, trị an trên địa bàn.

**Câu 53. Quy trình dự thảo hương ước, quy ước văn hoá như thế nào?**

### Trả lời

Dự thảo hương ước, quy ước phải được nhân dân trên địa bàn thảo luận, được hội nghị cử tri hoặc hội nghị đại biểu hộ gia đình ở làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư thông qua và được Uỷ ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi thi hành nhằm đảm bảo nội dung của hương ước, quy ước không trái với các quy định của pháp luật hiện hành, không chứa đựng các quy định xử phạt nặng nề, các khoản phí và lệ phí có thể gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

*Quy ước làng văn hóa bao gồm những nội dung sau:*

a. Nguyên tắc chung.

b. Những quy định cụ thể:

+ Quy định về xây dựng gia đình văn hóa;

+ Quy định về nếp sống văn hóa trong các việc: đi lại, lao động, ứng xử, sinh hoạt, việc cưới, việc tang, việc hội...;

+ Quy định về bảo vệ các công trình văn hóa, môi trường, tổ chức hoạt động và xây dựng khu sinh hoạt văn hóa;

+ Quy định về khuyến nông, khuyến học, an ninh, trật tự và thực hiện pháp luật của Nhà nước;

+ Các quy định khác (nếu có).

c. Điều khoản thi hành, soạn thảo, bổ sung, sửa đổi, phê duyệt quy ước.

### III. VỀ VĂN HÓA CÔNG SỞ

**Câu 54. Văn hóa công sở là gì, vì sao phải thực hiện nếp sống văn hóa công sở?**

**Trả lời**

Theo định nghĩa của Đại từ điển tiếng Việt, công sở là nơi làm việc của cơ quan nhà nước nói chung.

Văn hóa công sở là phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ, hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Phái thực hiện nếp sống văn hóa công sở bởi:

Trong tình hình thực tế hiện nay, văn hóa giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức vẫn còn những biểu hiện đáng lo ngại. Không ít nơi cán bộ, công chức có thái độ làm việc thiếu nghiêm túc, trang phục hết sức phản cảm; đặc biệt có tình trạng, nếu người đến liên hệ công tác mang đến lợi lộc cho mình thì săn đón, hổn hển, nhanh nhau; còn ngược lại thì cau có, khó chịu, gây khó khăn phiền hà. Đó là chưa nói tình trạng mồi chài, đòi tiền hối lộ, dút lót của những công chức đã thoái hoá biến chất. Những cán bộ, công chức này một mặt đã làm mất lòng tin của quần chúng nhân dân, mặt khác còn đi ngược lại mục đích tốt đẹp của chế độ nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do vậy, ngày 02-8-2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg về "Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước" quy định về trang phục, giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ.

**Câu 55. Nguyên tắc và mục đích thực hiện văn hóa công sở là gì?**

**Trả lời**

*Việc thực hiện văn hóa công sở tuân thủ các nguyên tắc sau đây:*

1. Phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và điều kiện kinh tế - xã hội;
2. Phù hợp với định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, hiện đại;

3. Phù hợp với các quy định của pháp luật và mục đích, yêu cầu cải cách hành chính, chủ trương hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.

*Việc thực hiện văn hóa công sở nhằm các mục đích sau đây:*

1. Bảo đảm tính trang nghiêm và hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

2. Xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ, hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

**Câu 56. Các hành vi bị cấm tại công sở làm việc là gì?**

### Trả lời

1. Hút thuốc lá trong phòng làm việc;

2. Sử dụng đồ uống có cồn tại công sở, trừ trường hợp được sự đồng ý của lãnh đạo cơ quan vào các dịp liên hoan, lễ tết, tiếp khách ngoại giao;

3. Quảng cáo thương mại tại công sở.

**Câu 57. Việc thực hiện văn hóa công sở tại phòng làm việc được quy định như thế nào?**

### Trả lời

Phòng làm việc phải có biển tên ghi rõ tên đơn vị, họ và tên, chức danh cán bộ, công chức, viên chức.

Việc sắp xếp, bài trí phòng làm việc phải bảo đảm gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, hợp lý.

Không lập bàn thờ, thắp hương, không đun, nấu trong phòng làm việc.

**Câu 58. Cho biết quy định treo Quốc huy và Quốc kỳ tại công sở như thế nào?**

### Trả lời

1. Quốc huy được treo trang trọng tại phía trên cổng chính hoặc tòa nhà chính. Kích cỡ Quốc huy phải phù hợp với không gian treo. Không treo Quốc huy quá cũ hoặc bị hư hỏng.

2. Quốc kỳ được treo nơi trang trọng trước công sở hoặc tòa nhà chính. Quốc kỳ phải đúng tiêu chuẩn về kích thước, màu sắc đã được Hiến pháp quy định.

**Câu 59. Sử dụng thời gian công sở có hiệu quả phải thực hiện những gì?**

### Trả lời

1. Thủ trưởng các cơ quan thuộc bộ máy hành chính, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp của Nhà nước có trách nhiệm:

a) Quản lý và sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Phân công lao động hợp lý và tổ chức tốt quá trình lao động của cán bộ, công chức, viên chức. Điều tra, khảo

sát, xây dựng tiêu chuẩn, định mức lao động và thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức. Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức lao động và thời giờ làm việc đã được phê duyệt, áp dụng cơ chế khoán theo công việc hoặc theo thời gian thực hiện công việc;

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể trên cơ sở nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phân bổ thời gian hợp lý để thực hiện chương trình, kế hoạch được giao;

c) Thực hiện nghiêm chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng hội nghị, hội thảo, cuộc họp và tiết kiệm thời gian bằng cách đổi mới phương pháp, cách thức tổ chức, điều hành hội nghị, ~~hội thảo~~, cuộc họp;

d) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO - 9001: 2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20-6-2006 của Thủ tướng Chính phủ và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác văn phòng;

e) Đảm bảo trang thiết bị, phương tiện và điều kiện làm việc phù hợp với tính chất, đặc thù lao

động cho cán bộ, công chức, viên chức; triển khai có hiệu quả chương trình hiện đại hóa nền hành chính, hiện đại hóa công sở;

f) Đề cao trách nhiệm, gương mẫu thực hiện các quy định về sử dụng thời giờ làm việc; có biện pháp khuyến khích, khen thưởng xứng đáng, kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức nghiêm túc chấp hành kỷ luật lao động, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng thời giờ làm việc cao; đồng thời thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về sử dụng thời giờ làm việc, về kỷ luật lao động; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; không xét khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm thời giờ làm việc.

## *2. Cán bộ, công chức, viên chức:*

a) Phải chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Không sử dụng thời giờ làm việc vào việc riêng; không đi muộn, về sớm, không chơi games trong giờ làm việc; không uống rượu, bia trước, trong giờ làm việc, kể cả vào bữa ăn giữa hai ca trong ngày làm việc và ngày trực;

c) Phải có mặt đúng giờ tại công sở theo giờ hành chính hoặc theo quy định cụ thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**Câu 60. Văn hoá giao tiếp, ứng xử văn minh trong cơ quan nhà nước phải thực hiện những gì?**

### Trả lời

#### 1. Trang phục của cán bộ công chức, viên chức:

- Khi thực hiện nhiệm vụ, cán bộ công chức, viên chức phải ăn mặc gọn gàng, lịch sự. Nếu có trang phục riêng thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Lễ phục của cán bộ, công chức, viên chức là trang phục chính thức được sử dụng trong những buổi lễ, cuộc họp trọng thể, các cuộc tiếp khách nước ngoài (lễ phục của nam cán bộ, công chức, viên chức: bộ comple, áo sơ mi, cravat; nữ: áo dài truyền thống, bộ comple nữ; đối với cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, trang phục ngày hội dân tộc cũng coi là lễ phục).

- Cán bộ công chức, viên chức phải đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ. Thẻ cán bộ, công chức, viên chức phải có tên cơ quan, ảnh, họ và tên, chức danh, số hiệu của cán bộ công chức, viên chức.

#### 2. Giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

- Cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ phải thực hiện các quy định về những việc phải làm và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

- Trong giao tiếp và ứng xử phải có thái độ lịch sự, tôn trọng. Ngôn ngữ giao tiếp phải rõ ràng, mạch lạc; không nói tục, nói tiếng lóng, quát nạt.
- Trong giao tiếp và ứng xử với nhân dân phải nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định có liên quan đến giải quyết công việc, không được tỏ thái độ hách dịch, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ.
- Khi giao tiếp với đồng nghiệp phải có thái độ trung thực, thân thiện, hợp tác.
- Khi giao tiếp qua điện thoại phải xưng tên, cơ quan, đơn vị nơi công tác; trao đổi ngắn gọn, tập trung vào nội dung công việc, không ngắt điện thoại đột ngột.

**Câu 61. Để việc thực hiện nếp sống văn hóa công sở có hiệu quả, trong thời gian tới chúng ta phải thực hiện những gì?**

### Trả lời

Xây dựng nếp sống văn hóa công sở để bài trừ các thói hư, tật xấu của đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo tính kỷ luật, kỷ cương của pháp luật, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, công chức trong hoạt động công vụ, hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự là "công bộc" của dân.

Để thực hiện có hiệu quả nếp sống văn hoá công sở trong thời gian tới đòi hỏi phải có sự thống nhất về nhận thức chung. Các ngành, các cấp phải nghiêm túc kiểm điểm những hạn chế, thiếu sót nơi công sở của cơ quan, đơn vị, kể cả cách bài trí công sở, trong giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, cần phải thấy được những hạn chế, thiếu sót đó sẽ cản trở tiến trình đổi mới hội nhập kinh tế đất nước trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; khắc phục ngay theo sự thống nhất chung mà Thủ tướng Chính phủ đã quy định. Những cán bộ, công chức vi phạm phải được xử lý nghiêm minh. Được như vậy sẽ dần từng bước đưa hình thức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước đi vào nền nếp, ổn định, góp phần vào công cuộc cải cách hành chính của đất nước.

#### IV.

### VỀ HÀNH VI VI PHẠM NẾP SỐNG VĂN MINH, HÌNH THỨC, MỨC PHẠT VÀ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

**Câu 62. Cho biết hành vi vi phạm nếp sống văn minh, hình thức và mức phạt?**

Trả lời

Tại Điều 18, Mục 3, Chương I, Nghị định số 75/2010/NĐ-CP ngày 12-7-2010 của Chính phủ

quy định hình thức xử phạt và mức phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa như sau:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về nếp sống văn hóa như:

Say rượu, bia ở công sở, nơi làm việc, khách sạn, nhà hàng, quán ăn, vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng karaoke, nơi hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, trên các phương tiện giao thông và những nơi công cộng khác;

Đốt đồ mă tại nơi tổ chức lễ hội, di tích lịch sử - văn hóa, nơi công cộng khác;

*"Đồ mă" là vật thể có hình người, hình động vật, nhà ở, tư liệu sản xuất, đồ dùng sinh hoạt của con người, hình khôi vàng, bạc, đá quý. Hành vi đốt đồ mă của các cá nhân tại vỉa hè hay khoảng đất chung cũng có thể coi là đốt đồ mă tại nơi công cộng. Quy định cấm này áp dụng vào việc xử lý đốt đồ mă tại các lễ hội, đặc biệt là những lễ hội có lượng đốt đồ mă lớn, gây lãng phí.*

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi sau:

a) Tổ chức hoạt động lén lồng, xem bói, gọi hồn, xin xăm, xóc thẻ, yểm bùa, phù chú, truyền bá sấm trang và các hình thức khác có tính chất mê tín dị đoan;

*"Lên đồng sám truyền" là hành vi lên đồng dạng sám truyền, nhập vào người này người nọ để phán, tuyên truyền mê tín dị đoan.*

b) Tuyên truyền mê tín dị đoan để tiêu thụ hàng mā;

c) Treo cờ Tổ quốc ở khu vực lễ hội không cao hơn, không trang trọng hơn các cờ khác;

d) Lợi dụng tín ngưỡng để quyên góp tiền của, vật chất khác.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi phục hồi hủ tục trái với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng lễ hội để tổ chức hoạt động gây mất trật tự, an ninh; tuyên truyền trái pháp luật; chia rẽ đoàn kết dân tộc.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại các điểm a và b khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều này;

b) Tịch thu sung công quỹ số tiền thu bất chính đối với hành vi quy định tại các điểm a và d khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc treo cờ Tổ quốc cao hơn, trang trọng hơn các cờ khác đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

b) Buộc khắc phục ô nhiễm môi trường, cảnh quan đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

**Câu 63. Vi phạm các quy định về giấy phép hoạt động sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời**

Tại Điều 20, Mục 3, Chương II Nghị định số 75/2010/NĐ-CP ngày 12-7-2010 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm như sau:

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi: Tổ chức lễ hội theo quy định phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không báo cáo hoặc có báo cáo nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng ý mà vẫn tổ chức;

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi: Tổ chức lễ hội theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép.

**Câu 64. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đối tượng nào?**

**Trả lời**

Theo Nghị định số 75/2010/NĐ-CP ngày 12-7-2010 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong hoạt động văn hóa.

Tại Điều 42, Chương III quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi

phạm hành chính theo quy định tại các khoản 4 và 5 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và Điều 30 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 trong phạm vi địa phương mình quản lý đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa được quy định như trên.

Tại Điều 43, Chương III quy định: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan thanh tra chuyên ngành.

1. Thanh tra viên chuyên ngành văn hóa đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

2. Chánh Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thẩm quyền;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
  - b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;
  - c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;
  - d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thẩm quyền;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

**Phần thứ ba**

**MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA ĐẢNG VÀ  
NHÀ NƯỚC VỀ NẾP SỐNG VĂN HÓA**

— Vợ chồng em hiện giờ phải sống trên hòn đảo  
nhà em sau khi em đã ra đi.

— Anh ta là người của tôi không bao giờ. Tôi đã và  
sẽ là của em.

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

— Ông bà của em là ai? Ông bà của em là ai?  
— Ông bà của em là ai?

## VĂN BẢN CỦA ĐẢNG

---

### KẾT LUẬN SỐ 30-KL/TW NGÀY 20-7-2004 CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ MƯỜI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ IX)

**Về "xây dựng và phát triển nền văn hóa  
Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc  
dân tộc" trong những năm sắp tới**

#### I. ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHOÁ VIII) (1998 - 2003)

##### 1. Thành tựu:

Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) ra đời đáp ứng đúng yêu cầu phát triển của đất nước và nguyện vọng của nhân dân, đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, được xã hội *nhiệt tình hưởng ứng thực hiện, gắn kết chặt chẽ hơn văn hoá với các lĩnh vực của đời sống xã hội*, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị và tạo nên những thành tựu về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... của đất nước.

Thông qua việc quán triệt các quan điểm chỉ đạo cơ bản và triển khai thực hiện 10 nhiệm vụ về văn hoá đã được nêu lên trong Nghị quyết, sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận

trong xã hội đổi với đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới được củng cố và nâng cao. Tính chủ động, sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân bước đầu được phát huy; dân chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội được mở rộng. Sự tham gia tích cực, tự giác của nhân dân vào các hoạt động văn hoá, đặc biệt là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" đã tạo được chuyển biến bước đầu và tiền đề rất quan trọng để văn hoá nước nhà tiếp tục phát triển đúng hướng và vững chắc.

Văn hoá trở thành một nội dung quan trọng trong hoạt động của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, từng bước gắn bó chặt chẽ hơn với các nhiệm vụ kinh tế, xã hội. Các giá trị văn hoá ngày càng thể hiện rõ hơn vai trò tích cực và khả năng tác động mạnh vào các lĩnh vực của đời sống. Những nét mới trong chuẩn mực văn hoá và trong nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá từng bước được hình thành. Đã xuất hiện một số tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị về đề tài cách mạng, kháng chiến và công cuộc đổi mới. Hoạt động thông tin, báo chí ngày càng mở rộng.

Việc thể chế hoá Nghị quyết được coi trọng, đã tạo hành lang pháp lý phù hợp và thông thoáng cho nhân dân và đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ hoạt động và sáng tạo văn hoá.

## 2. Những yếu kém, khuyết điểm

So với yêu cầu của thời kỳ đổi mới, trước những biến đổi ngày càng phong phú trong đời sống xã hội những năm gần đây, những thành tựu và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hoá còn chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống. Sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống tiếp tục diễn biến phức tạp, có một số mặt nghiêm trọng hơn, tổn hại không nhỏ đến uy tín của Đảng và Nhà nước, niềm tin của nhân dân.

Sự phát triển của văn hoá chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế và nhiệm vụ xây dựng Đảng. Nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá chưa tạo được chuyển biến rõ rệt. Môi trường văn hoá còn bị "nhiễm" bởi các tệ nạn xã hội, sự lan tràn của các sản phẩm và dịch vụ văn hoá mê tín dị đoan, độc hại, thấp kém, lai căng... Sản phẩm văn hoá và các dịch vụ văn hoá ngày càng phong phú nhưng vẫn rất thiếu những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có ảnh hưởng tích cực và sâu sắc trong đời sống. Có biểu hiện lúng túng, hữu khuynh trong cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng tư tưởng

trong lý luận - phê bình và sáng tác, trước những tác động ngày càng phức tạp của quá trình hội nhập kinh tế và giao lưu văn hoá. Xu hướng "thương mại hoá", chạy theo thị hiếu thấp kém trong một bộ phận báo chí, xuất bản, hoạt động văn hoá nghệ thuật chưa được ngăn chặn có hiệu quả, đã làm giảm sút, hạ thấp các chức năng nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ của văn hoá.

Việc xây dựng thể chế văn hoá, các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách trên lĩnh vực văn hoá, đặc biệt là chính sách về quan hệ giữa kinh tế và văn hoá còn chậm, chưa đổi mới, thiếu đồng bộ, làm hạn chế tác dụng của văn hoá đối với các lĩnh vực quan trọng của đời sống đất nước.

Tình trạng nghèo nàn, thiếu thốn, lạc hậu về đời sống văn hoá - tinh thần ở nhiều vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng căn cứ cách mạng trước đây vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả. Khoảng cách chênh lệch về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng miền, khu vực, tầng lớp xã hội tiếp tục mở rộng.

Những khuyết điểm, yếu kém nói trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, song cần nhấn mạnh các nguyên nhân chủ quan là:

Nhận thức trong Đảng từ Trung ương đến cấp ủy các cấp về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá chưa thật đầy đủ, các quan điểm chỉ đạo, phương hướng phát triển và các nhiệm vụ của văn hoá được xác định trong Nghị quyết chưa được

quán triệt và thực hiện nghiêm túc, việc tổ chức thực hiện còn thiếu tập trung, chưa đồng bộ, không kiên quyết.

Nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong Đảng, trong bộ máy nhà nước chưa được triển khai tích cực, có nơi còn bị xem nhẹ; không ít cán bộ, đảng viên chưa nêu được tấm gương văn hóa cho quần chúng.

Trong tổ chức thực hiện, năng lực và tầm lãnh đạo văn hóa của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể còn nhiều hạn chế. Chậm thể chế hóa các quan điểm, chủ trương lớn, bị động trước những khuynh hướng mới xuất hiện và một số biến đổi phức tạp trên lĩnh vực văn hóa. Chưa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tài năng, nâng cao năng lực của những người hoạt động, sáng tạo văn hóa; coi nhẹ cuộc đấu tranh trên lĩnh vực lý luận, phê bình văn học - nghệ thuật; chưa xây dựng được cơ chế, chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển văn hóa trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong một bộ phận đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, thông tin, báo chí và xuất bản có những biểu hiện xa rời đời sống, lúng túng trong định hướng sáng tạo và hoạt động nghiệp vụ, chạy theo chủ nghĩa thực dụng, chiều theo thị hiếu thấp kém đã tạo ra một số sản phẩm văn hóa chất lượng thấp, thậm chí sai trái.

## II. MỤC TIÊU, CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRONG THỜI KỲ MỚI

Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) có ý nghĩa chiến lược về văn hoá của cách mạng nước ta trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết là một nhân tố quyết định để nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ta, làm cho nền tảng tinh thần của chế độ ta, của xã hội nước ta ngày càng vững chắc, tiến bộ, phong phú, góp phần giữ vững độc lập, thống nhất, định hướng xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy nhanh quá trình phát triển đất nước.

Hội nghị thống nhất với Báo cáo và Tờ trình của Bộ Chính trị về các nhiệm vụ và giải pháp nhằm tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn về chất lượng và hiệu quả trong xây dựng và phát triển văn hoá thời kỳ mới, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau:

### 1. Mục tiêu

Thông qua việc triển khai các nhiệm vụ văn hoá cụ thể, mục tiêu cần phải đạt tới là tạo được sự phát triển đồng bộ về chất lượng văn hoá trên các mặt:

a) Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hoá -

nền tảng tinh thần của xã hội; tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước.

b) Trong quá trình mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế và giao lưu văn hoá, cùng với việc tập trung xây dựng những giá trị mới của văn hoá Việt Nam đương đại, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hoá dân tộc và tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hoá thế giới, bắt kịp sự phát triển của thời đại.

c) Vừa phát huy mạnh mẽ tính đa dạng, bản sắc độc đáo của văn hoá các dân tộc anh em, làm phong phú nền văn hoá chung của cả nước, vừa kiên trì củng cố và nâng cao tính thống nhất trong đa dạng của văn hoá Việt Nam, đấu tranh chống các khuynh hướng lợi dụng văn hoá để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

d) Nghiên cứu, nắm bắt kịp thời thành tựu của văn hoá - thông tin hiện đại, huy động mọi tiềm lực xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hoá, chăm lo các tài năng, chủ động có kế hoạch, chính sách, cơ chế phù hợp để tạo điều kiện cho văn hoá nước nhà phát triển vững chắc và đúng hướng trong thời kỳ mới.

## 2. Nhiệm vụ trọng tâm

a) Tiếp tục đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn

hóa lành mạnh trong xã hội, trước hết là trong các tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và trong từng cá nhân, gia đình, thôn xóm, đơn vị, tổ chức cơ sở...

Cần xác định đây là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài.

Gắn chặt nhiệm vụ xây dựng văn hoá với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng thông qua cuộc vận động lớn về xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Cụ thể hoá các chuẩn mực đạo đức, lối sống cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính, kiên quyết đưa những phần tử thoái hoá, biến chất ra khỏi tổ chức đảng và cơ quan nhà nước.

b) Nâng cao chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam theo 5 đức tính được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII); cụ thể hoá theo các đối tượng, gắn chặt mục tiêu xây dựng con người với hoạt động thực tiễn và các phong trào thi đua yêu nước sâu rộng của quần chúng. Quy tụ mọi hoạt động văn hoá, phát huy thế mạnh của từng loại hình văn hoá - thông tin phục vụ nhiệm vụ bồi dưỡng lòng yêu nước, phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

c) Chú trọng xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, nhất là cộng đồng dân cư; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, tốt đẹp, phong phú. Thường xuyên

nâng cao trình độ phổ cập văn hoá đáp ứng nhu cầu văn hoá ngày càng cao và đa dạng của các tầng lớp nhân dân đi đôi với nhiệm vụ bồi dưỡng các tài năng văn hoá, khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tạo được nhiều công trình văn hoá - nghệ thuật tiêu biểu có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, tương xứng với sự nghiệp cách mạng của dân tộc và công cuộc đổi mới.

### 3. Các giải pháp chủ yếu

a) Giải pháp hàng đầu là nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng và cấp ủy các cấp đối với lĩnh vực văn hoá; bảo đảm định hướng chính trị đi đôi với vận dụng đúng đắn những đặc trưng của công tác văn hoá; chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hoá từ địa phương đến trung ương; định kỳ làm việc với các cơ quan văn hoá; chỉ đạo các cơ quan nhà nước thể chế hoá các chủ trương, chính sách về văn hoá; có kế hoạch chăm sóc, bồi dưỡng tài năng trong tất cả các lĩnh vực văn hoá; tôn trọng tự do sáng tác, xây dựng quan hệ chân thành, cởi mở đối với đội ngũ những người hoạt động văn hoá, có chính sách trọng dụng người tài, đồng thời chăm lo định hướng chính trị và ý thức trách nhiệm công dân nhằm phát huy cao nhất đóng góp của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người làm báo cho sự nghiệp phát triển văn hoá. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước có kế hoạch, biện pháp đầy mạnh

việc xây dựng văn hoá trong tổ chức đảng và trong các cơ quan nhà nước để làm gương cho xã hội, nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ này.

b) Phát huy tính năng động sáng tạo của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các hội sáng tạo văn học - nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật và thông tin, báo chí trong sự nghiệp văn hoá, tạo nên sức mạnh tổng hợp, động viên nhân dân và đội ngũ trí thức thực hiện các nhiệm vụ văn hoá; nâng cao chất lượng sáng tạo, sản xuất, bảo quản, tôn tạo, truyền bá và tiếp nhận các sản phẩm, công trình văn hoá. Xây dựng cơ chế, chính sách, chế tài ổn định đáp ứng yêu cầu xã hội hoá hoạt động văn hoá nhằm động viên, huy động có hiệu quả sức người, sức của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức kinh tế - xã hội tham gia xây dựng và phát triển văn hoá. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa, nhất là trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm Luật báo chí, xuất bản nhằm khắc phục kịp thời những yếu kém, khuyết điểm trong lĩnh vực này.

Có kế hoạch triển khai chương trình giáo dục văn hoá, thẩm mỹ, nâng cao chất lượng giáo dục khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục đạo đức, lối sống trong nhà trường từ phổ thông đến đại học. Phát huy vai trò của đội ngũ văn nghệ sĩ, những người hoạt động văn hoá tham gia hỗ trợ, giúp đỡ nhà trường thực hiện nhiệm vụ này.

c) Đẩy mạnh giáo dục về chủ nghĩa xã hội, bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, tạo chuyển biến rõ rệt về bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trí tuệ người Việt Nam theo 5 đức tính đã được Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) xác định.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, đẩy mạnh phong trào "Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại", đẩy lùi tiêu cực, lạc hậu, khẳng định giá trị tốt đẹp của văn hoá Việt Nam, con người Việt Nam thời kỳ mới.

d) Tăng đầu tư cho văn hoá, phấn đấu đến năm 2010 ít nhất đạt 1,8% tổng chi ngân sách của Nhà nước; tiếp tục bảo đảm kinh phí cho các chương trình mục tiêu phát triển văn hoá. Phát triển các doanh nghiệp văn hoá đủ khả năng đứng vững trong cơ chế thị trường, đạt được hiệu quả văn hoá - xã hội, nâng cao chất lượng phục vụ. Động viên các tầng lớp nhân dân, nhất là người say mê hoạt động văn hoá, cả trong và ngoài nước, đầu tư và đóng góp cho sự nghiệp văn hoá, vì sự phồn vinh của văn hoá dân tộc.

#### **4. Tổ chức thực hiện**

a) Căn cứ Kết luận của Hội nghị Trung ương 10, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cần tổ chức nghiên cứu, quán triệt trong cán bộ, đảng viên, nhân dân;

tiếp tục đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác chỉ đạo văn hoá ở ngành, địa phương, đơn vị mình; bổ sung chương trình hành động, tạo ra được những chuyển biến rõ rệt về xây dựng văn hoá, nhất là nhiệm vụ giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và xây dựng đời sống văn hoá cơ sở; đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" phát triển sâu rộng, có chất lượng.

b) Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân căn cứ Kết luận của Hội nghị tiếp tục xem xét, chỉ đạo, ban hành các văn bản luật pháp, chính sách, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tổ chức các hình thức động viên, khen thưởng kịp thời các tập thể và cá nhân có thành tích xứng đáng trong thực hiện nhiệm vụ này.

c) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, các Ban Cán sự đảng Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Đảng đoàn Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam và các Hội Văn học - Nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam có chương trình hành động thực hiện Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương và tổ chức quán triệt đến từng hội viên, cán bộ, nhân dân.

d) Hội đồng Lý luận Trung ương, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng, Nhà nước tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về những vấn đề liên quan đến văn hoá dân tộc, đề xuất phương án có tính chiến lược về văn hoá Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làm cơ sở lý luận cho quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) và Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 (khoá IX) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

e) Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị thường xuyên theo dõi việc thực hiện Kết luận này của Ban Chấp hành Trung ương và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**  
**TỔNG Bí THƯ**  
**Nông Đức Mạnh**

**KẾT LUẬN**  
**SỐ 51-KL/TW NGÀY 22-7-2009**  
**CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**Về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW  
ngày 12-01-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII)  
về thực hiện nếp sống văn minh trong  
việc cưới, việc tang, lễ hội**  
*(Trích)*

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Tuyên giáo Trung ương về kết quả Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12-01-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, Bộ Chính trị kết luận:

1- Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12-01-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, trong những năm đầu sau khi ban hành đã được các cấp, các ngành, các đoàn thể, các địa phương, đơn vị tích cực triển khai thực hiện. Việc xây dựng đời sống văn hóa nói chung, xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội nói riêng đã có những chuyển biến rõ nét, hạn chế được một số

tiêu cực, hủ tục lạc hậu. Đã xuất hiện những điển hình tốt, những mô hình mới trong tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội, góp phần nâng cao chất lượng phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" và thực hiện chiến lược "*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*" theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của Đảng.

Tuy nhiên, những năm gần đây, việc thực hiện Chỉ thị không nghiêm túc, tình hình tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội còn phô trương, nhiều nghi thức rườm rà, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, gây tổn kém phiền phức; mê tín, dị đoan lại phát triển phức tạp. Một số đám cưới làm to hơn, kéo dài hơn trước; việc ganh đua xây cất mồ mả gây lãng phí tiền của, công sức diễn ra ở nhiều nơi có chiều hướng ngày càng gia tăng...

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém nêu trên là do: Nhận thức và trách nhiệm của một số không ít cấp ủy đối với việc quán triệt, tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW chưa đầy đủ. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa trong hướng dẫn, tổ chức, quản lý hoạt động việc cưới, việc tang, lễ hội còn thiếu chặt chẽ, buông lỏng, hưu khuynh. Nhiều cán bộ, đảng viên, công chức, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành thiếu gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh trong

việc cưới, việc tang. Cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa đảm bảo cho việc thực hiện Chỉ thị chưa được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm đầu tư, xây dựng...

2- Trước tình hình trên, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12-01-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; Thông báо Kết luận số 83-TB/TW, ngày 27-6-2007 của Ban Bí thư và Kết luận số 34-KL/TW, ngày 20-12-2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về việc cưới, việc tang, lễ hội,... tập trung thực hiện có kết quả một số nhiệm vụ sau:

...

- Tập trung chỉ đạo công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa, thiết chế văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Trên cơ sở đó, tuyên truyền, vận động, tổ chức để các tầng lớp nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Gắn chặt hoạt động này với cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*", với phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tổng hợp của các cuộc vận động. Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp phải gương mẫu thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính

tri - xã hội các cấp, các địa phương cần chỉ đạo cơ sở thực hiện nghiêm túc quy ước, hương ước, những quy định về việc cưới, việc tang, lễ hội; vận động cán bộ, nhân dân thực hiện điện tang, hỏa táng người qua đời, không mê tín dị đoan; coi trọng đầu tư xây dựng các nhà văn hóa làm điển hình tổ chức cưới ở xã, phường, nhà tang lễ, xây dựng cơ sở điện tang, quy hoạch nghĩa trang, tạo thuận lợi cho nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới và việc tang.

- Các cơ quan quản lý nhà nước tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế việc cưới, việc tang, lễ hội phù hợp và đáp ứng yêu cầu của tình hình hiện nay, có chế tài đủ mạnh, có tác dụng giáo dục, răn đe. Chính quyền các cấp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; phát hiện và xử lý cương quyết các hành vi vi phạm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thị trường các sản phẩm văn hóa, xử lý nghiêm minh tập thể, cá nhân sản xuất, kinh doanh, phát tán sản phẩm độc hại, phi văn hóa.

- Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học, xây dựng các luận cứ khoa học và mô hình mẫu trong tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội để giới thiệu, truyền bá ra các vùng, miền.

...

Các cấp ủy đảng phải coi việc lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, định kỳ sơ kết, tổng kết

dể kịp thời đề ra những biện pháp phù hợp với từng vùng, miền, từng dân tộc, từng đối tượng cụ thể.

Ban Tuyên giáo Trung ương giúp Bộ Chính trị hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc quán triệt, thực hiện Kết luận này; chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hằng năm tổ chức kiểm tra, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ  
Trương Tấn Sang**

**CHỈ THỊ SỐ 27-CT/TW**  
**NGÀY 12-01-1998 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**  
**Về việc thực hiện nếp sống văn minh trong**  
**việc cưới, việc tang, lễ hội**

Từ nhiều năm qua, cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hoá đã được thực hiện trong cả nước. Nhiều tỉnh, thành phố đã có những việc làm thiết thực đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hoá, thôn ấp văn hoá; bước đầu hình thành một số nghi thức mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, phát huy truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn, hiếu thảo, thuỷ chung của dân tộc.

Những năm gần đây, trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường, chúng ta đã có phần buông lỏng chỉ đạo, quản lý trên một số lĩnh vực văn hoá - xã hội, xem nhẹ việc giáo dục nếp sống và lối sống, thiếu sự hướng dẫn kịp thời về phong tục, thiếu những quy định cụ thể của Nhà nước đối với việc cưới, việc tang, lễ hội nên đã để phát sinh nhiều hiện tượng không lành mạnh trong xã hội. Nhiều gia đình, trong đó có cả những cán bộ có chức quyền, vì động cơ hiếu danh, vụ lợi,

tổ chức đám cưới, đám tang linh đình, phô trương, có những trường hợp thực chất là "Bán cổ thu tiền". Mê tín dị đoan cùng nhiều hủ tục, kể cả một số hủ tục mới hình thành do thói đua đòi và do cách học theo nước ngoài thiếu sự phê phán, chọn lọc, đang có khuynh hướng phục hồi và phát triển . khá phổ biến ở nhiều nơi...

Những hiện tượng trên trở thành những vấn đề xã hội nhức nhối, làm xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống, lối sống cần kiệm, giản dị của dân tộc, phá hoại thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng xấu tới đời sống tinh thần vật chất của nhân dân, ngày càng bị những bộ phận tiên tiến trong nhân dân lên án, không đồng tình.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc vận động sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hoá, trong đó có việc thiết lập nếp sống lành mạnh trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo những định hướng:

- Bảo tồn có chọn lọc, cải tiến, đổi mới những phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc; loại bỏ dần trong cuộc sống những hình thức lỗi thời, lạc hậu; nghiên cứu xây dựng và hình thành dần những hình thức vừa văn minh, vừa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

- Lành mạnh, tiết kiệm, tránh xa hoa lãng phí, phiền nhiễu.

- Chống khuynh hướng kinh doanh, vụ lợi.
- Xoá bỏ hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan.
- Để thực hiện chủ trương trên, cần làm tốt một số công việc sau đây:

1. Cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp phải thực sự quan tâm, có kế hoạch cụ thể chỉ đạo xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, coi đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng của địa phương ngay trong dịp tết và Xuân Mậu Dần này.

2. Phát động phong trào quần chúng rộng rãi, nâng cao vai trò làm chủ, ý thức tự giác của nhân dân, xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn về nếp sống văn minh - gia đình văn hoá.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị, tổ chức xã hội đóng vai trò nòng cốt phối hợp kế hoạch tiến hành cuộc vận động từ cơ sở xã, phường, lôi cuốn mọi người, mọi lực lượng tham gia, tạo ra dư luận xã hội mạnh mẽ phê phán những biểu hiện cổ hủ, xa hoa lãng phí, hiếu danh, vụ lợi trong cưới xin, ma chay, tế lễ không phù hợp với yêu cầu của cuộc sống văn minh.

3. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nhân viên Nhà nước và cán bộ chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân phải gương mẫu chấp hành những quy định của Nhà nước, quy ước của địa phương, cơ quan, đơn vị về nếp sống văn minh, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, cổ hủ, xa hoa lãng phí, vụ lợi trong việc cưới, việc tang, lễ hội, coi đây là một tiêu chuẩn để

đánh giá cán bộ, đảng viên, đoàn viên. Nghiêm khắc phê bình và xử lý kỷ luật thích đáng đối với những đảng viên, đoàn viên, cán bộ và chiến sĩ vi phạm nếp sống văn minh.

4. Ngành Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm xây dựng và hướng dẫn những nghi thức phù hợp trong việc cưới, việc tang, lễ hội; kiến nghị Nhà nước bổ sung luật lệ và quy định về lĩnh vực này theo các định hướng đã nêu ở trên; các địa phương dựa vào các quy định này mà cụ thể hoá và vận dụng thích hợp với điều kiện của từng vùng, miền và đồng bào các dân tộc.

5. Các cơ quan truyền thông đại chúng, văn hoá, nghệ thuật có nhiệm vụ thường xuyên tuyên truyền về cuộc vận động này, nêu gương những điển hình tiên tiến, những mô hình làm tốt về nếp sống văn minh - gia đình văn hoá, giữ gìn thuần phong mĩ tục; hình thành những tập quán mới tiến bộ, khắc phục các tập quán lạc hậu.

6. Các cấp uỷ Đảng, cơ quan chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có kế hoạch cụ thể để đảm bảo thực hiện thắng lợi cuộc vận động.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Cán sự Đảng các ngành, các cấp theo dõi, kiểm tra, định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm và có báo cáo việc thi hành Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ  
**Phạm Thế Duyệt**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 103/2009/NĐ-CP  
NGÀY 06-11-2009 CỦA CHÍNH PHỦ  
Ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và  
kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.

**Điều 2.** Hiệu lực của Nghị định

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và thay thế Nghị định số 11/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.

**Điều 3.** Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký

kinh doanh và giấy phép kinh doanh vũ trường, karaoke

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã phê duyệt quy hoạch vũ trường, karaoke theo quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 11/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ và Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng karaoke, vũ trường được tiếp tục cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy phép kinh doanh theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

#### **Điều 4. Trách nhiệm thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T/M CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG  
**Nguyễn Tân Dũng**

**QUY CHẾ**  
**HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA VÀ KINH DOANH**  
**DỊCH VỤ VĂN HÓA CÔNG CỘNG**  
(*Ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP*  
*ngày 06-11- 2009 của Chính phủ*)  
(Trích)

*Chương I*  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với hoạt động văn hóa của cơ quan, tổ chức mình**

1. Các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng phải nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; giáo dục nếp sống lành mạnh và phong cách ứng xử có văn hóa cho mọi người; kế thừa và phát huy truyền thống nhân ái, nghĩa tình, thuần phong mĩ tục; nâng cao hiểu biết và trình độ thẩm mỹ, làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân; ngăn chặn sự xâm nhập và bài trừ những sản

phẩm văn hóa có nội dung độc hại; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Người đứng đầu các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá thuộc phạm vi quản lý của mình.

## **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

a) Quy chế này quy định các hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng (sau đây gọi là Quy chế) bao gồm: lưu hành, kinh doanh băng, đĩa ca nhạc, sân khấu; biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; triển lãm văn hoá, nghệ thuật; tổ chức lễ hội; viết, đặt biển hiệu; hoạt động vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử, các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá và các hình thức vui chơi giải trí khác;

b) Nơi tổ chức hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng quy định tại Quy chế này bao gồm nhà hát, nhà văn hoá, nhà triển lãm, trung tâm văn hoá, câu lạc bộ, cơ sở lưu trú du lịch, nhà khách, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, giải khát, cửa hàng, cửa hiệu, sân vận động, nhà thi đấu thể thao, quảng trường, phương

tiện vận tải hành khách công cộng và các phương tiện, địa điểm khác có tổ chức các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa quy định tại điểm a khoản này.

## 2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam; trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

## **Điều 3. Quy định cấm trong hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng**

Nghiêm cấm các hoạt động sau đây:

1. Các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa có nội dung:

a) Kích động nhân dân chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

b) Kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng, văn hóa phản động, lối sống dâm ô đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, trái với thuần phong mỹ tục, gây hại cho sức khoẻ và hủy hoại môi trường sinh thái;

c) Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

d) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, xúc phạm dân tộc, vu khống, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.

2. Lưu hành, phổ biến và kinh doanh các sản phẩm văn hóa; sản xuất, nhập khẩu trái phép các sản phẩm văn hóa đã có quyết định đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu hủy; kinh doanh dịch vụ văn hóa mà không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép kinh doanh theo quy định.

3. Tổ chức các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh, trật tự và phòng, chống cháy nổ.

....

## *Chương V*

### **TỔ CHỨC LỄ HỘI**

#### **Điều 17. Các lễ hội thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế**

1. Lễ hội quy định tại Quy chế này bao gồm: lễ hội dân gian, lễ hội lịch sử, cách mạng, lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch và lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài tổ chức tại Việt Nam.

2. Lễ hội tôn giáo do tổ chức Giáo hội hoặc chức sắc chủ trì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động tôn giáo và những quy định có liên quan tại Quy chế này.

## **Điều 18. Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép tổ chức lễ hội**

1. Việc tổ chức các lễ hội quy định tại Điều 17 Quy chế này, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây, phải được phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức lễ hội:

a) Lễ hội được tổ chức lần đầu;

b) Lễ hội được khôi phục lại sau nhiều năm gián đoạn;

c) Lễ hội đã được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm so với truyền thống;

d) Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức Việt Nam tổ chức.

2. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức lễ hội: cơ quan, tổ chức muốn tổ chức lễ hội quy định tại khoản 1 Điều này phải gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tới Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch nơi tổ chức lễ hội trước ngày dự định khai mạc lễ hội ít nhất là 30 ngày làm việc.

a) Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức lễ hội (ghi rõ nội dung lễ hội hoặc nội dung thay đổi so với truyền thống, thời gian, địa điểm tổ chức, dự định thành lập Ban Tổ chức lễ hội và các điều kiện cần thiết để đảm bảo an ninh, trật tự trong lễ hội);

- Bản cam kết khi tổ chức lễ hội không vi phạm các quy định cấm tại Điều 3 Quy chế này.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận dù hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, có trách nhiệm cấp giấy phép tổ chức lễ hội; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp giấy phép trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận dù hồ sơ hợp lệ; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

#### **Điều 19. Các lễ hội không phải xin cấp giấy phép**

Những lễ hội sau đây khi tổ chức không phải xin giấy phép, nhưng trước khi tổ chức phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo hướng dẫn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

1. Lễ hội dân gian đã được tổ chức thường xuyên, liên tục, định kỳ; lễ hội văn hóa du lịch;
2. Lễ hội quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 18 Quy chế này được tổ chức từ lần thứ hai trở đi.

#### **Điều 20. Trách nhiệm của người tổ chức lễ hội**

Người tổ chức lễ hội phải thực hiện những quy định sau đây:

1. Thành lập Ban Tổ chức lễ hội.
2. Nghi thức lễ hội phải được tiến hành trang trọng theo truyền thống có sự hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá, thể thao và du lịch có thẩm quyền.
3. Trong khu vực lễ hội, cờ Tổ quốc phải treo ở nơi trang trọng, cao hơn cờ hội.
4. Việc tổ chức những trò chơi dân gian, hoạt động văn nghệ, thể thao trong khu vực lễ hội phải có nội dung bổ ích, lành mạnh, phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm của lễ hội.
5. Nguồn thu từ công đức, từ thiện, tài trợ và nguồn thu khác thu được từ việc tổ chức lễ hội phải được quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

## **Điều 21. Quy định đối với người đến dự lễ hội**

Người đến dự lễ hội phải thực hiện nếp sống văn minh và quy định của Ban Tổ chức lễ hội.

...

## *Chương VIII*

## **HOẠT ĐỘNG KARAOKE**

### **Điều 30. Điều kiện kinh doanh karaoke**

1. Phòng karaoke phải có diện tích sử dụng từ 20 m<sup>2</sup> trở lên, không kể công trình phụ, đảm bảo điều kiện về cách âm, phòng, chống cháy nổ;

2. Cửa phòng karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài nhìn thấy toàn bộ phòng;
3. Không được đặt khóa, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
4. Địa điểm hoạt động karaoke phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 200 m trở lên;
5. Địa điểm hoạt động karaoke trong khu dân cư phải được sự đồng ý bằng văn bản của các hộ liền kề;
6. Phù hợp với quy hoạch về karaoke được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 31. Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke**

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh karaoke ngoài cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp có đủ điều kiện quy định tại Điều 30 và các khoản 1 và 2 Điều 32 Quy chế này phải được Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan cấp huyện được phân cấp cấp giấy phép kinh doanh.
2. Hồ sơ và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke:
  - a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm:
    - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke trong đó ghi rõ địa điểm kinh doanh, số phòng, diện tích từng phòng;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý;

- Ý kiến bằng văn bản của các hộ liền kề.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan cấp huyện được phân cấp có trách nhiệm cấp giấy phép kinh doanh; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

### **Điều 32. Trách nhiệm của chủ cơ sở kinh doanh karaoke**

Khi hoạt động kinh doanh karaoke, chủ cơ sở kinh doanh phải tuân theo các quy định sau đây:

1. Đảm bảo ánh sáng trong phòng trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20 m<sup>2</sup>;

2. Đảm bảo âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép;

3. Chỉ được sử dụng bài hát đã được phép phổ biến; băng, đĩa đã dán nhãn kiểm soát theo quy định;

4. Không được bán rượu hoặc để cho khách uống rượu trong phòng karaoke;

5. Đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự quy định tại Nghị định số 72/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ;

6. Mỗi phòng karaoke chỉ được sử dụng một nhân viên phục vụ từ 18 tuổi trở lên; nếu nhân viên phục vụ là người làm thuê thì phải có hợp

đồng lao động và được quản lý theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động:

7. Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 37 Quy chế này;

8. Các điểm karaoke hoạt động ở vùng dân cư không tập trung không phải thực hiện quy định về âm thanh tại khoản 2 nhưng phải thực hiện quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

### **Điều 33. Hoạt động karaoke không có mục đích kinh doanh**

1. Cơ quan, tổ chức hoạt động karaoke để đáp ứng nhu cầu nội bộ của cơ quan, tổ chức mình không phải xin cấp giấy phép nhưng khi hoạt động phải thực hiện quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 32 Quy chế này và đảm bảo an ninh, trật tự.

2. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ tổ chức hoạt động karaoke tại nơi kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của nhân viên thuộc cơ sở mình thì không phải xin phép, nhưng phải riêng biệt với khu vực kinh doanh, phải thực hiện quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 32 Quy chế này và đảm bảo an ninh, trật tự.

### **Điều 34. Quy định cấm trong hoạt động karaoke**

Nghiêm cấm các hành vi khiêu dâm và mua bán dâm, mua bán, sử dụng ma tuý tại phòng karaoke.

## **HOẠT ĐỘNG TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ VÀ CÁC HÌNH THỨC VUI CHƠI KHÁC**

### **Điều 35. Điều kiện và hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử**

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi điện tử phải có các điều kiện sau:

a) Cửa hàng trò chơi điện tử phải cách các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông từ 200 m trở lên; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

b) Trang thiết bị đảm bảo chất lượng âm thanh, hình ảnh; hình thức trang thiết bị phù hợp thẩm mỹ Việt Nam.

2. Khi hoạt động, tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi điện tử phải tuân theo các quy định sau:

a) Nội dung trò chơi điện tử phải lành mạnh, không vi phạm các quy định cấm tại Điều 3 Quy chế này;

b) Không được hoạt động sau 10 giờ đêm đến 8 giờ sáng.

3. Nghiêm cấm tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có tính chất đánh bạc.

### **Điều 36. Quy định đối với các hoạt động vui chơi, dịch vụ giải trí khác**

Tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động văn hoá, các hình thức vui chơi giải trí khác không thuộc quy định tại Chương VII, Chương VIII và Điều 35 Quy chế này tại nơi công cộng nhằm mục đích kinh doanh hoặc

không nhằm mục đích kinh doanh phải tuân theo các quy định tại các Điều 1 và 3 Quy chế này và không được hoạt động quá 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng.

## *Chương X*

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 37. Quy định về hoạt động sau 12 giờ đêm**

1. Quầy bar trong các cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng từ 3 sao trở lên hoặc hạng cao cấp được hoạt động sau 12 giờ đêm nhưng không quá 2 giờ sáng.

2. Vũ trường, phòng karaoke trong các cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng từ 4 sao trở lên hoặc hạng cao cấp được hoạt động sau 12 giờ đêm nhưng không quá 2 giờ sáng.

#### **Điều 38. Quy định chuyển tiếp**

Các vũ trường, nhà hàng karaoke không thuộc cơ sở lưu trú du lịch, đã được cấp giấy phép kinh doanh theo Nghị định số 11/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ được tiếp tục hoạt động đến hết thời hạn được phép. Khi hết hạn, cơ sở kinh doanh muốn tiếp tục hoạt động phải xin phép theo quy định tại Quy chế này.

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG  
**Nguyễn Tân Dũng**

**CHỈ THỊ**  
**SỐ 14/1998/CT-TTg NGÀY 28-3-1998**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**Về việc thực hiện nếp sống văn minh trong**  
**việc cưới, việc tang, lễ hội**

Ngày 12 tháng 01 năm 1998, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 27-CT/TW "Về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội".

Để thực hiện nghiêm chỉnh ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các ngành, các cấp có kế hoạch cụ thể nhằm triển khai có hiệu quả cuộc vận động này với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội các cấp, theo chức trách và thẩm quyền của mình, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp với thực tế của địa phương và triển khai thực hiện tới tận cơ sở; coi đây là công tác trọng tâm trong nhiều năm nhằm xây dựng

nếp sống văn minh, tiến bộ, giàu bản sắc văn hoá dân tộc.

2. Kiện toàn Ban Chỉ đạo nếp sống văn hóa ở các địa phương, Trưởng ban chỉ đạo do một Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân đảm nhiệm, Phó trưởng ban là Thủ trưởng cơ quan Văn hóa - Thông tin và mời đại diện Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tham gia, thành viên là đại diện một số ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội. Văn phòng Ban Chỉ đạo đặt tại cơ quan Văn hóa - Thông tin.

3. Các Bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần làm ngay một số việc sau đây:

3.1. Bộ Văn hóa - Thông tin: Chủ trì phối hợp với các Bộ, ban, ngành, đoàn thể... có kế hoạch hướng dẫn thực hiện cuộc vận động này; chú trọng công tác tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân vi phạm thuần phong mĩ tục.

3.2. Bộ Y tế: Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, hướng dẫn giữ gìn vệ sinh trong việc chôn cất, bốc mộ, di chuyển thi hài, hài cốt. Kiểm tra chặt chẽ vệ sinh phòng dịch ở các lễ hội, các đám tang, chống ô nhiễm môi trường và lây lan bệnh truyền nhiễm.

3.3. Bộ Tư pháp: Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn việc thi hành pháp luật có liên quan tới việc cưới, việc tang và lỄ hội.

3.4. Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin văn hóa - nghệ thuật... thường xuyên có chương trình tuyên truyền cổ vũ toàn dân thực hiện cuộc vận động này.

4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội tham gia tổ chức chỉ đạo thực hiện cuộc vận động này và lồng ghép vào cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư*" do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phát động.

5. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ  
Phan Văn Khải

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SỐ 308/2005/QĐ-TTg NGÀY 25-11-2005**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**Ban hành Quy chế thực hiện nếp sống văn  
minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy chế này.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG  
Phạm Gia Khiêm**

**QUY CHẾ THỰC HIỆN NẾP SỐNG  
VĂN MINH TRONG VIỆC CƯỚI,  
VIỆC TANG VÀ LỄ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định  
số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25-11-2005  
của Thủ tướng Chính phủ)*

***Chương I***

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.**

1. Quy chế này quy định việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.
2. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, công ty của Nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân và công an nhân dân) phải gương mẫu thực hiện và có trách nhiệm vận động gia đình, cộng đồng dân cư thực hiện Quy chế này.

3. Mọi gia đình công dân có trách nhiệm thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

**Điều 2. Tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội phải đảm bảo:**

1. Không trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không được thực hiện các hoạt động mê tín dị đoan như xem số, xem bói, xóc thẻ, yểm bùa, trừ tà và các hình thức mê tín dị đoan khác.

2. Không gây mất trật tự, an ninh xã hội; không lợi dụng để truyền đạo trái phép và có các hoạt động chia rẽ đoàn kết dân tộc.

3. Không làm cản trở giao thông và các hoạt động công cộng.

4. Không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

5. Giữ gìn sự yên tĩnh, hạn chế gây tiếng ồn vào ban đêm.

6. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này không mời, không dự tiệc cưới trong giờ làm việc; không sử dụng thời gian làm việc, công quỹ và phương tiện của cơ quan, đơn vị, tổ chức để đi dự lễ hội khi không có nhiệm vụ.

7. Không lợi dụng việc cưới, việc tang để nhận quà biếu nhằm trực lợi cá nhân; sử dụng công quỹ của cơ quan, đơn vị, tổ chức để làm quà mừng cưới, viếng đám tang phục vụ cho mục đích cá nhân.

## *Chương II*

# MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### *Mục I*

#### TỔ CHỨC VIỆC CƯỚI

##### **Điều 3.**

1. Việc cưới cần được tổ chức trang trọng, vui tươi, lành mạnh, phù hợp với phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc.
2. Các thủ tục có tính phong tục, tập quán như chạm ngõ; lễ hỏi; xin dâu cần được tổ chức đơn giản, gọn nhẹ.
3. Trang trí lễ cưới và trang phục cô dâu, chú rể phải lịch sự, phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc.
4. Trường hợp tổ chức ăn uống cần tiết kiệm, không kéo dài nhiều ngày và phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
5. Lễ đăng ký kết hôn và trao giấy chứng nhận kết hôn phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

##### **Điều 4. Khuyến khích thực hiện các hình thức sau trong việc cưới:**

1. Báo hỷ thay cho mời dự lễ cưới, tiệc cưới.
2. Tổ chức tiệc trà thay cho tổ chức tiệc mặn tại gia đình, hội trường cơ quan, nhà văn hoá... tổ chức đám cưới không hút thuốc lá.

**3. Cơ quan, tổ chức hoặc đoàn thể xã hội đứng ra tổ chức lễ cưới.**

**4. Đặt hoa ở dài tưởng niệm, nghĩa trang liệt sĩ hoặc trồng cây lưu niệm ở vườn cây hạnh phúc tại địa phương trong ngày cưới.**

**Điều 5. Tổ chức cưới và đưa đón dâu phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn giao thông và trật tự an toàn công cộng.**

## Mục 2

### TỔ CHỨC VIỆC TANG

**Điều 6. Tổ chức việc tang phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về hộ tịch, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; việc tang cần được tổ chức chu đáo, trang nghiêm, gọn nhẹ, tiết kiệm; khi đưa tang phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông và trật tự an toàn công cộng; hạn chế tối đa việc rắc vàng mã, tiền âm phủ trên đường; không rắc tiền giấy hoặc tiền xu trên đường; thực hiện những quy định trong hương ước, quy ước của địa phương về việc tang.**

Việc quàn, chôn cất, hỏa táng, điện táng, bốc mộ và di chuyển thi hài, hài cốt phải thực hiện theo quy định tại Điều lệ Vệ sinh ban hành kèm theo Nghị định số 23/HĐBT ngày 24 tháng 11 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

**Điều 7. Tang phục; cờ tang và treo cờ tang theo phong tục truyền thống của từng vùng, miền, dân tộc, tôn giáo.**

**Điều 8.** Khuyến khích thực hiện các hình thức sau trong việc tang:

1. Sử dụng băng, đĩa nhạc tang thay cho phuờng bát âm.

2. Hạn chế mang vòng hoa.

3. Các hình thức hoả táng, điện táng.

4. Các tuần tiết trong việc tang như lễ cúng 3 ngày, 7 ngày, 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu và cải táng nên tổ chức trong nội bộ gia đình, họ tộc, bạn thân.

**Điều 9.** Việc tổ chức tang lễ đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khi từ trần ban hành kèm theo Nghị định số 62/2001/NĐ-CP, ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ.

**Điều 10.** Chính quyền địa phương các cấp phải có quy hoạch, kế hoạch và đầu tư kinh phí từng bước xây dựng nghĩa trang thành công trình văn hoá tưởng niệm của địa phương.

**Điều 11.** Việc chôn, cải táng, xây mộ phải nằm trong quy hoạch nghĩa trang. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể việc xây mộ cho phù hợp với quỹ đất, phong tục, tập quán của địa phương mình.

### Mục 3

## LỄ HỘI

**Điều 12.** Khi tổ chức lễ hội, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phải

thực hiện đúng quy định của pháp luật về di sản văn hoá và Quy chế tổ chức lễ hội do Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành.

**Điều 13.** Chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải có biện pháp quản lý chặt chẽ, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm di tích, danh lam thắng cảnh; lừa đảo, trộm cắp của du khách; thương mại hoá và các hoạt động mê tín dị đoan trong lễ hội theo phạm vi và thẩm quyền của mình khi tổ chức lễ hội.

**Điều 14.** Tổ chức lễ đón nhận Huân chương, danh hiệu cao quý và các ngày lễ kỷ niệm, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

### *Chương III*

## **KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 15.**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1  
Quy chế này có hành vi vi phạm hoặc lợi dụng  
chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định trong  
Quy chế này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi  
phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ  
luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy  
định của pháp luật.

### **Điều 16.**

1. Thủ trưởng cơ quan nhà nước, đơn vị sự  
nghiệp, công ty của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ  
chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề  
nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang có trách nhiệm  
phổ biến, giáo dục, động viên và quản lý cán bộ,  
công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị  
của mình thực hiện Quy chế này.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc  
Chính phủ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố  
trực thuộc Trung ương căn cứ nội dung tại Quy  
chế này xây dựng quy định về việc thực hiện nếp  
sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội  
cho phù hợp đối với cơ quan, đơn vị, địa phương  
mình và phối hợp với Mặt trận Tổ quốc các cấp,  
các đoàn thể xây dựng chương trình, kế hoạch  
triển khai cuộc vận động xây dựng nếp sống văn  
minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội tới toàn  
thể nhân dân ở địa phương.

3. Uỷ ban nhân dân các cấp có kế hoạch phát  
huy các nguồn lực để xây dựng Nhà Văn hoá, Nhà

Tang lễ, trang bị xe tang của địa phương, góp phần thực hiện tốt việc cưới, việc tang cho nhân dân.

4. Các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình, văn hoá thông tin có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền sâu rộng, phát hiện, cổ vũ, động viên những mô hình hay, kinh nghiệm tốt trong việc thực hiện Quy chế; phê phán các biểu hiện tiêu cực, hành vi vi phạm Quy chế này.

**CHỈ THỊ**  
**SỐ 05/2008/CT-TTg NGÀY 31-01-2008**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**Về việc nâng cao hiệu quả sử dụng**  
**thời giờ làm việc của cán bộ, công chức,**  
**viên chức nhà nước**

Trong những năm qua, nhìn chung đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có ý thức chấp hành đúng các quy định của pháp luật về sử dụng thời giờ làm việc theo quy định của Bộ luật lao động năm 1994, Nghị định số 195/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, Quyết định số 188/1999/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ tuần làm việc 40 giờ và các văn bản pháp luật khác liên quan. Nhiều cán bộ, công chức, viên chức cần cù làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước đã chú ý áp dụng các biện pháp tổ chức lao động một cách khoa học, sử dụng hợp lý thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên

chức nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Tuy nhiên, việc quản lý lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước còn nhiều hạn chế và yếu kém, dẫn đến lãng phí thời gian lao động làm cho năng suất, chất lượng hiệu quả công tác không cao. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước chưa đề cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; ý thức kỷ luật lao động kém; vi phạm các quy định của pháp luật về sử dụng thời giờ làm việc như làm việc riêng, đi muộn, về sớm, chơi games, đánh bài, uống rượu, bia trong giờ làm việc, ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công tác và tác phong, uy tín của cán bộ, công chức, viên chức.

Nguyên nhân chủ yếu của những khuyết điểm nêu trên là do người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước chưa chú trọng quản lý thời giờ làm việc; ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước còn yếu kém; việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thời giờ làm việc không nghiêm.

Để khắc phục những khuyết điểm, yếu kém nêu trên, cùng với việc thực hiện các nội dung của công tác cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tận tụy, hết lòng phục vụ nhân dân và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, nâng

cao hiệu quả thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

**1. Thủ trưởng các cơ quan thuộc bộ máy hành chính, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp của Nhà nước có trách nhiệm:**

a) Quản lý và sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Phân công lao động hợp lý và tổ chức tốt quá trình lao động của cán bộ, công chức, viên chức. Điều tra, khảo sát, xây dựng tiêu chuẩn, định mức lao động và thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức. Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức lao động và thời giờ làm việc đã được phê duyệt, áp dụng cơ chế khoán theo công việc hoặc theo thời gian thực hiện công việc;

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể trên cơ sở nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phân bổ thời gian hợp lý để thực hiện chương trình, kế hoạch được giao;

c) Thực hiện nghiêm chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng hội nghị, hội thảo, cuộc họp và tiết kiệm thời gian bằng cách đổi mới phương pháp, cách thức tổ chức, điều hành hội nghị, hội thảo, cuộc họp;

d) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO - 9001 : 2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác văn phòng;

d) Bảo đảm trang thiết bị, phương tiện và điều kiện làm việc phù hợp với tính chất, đặc thù lao động cho cán bộ, công chức, viên chức; triển khai có hiệu quả chương trình hiện đại hóa nền hành chính, hiện đại hóa công sở;

e) Đề cao trách nhiệm, gương mẫu thực hiện các quy định về sử dụng thời giờ làm việc; có biện pháp khuyến khích, khen thưởng xứng đáng, kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức nghiêm túc chấp hành kỷ luật lao động, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng thời giờ làm việc cao; đồng thời thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về sử dụng thời giờ làm việc, về kỷ luật lao động; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; không xét khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm thời giờ làm việc.

## 2. Cán bộ, công chức, viên chức:

a) Phải chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Không sử dụng thời giờ làm việc vào việc riêng; không đi muộn, về sớm, không chơi games

trong giờ làm việc; không uống rượu, bia trước, trong giờ làm việc, kể cả vào bữa ăn giữa hai ca trong ngày làm việc và ngày trực;

c) Phải có mặt đúng giờ tại công sở theo giờ hành chính hoặc theo quy định cụ thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

### **3. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan:**

a) Bộ Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Chỉ thị này và định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện;

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các tiêu chuẩn, định mức sử dụng lao động, sử dụng thời gian lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện Chỉ thị này.

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**Nguyễn Tấn Dũng**

**THÔNG TƯ**  
**SỐ 04/2011/TT-BVHTTDL NGÀY 21-01-2011**  
**CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA,**  
**THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**Quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh**  
**trong việc cưới, việc tang và lễ hội**

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25-12-2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06-11-2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Căn cứ Nghị định số 75/2010/NĐ-CP ngày 12-7-2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa;

Căn cứ Chỉ thị số 14/1998/CT-TTg ngày 28-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội;

Căn cứ Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25-11-2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành

kèm theo Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội;

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội như sau:

## *Chương I*

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội được tổ chức trong phạm vi cả nước.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào việc cưới, việc tang và lễ hội tại Việt Nam.

#### **Điều 2. Những nguyên tắc trong tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội**

Tổ chức, cá nhân khi tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Không trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không để xảy ra các hoạt động mê tín dị đoan.

2. Không lợi dụng việc cưới, việc tang và lễ hội để hoạt động nhằm chia rẽ đoàn kết dân tộc, gây mất đoàn kết trong cộng đồng, dòng họ và gia đình.

3. Không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông và trật tự, an toàn công cộng.

4. Không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

5. Không được sử dụng thời gian làm việc và phương tiện của cơ quan đi đám cưới, lễ hội (trừ cơ quan làm nhiệm vụ); không sử dụng công quỹ của cơ quan làm quà mừng, quà tặng trong đám cưới và viếng đám tang.

## *Chương II*

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### *Mục 1*

##### **NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG VIỆC CƯỚI**

###### **Điều 3. Tổ chức việc cưới**

Việc cưới phải được tổ chức theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

###### **Điều 4. Đăng ký kết hôn**

1. Đôi nam nữ để trở thành vợ chồng phải đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của một trong hai người theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức việc đăng ký kết hôn theo đúng thủ tục do pháp luật quy định.

## **Điều 5. Trao giấy chứng nhận kết hôn**

Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức trao giấy chứng nhận kết hôn cho đôi nam nữ đã hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn, thể hiện sự thừa nhận kết hôn hợp pháp của Nhà nước và pháp luật.

## **Điều 6. Tổ chức lễ cưới tại gia đình hoặc tại địa điểm cưới**

1. Việc tổ chức lễ cưới tại gia đình hoặc tại địa điểm cưới phải thực hiện các quy định sau:

a) Đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, vui tươi, lành mạnh, phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hoá của từng địa phương, dân tộc, tôn giáo và phù hợp với hoàn cảnh của hai gia đình;

b) Các thủ tục chạm ngõ, ăn hỏi, rước dâu cần được tổ chức theo phong tục, tập quán; không phô trương hình thức, rườm rà; không nặng về đòi hỏi lễ vật;

c) Địa điểm cưới do hai gia đình lựa chọn; thời gian tổ chức tiệc cưới không làm ảnh hưởng đến thời gian lao động của Nhà nước; chỉ mời khách dự tiệc cưới trong phạm vi gia đình, họ tộc thân thích, bạn bè và đồng nghiệp thân thiết;

d) Tổ chức tiệc cưới phù hợp với hoàn cảnh gia đình, tránh phô trương, lãng phí;

đ) Trang trí lễ cưới cần giản dị, không rườm rà, phô trương; trang phục cô dâu, chú rể đẹp và lịch sự, phù hợp với văn hoá dân tộc;

e) Âm nhạc trong đám cưới phải lành mạnh, vui tươi; âm thanh đám bảo không vượt quá độ ồn cho phép theo tiêu chuẩn Việt Nam thực hiện tại bản tiêu chuẩn Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2351/1998/QĐ-BKHCNMT ngày 05-12-1998 của Bộ Khoa học-Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ); không mở nhạc trước 06 giờ sáng và sau 22 giờ đêm.

2. Khuyến khích thực hiện các hoạt động sau trong tổ chức việc cưới:

- a) Dùng hình thức báo hỷ thay cho giấy mời dự lễ cưới, tiệc cưới;
- b) Hạn chế tổ chức tiệc cưới linh đình, chỉ tổ chức tiệc trà, tiệc ngọt trong lễ cưới;
- c) Không sử dụng thuốc lá trong đám cưới;
- d) Cơ quan, tổ chức, đoàn thể đứng ra tổ chức lễ cưới;
- d) Cô dâu, chú rể và gia đình đặt hoa tại đài tưởng niệm liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, di tích lịch sử - văn hoá; trồng cây lưu niệm tại địa phương trong ngày cưới;
- e) Cô dâu, chú rể và gia đình mặc trang phục truyền thống hoặc trang phục của dân tộc mình trong ngày cưới.

## Mục 2

### NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG VIỆC TANG

#### Điều 7. Tổ chức việc tang

Việc tang phải được tổ chức theo quy định của pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, pháp luật

về bảo vệ môi trường, pháp luật về y tế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 8. Khai tử**

Khi có người qua đời, gia đình hoặc thân nhân phải làm thủ tục khai tử trước khi tổ chức lễ tang theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Trách nhiệm tổ chức lễ tang**

1. Lễ tang do gia đình người qua đời quyết định tổ chức tại nhà hoặc tại địa điểm công cộng.

2. Trong trường hợp lễ tang do Ban lễ tang tổ chức, Ban lễ tang có trách nhiệm phối hợp với gia đình người qua đời thống nhất quyết định những vấn đề liên quan đến việc tổ chức tang lễ.

3. Nếu người qua đời không có gia đình hoặc thân nhân đứng ra tổ chức lễ tang thì Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với các đoàn thể quần chúng chịu trách nhiệm tổ chức khâm liệm và mai táng chu đáo theo phong tục truyền thống.

### **Điều 10. Tổ chức lễ tang**

1. Lễ tang được tổ chức tại nhà hoặc tại địa điểm công cộng phải thực hiện các quy định sau:

a) Lễ tang phải được tổ chức chu đáo, trang nghiêm, tiết kiệm, phù hợp với tập quán, truyền thống văn hoá dân tộc và hoàn cảnh gia đình người qua đời;

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức lễ tang chu đáo; vận động gia đình có người từ trần xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, các hành vi mê tín dị đoan trong lễ tang;

c) Việc quàn ướp thi hài thực hiện theo Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26-5-2009 của Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng.

d) Việc mặc tang phục và treo cờ tang trong lễ tang thực hiện theo truyền thống của địa phương, dân tộc và tôn giáo; chỉ treo cờ tang tại địa điểm tổ chức lễ tang;

d) Không cử nhạc tang trước 06 giờ sáng và sau 22 giờ đêm; âm thanh đảm bảo không vượt quá độ ồn cho phép theo tiêu chuẩn Việt Nam thực hiện tại bản tiêu chuẩn Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2351/1998/QĐ-BKHCNMT ngày 05-12-1998 của Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

Trường hợp người qua đời theo một tôn giáo hoặc là đồng bào dân tộc thiểu số, trong lễ tang được sử dụng nhạc tang của tôn giáo hoặc của dân tộc thiểu số đó; không sử dụng các nhạc khúc không phù hợp trong lễ tang;

e) Cấm rải tiền Việt Nam và các loại tiền của nước ngoài trên đường đưa tang;

g) Người qua đời phải được chôn cất trong nghĩa trang; trường hợp chưa xây dựng được nghĩa

trang, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm hướng dẫn nhân dân tổ chức chôn cất phù hợp với quy hoạch quỹ đất của địa phương;

h) Việc tổ chức ăn uống trong lễ tang chỉ thực hiện trong nội bộ gia đình, dòng họ và phải đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm;

i) Nghiêm cấm lợi dụng việc tang để hành nghề mê tín dị đoan dưới mọi hình thức; nghiêm cấm lợi dụng việc tang để cản trở việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân trước pháp luật.

2. Lễ tang của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân và công an nhân dân), khi tổ chức, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải thực hiện các quy định tại Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức tang lễ đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khi từ trần.

3. Khuyến khích các hoạt động sau trong tổ chức việc tang:

a) Các nghi thức cúng ba ngày, bảy ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu, giỗ hết, cải táng chỉ thực hiện trong ngày và trong nội bộ gia đình, dòng họ;

b) Thực hiện hình thức hoả táng, điện táng, hung táng một lần vào khu vực nghĩa trang đã được quy hoạch;

c) Việc chôn cất người qua đời thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25-3-2008 của Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang;

d) Xoá bỏ các hủ tục mê tín lạc hậu như yểm bùa, trừ tà, lăn đường, khóc mướn và những nghi thức rườm rà khác;

d) Không rắc vàng mã trên đường đưa tang.

### **Điều 11. Việc xây cất mộ**

1. Việc xây cất mộ phải thực hiện các quy định của Bộ Xây dựng.

2: Khuyến khích các địa phương xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch, đảm bảo khoa học, tiện lợi cho việc chôn cất, phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

3: Khuyến khích việc xây dựng nghĩa trang thành công trình văn hóa tưởng niệm tại địa phương.

### *Mục 3*

## **NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG LỄ HỘI**

### **Điều 12. Tổ chức lễ hội**

1. Tổ chức, cá nhân, khi tổ chức hoặc tham gia lễ hội, phải thực hiện các quy định sau:

a) Nghi thức lễ hội phải được tiến hành trang trọng, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc;

- b) Trong khu vực lễ hội, cờ Tổ quốc phải được treo nơi trang trọng, cao hơn cờ hội, cờ tôn giáo; chỉ treo cờ hội, cờ tôn giáo tại địa điểm lễ hội và trong thời gian tổ chức lễ hội;
- c) Thực hiện đúng nội quy, quy định của Ban tổ chức lễ hội;
- d) Trang phục đẹp, lịch sự, phù hợp với thuần phong mỹ tục;
- đ) Không nói tục, xúc phạm tâm linh và ảnh hưởng xấu tới không khí trang nghiêm của lễ hội;
- e) Bảo đảm trật tự, an ninh khi dự lễ hội; không đốt pháo, đốt và thả đèn trời;
- g) Ứng xử có văn hóa trong hoạt động lễ hội;
- h) Bỏ rác vào nơi quy định, giữ gìn vệ sinh môi trường;
- i) Không bán vé vào dự lễ hội;
- k) Nếu tổ chức các trò chơi, trò diễn, biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, trưng bày triển lãm trong khu vực lễ hội thì được bán vé cho các hoạt động đó; giá vé thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính;
- l) Nghiêm cấm lợi dụng lễ hội để hành nghề mê tín dị đoan như xem số, xem bói, gọi hồn, cầu cơ, sám truyền, yểm bùa, trừ tà, phù phép chữa bệnh;
- m) Không đốt đồ mả trong khu vực lễ hội.

## 2. Khuyến khích các hoạt động sau trong tổ chức lễ hội:

- a) Tổ chức giới thiệu ý nghĩa lịch sử của lễ hội, giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bồi dưỡng lòng yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam;

- b) Tưởng nhớ công đức của ông cha, ghi nhận công lao của các bậc tiền bối trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc;
- c) Tổ chức các trò chơi dân gian, trò chơi mới và các hoạt động văn hoá, thể thao có nội dung bổ ích, lành mạnh, phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm của lễ hội;
- d) Thắp hương theo quy định của Ban tổ chức lễ hội.

### *Chương III*

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang có trách nhiệm phổ biến và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12-01-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, Chỉ thị số 14/1998/CT-TTg ngày 28-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25-11-2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Kết luận số 51-KL/TW ngày 22-7-2009 của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12-01-1998 của Bộ Chính trị

(khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và Thông tư này tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ và nhân dân.

2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí tổ chức tuyên truyền để tạo thành dư luận xã hội hỗ trợ tích cực việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định tại Thông tư này.

3. Các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đặc biệt chú trọng hướng dẫn xây dựng các quy ước về việc cưới, việc tang và lễ hội phù hợp với phong tục, tập quán từng vùng, từng dân tộc; tập trung chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm từ những cơ sở tốt nhân ra diện rộng; gắn việc thực hiện quy ước về việc cưới, việc tang và lễ hội với xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, cơ quan, xí nghiệp, trường học văn hoá trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá".

4. Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn thanh tra chuyên ngành các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

5. Cục Văn hoá cơ sở - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm theo dõi và thường xuyên báo cáo Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về

kết quả thực hiện Thông tư này; định kỳ giúp Bộ tổ chức tổng kết việc thực hiện Thông tư này trên phạm vi toàn quốc để rút kinh nghiệm, đề ra những biện pháp phù hợp cho công tác chỉ đạo trong những năm tiếp theo.

6. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân và công an nhân dân) phải gương mẫu thực hiện và có trách nhiệm vận động gia đình, cộng đồng dân cư thực hiện nếp sống văn minh quy định tại Thông tư này.

#### **Điều 14. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2011 và thay thế Thông tư số 04/1998/TT-BVHTT ngày 11-7-1998 của Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BỘ TRƯỞNG  
Hoàng Tuấn Anh

## MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời giới thiệu</i>	7
<i>Phần thứ nhất</i>	
<b>TÁC PHẨM "ĐỜI SỐNG MỚI" CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH</b>	9
<i>Phần thứ hai</i>	
<b>HỎI VÀ ĐÁP VỀ THỰC HIỆN NẾP SỐNG VĂN MINH</b>	37
Câu 1. Cho biết khái niệm về phong hoá, phong tục, tập quán, đạo đức, lối sống, nếp sống?	39
Câu 2. Nội dung chủ yếu của nếp sống văn hoá là gì?	43
Câu 3. Khái niệm văn hóa, văn minh được hiểu như thế nào, vì sao phải thực hiện nếp sống văn minh?	45
<b>I. VỀ THỰC HIỆN NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG VIỆC CƯỚI, VIỆC TANG VÀ LỄ HỘI</b>	47
<i>Việc cưới</i>	47
Câu 4. Thế nào là tổ chức cưới trang trọng và tiết kiệm?	47
Câu 5. Lễ thức cơ bản trong tổ chức lễ cưới hiện nay?	48

Câu 6. Một số điều cần lưu ý trong tổ chức cưới hiện nay: về biểu trưng, trang phục cô dâu và chú rể, âm nhạc trong đám cưới, phương tiện đi lại, chụp hình và ghi hình trong đám cưới.	50
Câu 7. Một số hình thức liên hoan cưới mới hiện nay cần tham khảo.	51
Câu 8. Hủ tục là gì, vì sao phải bài trừ hủ tục trong việc cưới?	53
Câu 9. Để việc cưới đi vào nền nếp, chúng ta phải thực hiện như thế nào?	54
<b>Việc tang</b>	55
Câu 10. Thế nào là tổ chức việc tang chu đáo, trang nghiêm, gọn nhẹ và tiết kiệm?	55
Câu 11. Một số thủ tục cơ bản trong tổ chức lễ tang hiện nay	56
Câu 12. Hung táng, hỏa táng, điện táng, cát táng là gì, vì sao chúng ta khuyến khích nhân dân sử dụng hình thức hỏa táng, điện táng?	63
Câu 13. Cho biết một số khái niệm có liên quan đến việc tang, mai táng và hỏa táng?	64
Câu 14. Nguyên tắc chung về vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng là gì?	64
Câu 15. Thời gian quàn ướp thi hài được quy định như thế nào?	65
Câu 16. Nơi quàn ướp thi hài phải đảm bảo các điều kiện như thế nào?	66
Câu 17. Vệ sinh trong khâm liệm thi hài được thực hiện như thế nào?	67
Câu 18. Khi vận chuyển hài cốt phải làm gì?	69

Câu 19. Vệ sinh trong mai táng, hỏa táng được thực hiện như thế nào?	69
Câu 20. Vệ sinh đối với người tham gia hoạt động mai táng, hỏa táng phải đáp ứng những yêu cầu như thế nào?	71
Câu 21. Nhà tang lễ phải bảo đảm các yêu cầu vệ sinh như thế nào?	72
Câu 22. Thời gian cất táng được quy định như thế nào?	74
Câu 23. Thời gian lưu xác tại nhà hỏa táng được quy định như thế nào?	74
Câu 24. Một số hình thức khuyến khích trong việc tang và tiến tới thực hiện hoá táng là gì?	75
Câu 25. Quy hoạch và sử dụng nghĩa trang có hiệu quả phải thực hiện những gì?	76
Câu 26. Hủ tục là gì, vì sao phải bài trừ hủ tục trong việc tang?	77
<i>Lễ hội.</i>	78
Câu 27: Lễ hội là gì?	78
Câu 28. Nội dung cơ bản phần lễ, hội được thực hiện như thế nào?	79
Câu 29. Để tổ chức lễ hội lành mạnh phải thực hiện như thế nào?	80
Câu 30. Các loại hình lễ hội được quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06-11-2009 của Chính phủ bao gồm những lễ hội nào?	81
Câu 31. Phân cấp quản lý, tổ chức lễ hội như thế nào?	82

Câu 32. Những lễ hội nào khi tổ chức không phải xin cấp giấy phép?	83
Câu 33. Những lễ hội nào khi tổ chức phải được phép của Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương?	83
Câu 34. Quy định về thủ tục, hồ sơ cấp phép tổ chức lễ hội?	84
Câu 35. Nhiệm vụ chính của Ban tổ chức lễ hội là gì?	85
Câu 36. Quy hoạch dịch vụ và xây dựng nếp sống văn hoá kinh doanh dịch vụ trong lễ hội như thế nào?	86
Câu 37. Việc bảo đảm an ninh an toàn lễ hội, vệ sinh, cảnh quan môi trường như thế nào?	87
Câu 38. Công đức là gì, sử dụng nguồn công đức thế nào là đúng và hiệu quả?	88
<b>II. VỀ PHONG TRÀO "TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA"</b>	89
<i>Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"</i>	89
Câu 39. Cho biết xuất xứ của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"?	89
Câu 40. Cho biết nội dung chủ yếu của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"?	92
Câu 41. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" bao gồm các phong trào cụ thể nào?	92

<i>Xây dựng gia đình văn hoá</i>	93
Câu 42. Thế nào là một gia đình văn hoá?	93
Câu 43. Mục tiêu của xây dựng gia đình văn hoá hiện nay là gì?	95
Câu 44. Công tác xây dựng gia đình văn hoá cần phải thực hiện như thế nào để đạt hiệu quả?	95
Câu 45. Để hưởng ứng công tác này, mỗi gia đình cần thực hiện những gì?	96
Câu 46. Tác động từ hiệu quả công tác xây dựng gia đình văn hoá đối với xã hội như thế nào?	97
<i>Công tác xây dựng làng (thôn, bản, áp...), tổ dân phố văn hoá</i>	98
Câu 47. Thế nào là làng (thôn, bản, áp...), tổ dân phố văn hoá?	98
Câu 48. Vì sao phải xây dựng làng (thôn, bản, áp...), tổ dân phố văn hoá?	98
Câu 49. Để đạt danh hiệu "Làng văn hoá" cần phải đạt những tiêu chuẩn gì?	99
Câu 50. Để đạt danh hiệu "Tổ dân phố văn hoá" cần phải đạt những tiêu chuẩn gì?	104
Câu 51. Công tác xây dựng làng (thôn, bản, áp...), tổ dân phố văn hoá cần phải thực hiện như thế nào để có hiệu quả?	106
<i>Về xây dựng hương ước, quy ước văn hoá</i>	107
Câu 52. Nội dung cơ bản của hương ước, quy ước văn hoá là gì?	107
Câu 53. Quy trình dự thảo hương ước, quy ước văn hoá như thế nào?	108

<b>III. VỀ VĂN HÓA CÔNG SỞ</b>	<b>109</b>
Câu 54. Văn hóa công sở là gì, vì sao phải thực hiện nếp sống văn hóa công sở?	109
Câu 55. Nguyên tắc và mục đích thực hiện văn hóa công sở là gì?	110
Câu 56. Các hành vi bị cấm tại công sở làm việc là gì?	111
Câu 57. Việc thực hiện văn hóa công sở tại phòng làm việc được quy định như thế nào?	111
Câu 58. Cho biết quy định treo Quốc huy và Quốc kỳ tại công sở như thế nào?	112
Câu 59. Sử dụng thời gian công sở có hiệu quả phải thực hiện những gì?	112
Câu 60. Văn hóa giao tiếp, ứng xử văn minh trong cơ quan nhà nước phải thực hiện những gì?	115
Câu 61. Để việc thực hiện nếp sống văn hóa công sở có hiệu quả, trong thời gian tới chúng ta phải thực hiện những gì?	116
<b>IV. VỀ HÀNH VI VI PHẠM NẾP SỐNG VĂN MINH, HÌNH THỨC, MỨC PHẠT VÀ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT</b>	<b>117</b>
Câu 62. Cho biết hành vi vi phạm nếp sống văn minh, hình thức và mức phạt?	117
Câu 63. Vì phạm các quy định về giấy phép hoạt động sẽ bị xử phạt như thế nào?	120
Câu 64. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là đối tượng nào?	120

<i>Phần thứ ba</i>	
<b>MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ NẾP SỐNG VĂN HÓA</b>	123
<b>VĂN BẢN CỦA ĐẢNG</b>	125
- Kết luận số 30-KL/TW ngày 20-7-2004 của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” trong những năm sắp tới	125
- Kết luận số 51-KL/TW ngày 22-7-2009 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12-01-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội ( <i>Trích</i> )	138
- Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12-01-1998 của Bộ Chính trị về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội	143
<b>VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC</b>	147
- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06-11-2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng	147
- Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ( <i>Ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06-11-2009 của Chính phủ</i> ) ( <i>Trích</i> )	149

- Chỉ thị số 14/1998/CT-TTg ngày 28-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội	161
- Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25- 11-2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	164
- Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội ( <i>Ban hành kèm theo Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25-11-2005 của Thủ tướng Chính phủ</i> )	166
- Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg ngày 31-01-2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước	174
- Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21- 01-2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	179

Chịu trách nhiệm xuất bản  
TS. NGUYỄN DUY HÙNG  
Chịu trách nhiệm nội dung  
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung: BÙI HỒNG THÚÝ  
BÙI QUỲNH NHƯ  
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG  
Chế bản vi tính: HOÀNG MINH TÁM  
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT  
Đọc sách mẫu: BÙI QUỲNH NHƯ

---

In 9.090 cuốn, khổ 12.5 x 20.5cm.  
Tại Xí nghiệp In Tổng cục CNQP.  
Số xuất bản: 18-2011/CXB/184-110/CTQG.  
Quyết định xuất bản số: 865-QĐ/NXBCTQG,  
cấp ngày 15 tháng 9 năm 2011.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2011.



# NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

24 Quang Trung - Hà Nội ĐT: 39422008 FAX: 84-4-39421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn Website: www.nxbctqg.org.vn

## TÌM ĐỌC

PGS, TS. TRƯƠNG MINH DỤC, TS. LÊ VĂN ĐỊNH (Đồng chủ biên)

- Văn hóa và lối sống đô thị Việt Nam - Một cách tiếp cận

GS, TS. NGÔ ĐỨC THỊNH (Chủ biên)

- Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam

HOÀNG ANH - NGUYỄN DUY BẮC - PHẠM VĂN THỦY

- Phát triển văn hóa và con người Việt Nam  
theo tư tưởng Hồ Chí Minh



8935211110763